

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Huy Thiệp (I)

Tiểu sử

Sinh ngày 29.4.1950 tại Khương Hạ, Thanh Trì, Hà Nội

Tác phẩm

Về lịch sử và văn học:

Kiểm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết, Nguyễn Thị Lộ
Mưa Nhã Nam, Chút Thoáng Xuân Hương



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Trò chuyện với hoa thủy tiên và ... - 4

Đọc lại “Tướng về hưu” – Đặng Văn Sinh – 13

Tướng về hưu – 16

Chân dung Nguyễn Huy Thiệp – Nguyễn Đăng Mạnh - 24

Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt – 27

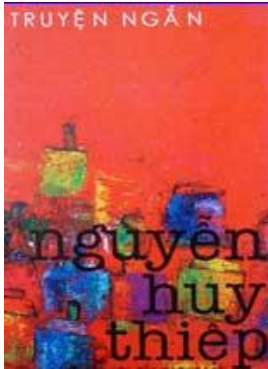
Gặp Nguyễn Huy Thiệp trong cái “thế giới riêng” – Trần Thị Trường – 31

Phụ đính:

Truyện tình kể trong đêm mưa - Cánh buồm thuờ ấy
Cánh buồm nâu - Con đường văn học - Một thoáng Xuân Hương

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Nguyễn Huy Thiệp:
"Đời viết văn cũng như đời người -dàn bà"

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp tâm sự.
"Tình yêu làm người ta mơ mộng và nổi hứng sáng tạo. Tôi từng và đã làm được một lô lốc các thứ: truyện, tranh, gốm. Sau, cũng thấy tất cả là vô nghĩa. May mà vợ tôi hiền lành, lương thiện và chịu hy sinh".

- Có bao giờ ông tổng kết lại quãng thời gian sáng tác vừa qua và chia ra từng giai đoạn với những đặc điểm riêng của nó?

- Tôi đã tự tổng kết đời viết văn của rất nhiều người khác, để thấy rằng cuộc đời sáng tạo này hết như đời một người đàn bà. Khoảng thời gian đẹp nhất của họ thật ngắn ngủi, từ 4 đến 6 năm. Khoảng thời gian viết văn của tôi có lẽ đã qua rồi, từ năm 1987 đến 1993. Vì thế, sau đó tôi chuyển sang thể loại kịch, một phần cũng muốn làm phong phú thêm hình thức thể hiện.

- Trước khoảng thời gian ấy, ông từng làm rất nhiều nghề để kiếm sống. Ông muốn như vậy hay vì hoàn cảnh bắt buộc?

- Thời đó, gia đình tôi nghèo lắm. Tôi chuyển nghề dạy học từ miền Tây Bắc về làm ở kho sách của Cục Xuất bản. Tôi tìm mọi cách để kiếm tiền cho gia đình và cũng vì cái thú ham thích đi đây đó của bản thân. Tôi buôn giấy thép từ Tuyên Quang về bán ở rất nhiều tỉnh, mất vài năm. Hồi đó, Nhà nước bao cấp toàn bộ nên buôn bán không được tự do, công khai như bây giờ. Tôi đã tiếp thu được nhiều bài học cay đắng ở đời nhờ việc buôn bán ấy. Về sau, tôi đi kẻ vẽ quảng cáo, trình bày các gian hàng ở Triển lãm Giảng Võ, đi làm gốm, cũng vẽ cả tranh sơn dầu.

- Vậy thời ấy, ông không nung nấu ý định trở thành nhà văn?

- Điều ấy hơi tù mù. Lúc đó, tôi chỉ có ý định làm một điều có ý nghĩa cho đời mình, nhưng chẳng xác định cụ thể. Văn chương đến rất ngẫu nhiên, tôi không cố tình chuẩn bị cho nó.

- Hai người con trai của ông nghĩ gì về sự nổi danh của bố?

- Cậu con trai đầu đang là sinh viên năm thứ IV Khoa Điêu khắc, Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Nó là đứa có khả năng, chỉ tiếc một điều nó có vẻ dễ dãi với những gì mình làm được. Chỉ cần cố gắng một chút là nó được thầy khen ngợi rồi và nó nghĩ, thế là đủ. Hay thằng bé cho rằng cái bóng của bố lớn quá, không thể vượt qua? Cậu con trai thứ hai mới thi đậu vào khoa Văn hoá quần chúng, Đại học Văn hoá Hà Nội. Hợp với nó, suốt ngày chỉ ăn chơi nhảy múa. Nói chung là chúng biết và tỏ ra tự hào về tôi khi nói chuyện với người ngoài.

- Bình thường, nếu không viết thì ông làm gì cho hết một ngày?

- Có khi tôi nằm dài trên đi văng và ngủ suốt. Tôi không thích giao tiếp nữa bởi trong những năm tháng bươn chải kiếm sống, tôi đã phải va chạm với quá nhiều người.

Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhảm lẫn của nhà văn



Trong những cuộc trò chuyện về văn học trên "văn đàn" gần đây thì cuộc trò chuyện của phóng viên báo *An Ninh Thế Giới* với nhà văn Tô Hoài (in trên báo *An Ninh Thế Giới Cuối Tháng 12. 2003*) theo tôi là một cuộc trò chuyện hay nhất. Cũng phải nói thêm rằng cuộc trò chuyện này có hơi hướng một cuộc hỏi cung oái oăm và không được nhã cho lắm nhưng thực ra điều ấy không can hệ gì. Hai bên vấn đáp, trao đổi giống như kiểu cao nhân ngồi trên núi hoa đào luận bàn về kiếm pháp trong giới giang hồ ("hoa sơn luận kiếm"). Tôi không nhớ tình huống nào đã dẫn đến câu hỏi về sĩ khí của nhà văn (tức là một câu hỏi đốp chát nhất về danh dự): "Anh có hèn không?" "Tại sao như thế này và như thế kia v.v." Nhà văn Tô Hoài không trả lời đúng vào câu hỏi (hầu hết trong cuộc phỏng vấn này ông đều không trả lời đúng vào câu hỏi). Tô Hoài sinh năm 1920, bắt đầu viết văn từ những năm đầu tiên của nền "văn học chữ quốc ngữ", lừng danh từ tuổi 20 với tác phẩm bất hủ *Đế mèn phiêu lưu ký*, có thể nói là một "cây đại thụ trong nền văn học nước nhà". Ông đã sống, viết lách, trải nghiệm qua vài chế độ, hiểu khá rõ về sự đời, tình đời. Khi Tô Hoài nói về kinh nghiệm viết văn (điều này cũng giống như nhiều người viết văn thuộc thế hệ ông), người ta đều nhận thấy những kinh nghiệm viết văn của họ luôn đan xen với những kinh nghiệm đời nhân xử thế. Văn học (với tính chất xã hội rõ ràng) không còn là một "nghệ thuật chữ nghĩa" mà hiển nhiên là "nghệ thuật sống", nó có cái cần lâu hơn, là tay thước, là cây gậy, là cái bẫy chim, thậm chí còn là cây súng.

Ở thế hệ "nhà văn hiện đại" bây giờ (tôi có thể kể tên đôi ba người làm ví dụ trong đó có Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Phan Thị Vàng Anh v.v.) họ có thể trông chờ gì ở kinh nghiệm viết văn ở các bậc tiền bối nếu chỉ cứ loay hoay với các cung cách ứng xử mà thôi? Trong một phát biểu trên báo gần đây Hồ Anh Thái cho rằng: "Nhà văn là người có lẽ không thích hợp với các sinh hoạt đám đông, thậm chí cả với sinh hoạt gia đình" (Báo *Thể Thao Văn Hóa* số Tết tất niên Giáp Thân 2004). Tôi hơi băn khoăn về quan điểm đó và tôi không mong nó sẽ đại diện cho quan niệm của cả một thế hệ nhà văn trẻ bây giờ. Điều ấy chứng tỏ văn học đang ngày càng trở nên khắc nghiệt hơn so với trước kia. Văn học hiện đại đó là một sân chơi ngày càng chuyên nghiệp và quyết liệt (vì sao tôi sẽ nói sau) không phải là một "nghệ thuật" dễ xơi chút nào. Xem xét quan niệm của các nhà văn danh tiếng đáng mặt hiện nay trên thế giới và khu vực hầu như ai cũng nói đến cuộc sống riêng tư của mình một cách khá dè dặt, mặc dầu dè dặt nhưng chính cái "cuộc sống thổ tả" ấy lại là cốt lõi, là thức ăn cho cuốn sách họ đang viết. Ở Trung Quốc, Cao Hành Kiện là đương nhiên rồi, còn những người "hạng hai" như Mạc Ngôn, Giả Bình Ao, Vệ Tuệ, Miên Ngôn, Cửu Đan... tất cả đều trình bày cuộc sống "tự sự" của

mình một cách cay đắng và cũng có thể nói là thành công. Mạc Ngôn nói: "Tiểu thuyết là tự sự (tự thuật)". Quan niệm này tuy lỗ mãng nhưng phải nói là xác đáng. Ở Miền Miền (một cây bút nữ trẻ) "vô thức" đã giúp cô nhận ra điều ấy khá trực tiếp. Ở bên trời Tây, trước đây Sagan (tác giả *Buồn ơi chào mi*) cũng đã từng làm như thế nhưng khoảng cách giữa sáng tác và tự sự vẫn là một trời một vực. Lối viết tự sự đòi hỏi sự thành thật và một nghệ thuật che giấu tình cảm rất cao. Nhà văn - nhân vật luôn đối mặt với những sự hiểm nguy ở trong "trái tim", trong công việc, trong ứng xử, trong mọi sinh hoạt của mình. Nó dứt khoát là một cuộc sống phiêu lưu, thậm chí còn nguy hiểm nữa. Tôi hiểu vì sao có khá nhiều "nhà văn trẻ" hiện nay đang sống độc thân, "vào Nam ra Bắc", khước từ mọi "hệ lụy", rắc rối, sống âm thầm, "dần vật", v.v. Văn học đã trở nên quá nặng nề với họ. Thức ăn của văn học là cuộc sống của chính tác giả, văn học xoi những miếng to tướng, vừa ăn vừa nhả ra nham nhở, chẳng hề "nghệ thuật" chút nào. Bảo trọng mình ra sao để có thể "kể chuyện" được không dễ. Ở thế hệ Tô Hoài, tôi ngờ rằng họ quan sát, chiêm nghiệm nhiều hơn thể nghiệm. Đọc lại bài phỏng vấn về Tô Hoài, ông cho biết, Nam Cao viết do "vợ kể lại", Nguyễn Đình Thi "sáng tác" mà không biết trong chùa có ai sống (sư cụ, tiểu hay vãi...), Hoàng Cầm làm "thơ tán gái" v.v. Văn học hiện đại rất coi trọng "cảm giác". Không có cảm giác thật thì chẳng làm được gì cả. Cảm giác là thứ không thể truyền lại được. Kinh nghiệm của cảm giác là thứ rất khó ẩn chứng giữa người này với người kia. Kinh nghiệm viết văn thực ra chỉ là kinh nghiệm của cảm giác. Cảm giác - đó là một thứ văn học mà văn học hiện đại đặt thành tiêu chí hàng đầu. Ít nhất, đó cũng là cảm nhận, cảm giác của riêng tôi... khi mà tôi đi sâu vào thế giới sáng tác nội tâm của mình và các nhà văn hiện đại đương thời.

Đương đại - tức là "suy đồi"?

Khi ta đang sống (đương đại) nghĩa là ta đang tiếp cận, đang tiếp cận cái chết (sự suy đồi ghê rợn nhất). Nghệ thuật đương đại, xét cho cùng chính là nghệ thuật suy đồi. Thời gian qua đi, những kinh nghiệm của cảm giác giá trị nhất sẽ còn lại, trở thành cổ điển, kinh điển, thành "văn hóa", đóng khung lại trong các bảo tàng nghệ thuật và trong trí nhớ người đời. Các nghệ sĩ sống trong thời hiện tại không thể tránh được sự dung tục, nhảm nhí, không thể tránh được bọn tiểu nhân, bọn phạm phu tục tử, lưu manh, philistanh, ngụy quân tử v.v. Kiểu gì thì kiểu, ngay cả những nhà văn danh giá nhất đôi khi vẫn cứ phải chung lưng đấu cật, "ba cùng", vẫn cứ phải đối thoại, đùa cợt, chơi bời với các đồng nghiệp bất đắc dĩ của họ, cùng lý tưởng nhưng khác hạng" (chữ của Victor Hugo). Không khí dung tục suy đồi "đương thời" cũng chính là không khí sống, không khí sáng tác - mặc nhiên là thế - bởi vậy nếu từ chối đối thoại nghĩa là anh tự làm cho mình khó thở, tự giam cầm mình. Trước mặt tôi đây là một giò hoa thủy tiên thơm ngát. Này hoa thủy tiên lạc loài, người có biết rằng rồi sẽ có ngày chẳng còn người, cũng sẽ chẳng còn ta nữa không?

Trong bài viết *Thời của tiểu thuyết* tôi đã nói đến văn học tự sự và tôi vẫn còn coi nó như một hình thức nghiêm cần nhất, chính trực nhất trong tự chất nghệ sĩ mỗi nhà văn. Gì thì gì, khi đọc một số nhà văn trẻ "tự sự" ở Trung Quốc gần đây như Miền Miền, Vệ Tuệ, Cửu Đan... không phải tôi mà hầu hết bạn đọc đều có sự vì nể với họ bởi cách dẫn thân (hoặc là vô tình, hoặc là vô ý của số phận họ) với văn học - và với cuộc đời nói chung. Nhân nói về sự dẫn thân, tôi rất lạ khi thấy một số nghệ sĩ trẻ, họa sĩ, nhà văn trẻ coi rằng: bỏ nhà đi bụi, đi lang thang, ngủ với gái điếm, uống rượu say sưa, truy hoan hành xác - đấy mới là sự dẫn thân. Thật nực cười, thâm hiểm và nhảm lẫn. Hoàn toàn không phải thế! Mikenlănggiê mò vào nhà xác, mổ xác tử thi để học giải phẫu, giúp ích cho nghề nghiệp điêu khắc của mình, Victor Huygo chịu đựng lưu đày... đấy mới là những tấm gương dẫn thân cổ điển, cần phải học tập. Trò chuyện với Nguyễn Việt Hà, tôi có nói với anh rằng: hãy sống với cuộc đời công chức một cách cẩn thận, quan sát nó, viết về nó cho hay - đấy cũng là một sự dẫn thân "hiện đại". Thực tế đang ngày càng

trở nên khắc nghiệt. Đừng tưởng rằng ở đây không có trả giá, không có đau đớn, không có gì để viết. Nó là cả một bi hài kịch cuộc đời, có khi là cả một bi hài kịch một thời. Tôi rất buồn cười câu chuyện Nguyễn Việt Hà kể cho tôi nghe: ở công sở, có một tay trưởng phòng xây dựng cho xây toilet. Anh ta kích cỡ hơn người (cao tới 1m 78) nên chỗ đi tiểu ở cơ quan anh ta luôn cao hơn những nơi khác tới 15 phân. Vì vậy, gần như mọi người đi tiểu ở đó đều bị nước tiểu bắn vào quần áo! Sự độc tài của một tay công chức cửa quyền thật lợi hại. Đặc quyền "lấy của mình ra đo" mà không quan tâm đến những số đo khác trong thiên hạ là như thế đấy.

Gần đây, đọc bài viết của Bùi Việt Thắng về tôi in trên báo *Văn Hóa Xuân* 2004 (được đặt dưới tiêu đề *Trên đường đổi mới*) không hiểu sao tôi cứ hình dung Bùi Việt Thắng giống hệt như tay trưởng phòng công chức xây dựng cửa quyền nọ. Anh lấy số đo của mình mà đặt tiêu chí để đo thiên hạ. Sự độc tài công chức và cách "cả nghĩ" của Bùi Việt Thắng khiến anh bất bình với cuốn tiểu thuyết của tôi. Bi hài kịch là "số đo" của anh có phần ngắn hơn cái bệ thẩm mỹ của bạn đọc đương thời...

Nhân đây, tôi cũng muốn nhắc đến một vài ý kiến về cuốn tiểu thuyết của tôi, khi họ đã có nhã ý đưa bài lên một số báo in và trên internet. Song, đối tượng đối thoại chủ yếu của tôi trong bài viết này gì thì gì (như nhan đề bài viết) vẫn cứ chỉ là giò hoa thủy tiên lạc loài trước mặt tôi đấy thôi!

Khi bị phụ tình người ta làm gì?

Đấy là câu hỏi mà bạn đọc Quốc Việt (talawas, 19.01.2004) và một vài người khác đặt ra. Họ coi việc tôi viết tiểu thuyết là sự "phụ tình" của tôi đối với bạn đọc "chung thủy". Tôi xuống cấp, trở nên lảm cẩm, lộn xộn v.v. Những ý kiến không chuyên nghiệp đó khiến tôi không quan tâm nhiều. Năm ngoái, khi vào Sài Gòn, tôi rất kính trọng khi Nguyễn Khải cho ra mắt tiểu thuyết tự sự *Thượng đế thì cười*. Dù dư luận có "cảm giác" Nguyễn Khải không thành công với cuốn tiểu thuyết này nhưng người ta vẫn có thể học ở đó khá nhiều điều. Khi nói chuyện với Nguyễn Khải, tôi thấy rất rõ ông đã "ngửi" thấy lối đi của tiểu thuyết hiện đại, có điều khi viết, cảm hứng cười cợt về sự nhục nhã của kiếp người đã lấn át mất những ngọn lửa nhiệt thành khác trong lòng ông. Có nhiều bạn đọc đa sự cảm giác bị nhà văn phụ tình. "Ai bị phụ tình?" "Ai bị tình phụ?". Tôi đã đặt câu hỏi này trong bài viết về hiện tượng Vi Thùy Linh. Ngay cả trong trường hợp của Nguyễn Khải, mở rộng ra là cả Hồ Anh Thái (với tiểu thuyết *Tự sự 365* ngày và *Cõi người rung chuông tận thế*) cũng đôi ba nhà văn khác nữa... Tôi vẫn muốn nhắc lại rằng: "Trước hết đó là sự phụ tình từ phụ tình của dư luận".

Sự phụ tình của dư luận đối với nhà văn thật ra cũng chẳng có gì đáng buồn đối với nhà văn. Muốn cho xã hội tiến lên, phải trao đổi, phải dân chủ, phải được in ấn, phải "cựa quậy" chứ. Trên đường đổi mới cơ mà! Khi tiến lên, những sự tìm tòi, lệch lạc (chắc gì đã lệch?) cũng giống như ta "giải phóng một mặt bằng để xây nên một đô thị mới" - cũng chẳng nên tiếc việc bỏ đi những "tác phẩm của lịch sử" và việc xây nhầm một vài ngôi nhà.

Tôi không muốn nói nhiều về cuốn tiểu thuyết của tôi (vì trên thực tế nó chưa được xuất bản) nên việc Bùi Việt Thắng và một số nhà bình luận có nói gì thì cũng như nói với đầu gối, không "danh chính ngôn thuận". Ở đây tôi muốn nói rằng: Viết ra được một tác phẩm không dễ. Viết hay thì lại càng khó. Nghề văn trong thời hiện tại là một nghề khó vào bậc nhất. Khi Internet phát triển, tác giả không thể tưởng tượng, "lừa bịp" hoặc "sáng tác" được. Thông tin để xử lý, cung cấp cho các chi tiết sự kiện văn học có quá nhiều. Nhà văn bắt buộc phải trở thành một nhà văn hóa, một nhà nghiên cứu. Anh

buộc phải giỏi máy tính, giỏi ngoại ngữ, anh ta phải "tự tổ chức" viết lách và bán hàng. Anh ta phải trở nên chuyên nghiệp, không mất thì giờ vào những "chuyện tầm phào". Ngay cả chuyện tình phụ, phụ tình cũng là trò nực cười. Không có gì hết nếu anh không viết được hay, không bán được tác phẩm của anh cho người đọc.

Tôi sẽ bàn thêm về hai loại văn học: loại tự phát, rèn luyện mà thành, lập nghiệp tức không chuyên và một loại văn học "thượng đẳng thừa", viết để du hí chơi bời cũng như một số vấn đề khác của văn học trong phần hai của bài này.

Chưa bao giờ văn học ở nước ta có những cơ hội lớn như bây giờ nhưng cũng chưa bao giờ khó như bây giờ. Xã hội cũng phải thấy rõ sự đóng góp về mặt tinh thần, vật chất của nhà văn để ghi công cho họ. Trong một phát biểu gần đây, nhà sử học Dương Trung Quốc cho rằng: "Văn học tác động vào xã hội để ảnh hưởng đến chính trị. Sử học thì tác động vào chính trị để ảnh hưởng đến xã hội". Đây cũng là một ý kiến đáng suy nghĩ. Một đất nước văn minh không thể không có văn học và sử học được. Trong thời hiện đại, công việc đào tạo nhà văn là rất cần thiết, cần phải xây dựng thành công một công nghệ. Nó cũng tựa tựa như công việc đào tạo các cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp và các vận động viên thể dục có thành tích cao. Không thể trông chờ vào việc ăn may, trời cho để Việt Nam có một đội ngũ nhà văn đẳng cấp thế giới. Ngay cả việc có một "tốp" nhà văn cô chiêu cậu ấm để đối thoại hoặc làm những việc "hậu trường" cũng là cần thiết. Việc phải nâng cấp cho trường đại học viết văn Nguyễn Du để nó gần với thiên nhiên hơn, gần bó với xã hội hơn là rất cần thiết (chứ không phải là nhốt nó trong một ngôi nhà chật hẹp giữa Thủ đô). Các giá trị văn học đương thời (thực sự có giá trị) cũng phải được biểu dương đúng mực. Trong bóng đá, người ta cũng đã phong thánh cho Pêlê, Maradôna, Beckham... Ở Việt Nam, hình như truyền thống... đánh truyền thống, đổ ky, dè bêu, ghen tỵ, chê bai... vẫn thấy nhiều hơn ở trong sinh hoạt văn học so với việc hân hoan khi có một tác phẩm mới ra đời.

Trở lại hình ảnh Tô Hoài ở đầu bài viết này, tôi nghĩ dù ông có tự nhận mình là "cò con" thì hình ảnh của ông trong lòng bạn đọc trước sau vẫn là hình ảnh của một bậc tiểu thánh trong văn học Việt Nam hiện đại.

Khi bị tình phụ người ta làm gì?
Vậy khi nhà văn bị tình phụ thì họ làm gì?
- Họ không viết nữa.
- Có thể!

Vẻ đẹp của văn học

Trong các bộ môn nghệ thuật, văn học thường được đặt lên hàng đầu bởi những đặc thù riêng của nó. Thế nào là một tác phẩm văn học đẹp? Xưa nay, trong các thông báo giải thưởng cho một tác phẩm văn học, nếu chú ý - chúng ta đều thấy người ta thường rất lúng túng và thường gán cho tác phẩm ấy những ý nghĩa có khi ở ngoài văn học. Cái đẹp - sự hoàn hảo trong một tác phẩm văn học rất khó xác định. Thế nào là đẹp? Rất ít khi người ta tâm phục khẩu phục một cách tuyệt đối một tác phẩm văn học, vì thế trong dân gian đã từng có câu "văn vô đệ nhất" (khác với võ: "võ vô đệ nhị").

Leonardo de Vinci đã từng phát hiện ra tỷ lệ vàng trong quy ước về cái đẹp của con người (1: 1,641). Nghiên cứu xã hội học về cái đẹp của phụ nữ người ta thường gán với một loạt những tiêu chí như: khỏe mạnh, gợi tình, trẻ trung, thông minh v.v. Một tác phẩm văn học đẹp có lẽ cũng phải có một số những quy định nào đấy về ngôn ngữ, cấu trúc câu, hình tượng, bố cục v.v. Ở ta, công việc của nhà nghiên cứu phê bình văn học

chính là ở sự chỉ ra, hướng dẫn bạn đọc phát hiện ra cái đẹp trong những tác phẩm văn học liên quan rất mật thiết đến quan niệm thẩm mỹ của xã hội, của "không gian sống" đương thời, đến một yếu tố mà ta vẫn quen gọi là "hiện đại". Một hoa hậu của năm 2004 nhất thiết phải là một "cô gái chân dài" chứ không thể cứ lùn tịt như cô Thị Mịch của Vũ Trọng Phụng trong những năm 30 của thế kỷ trước. Một câu văn hay cũng khác, không thể biến ngẫu như là ngày xưa. Yếu tố mới lạ của ngôn ngữ được đưa vào tác phẩm hiện đại theo tôi phải là yếu tố số một cho việc đánh giá một tác phẩm văn học giá trị. Sự biến hóa của ngữ pháp, việc sáng tạo ra những cấu trúc phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của Việt Nam hiện đại cũng là một tiêu chí phải xem xét. Khi người ta hỏi Nit-sơ rằng ông tự hào gì về các giá trị tinh thần vật chất mà ông đã có trong đời ông thì ông nói rằng ông thích nhất bởi ông đã viết ra được những cuốn sách bằng thứ tiếng Đức hay nhất. Một nhà văn xoàng khi viết ra một câu văn anh ta chỉ có chừng "ba búa": hai, ba cách đặt câu để cho anh ta lựa chọn mà thôi. Một nhà văn ngoại hạng không chỉ có "ba búa": anh ta có tới hàng chục, hàng trăm phương án khác nhau. Việc tìm ra một câu văn cho phù hợp đòi hỏi một cường độ suy nghĩ, cân nhắc hơn người: đấy chính là thứ "lao động nhân văn" chết người, nhọc nhằn và gian khổ không phải ai cũng làm được. Gần đây, trên báo *Thế Thao Văn Hóa* số ra ngày 6.2.2004 có bài viết *Vi sao tôi đọc tiểu thuyết* của Đoàn Minh Hà. Là nhà văn, tôi thích bạn đọc có ý kiến như thế. Họ hiểu rằng nhà văn sinh ra là để "kể chuyện". Kể chuyện hay! Có thể thôi. Giống như cầu thủ đá bóng: sinh ra là để đá bóng giỏi. Chúng ta trong nhiều năm thiếu những bạn đọc "sans souci". Hiện nay khi xã hội phát triển, tôi rất mừng vì bạn đọc đã có văn hóa hơn, "tử tế" hơn. Có câu rằng: "Dân thế nào, vua thế ấy". Có thể suy thêm: có những bạn đọc thế nào sẽ có những nhà văn thế ấy. Giờ lại lịch sử ngày xưa, thấy tại sao trong thời mới Thịnh Đường ở Trung Hoa nảy nòi ra Lý Bạch? Thơ Lý Bạch được khen là thơ tiên phong vì phong độ, cốt cách, chí khí cao ngất. Ở thời ấy, dân chúng ám no, sung túc. Lý Thế Dân là ông vua cao minh giữ được ổn định chính trị. Dân như thế, vua như thế, thời thế như thế thì sẽ có một thứ văn học tuyệt vời như thế: cho đến bây giờ, thơ Đường với những tên tuổi lừng lẫy vẫn là những đỉnh cao ở trên bầu trời văn học Phương Đông và thế giới.

Doping văn học

Trong bài phê phán tôi, Bùi Việt Thắng có chỉ ra chi chít những nhầm lẫn của tôi. Tôi không sợ, vì đơn giản nếu tôi sợ thì tôi đã chẳng phải là nhà văn. Nhà văn không đưa ra những bài học luân lý. Nhà văn chỉ kể chuyện. Phật tổ đã nói: "Mở miệng là đã sai rồi". Chúng ta luôn luôn sống trong những sự nhầm lẫn đan cài nhau. Bản chất cuộc sống, chân lý róc ráo trong cuộc sống chính là sự nhầm lẫn. Chúng ta chỉ có được những giây phút ngắn ngủi của sự ổn định ôn hòa tương đối mà thôi, đấy chính là lý do để cho ta sống, ta mong muốn, ta tiến lên, ta hoàn thiện mình, nó chính là vẻ đẹp của cuộc sống vậy. Song song với việc kiếm sống để tồn tại, lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái, loay hoay lảng cháng với vài ba niềm vui nỗi buồn, vài vụ làm ăn, vài ba người tình, thậm thoắt năm, sáu chục xuân đã trôi qua, thế là hết một kiếp người "đứng đắn". Xét trên bình diện thời gian - đời người quả là phù du vô nghĩa. Trừ đầu trừ đuôi, thực ra đời sống tràn đầy sung mãn, sinh lực, trong sáng tuyệt vời của con người ta có gì khác giò hoa thủy tiên trước mặt của tôi đây không: nở hoa thơm ngát được đôi ba ngày rồi tàn lụi, cái gì qua đi là qua vĩnh viễn, chẳng có cách chi lưu lại với đời. Sáng tạo văn học, nó cũng giống như bước nước rút trong các cuộc chơi thể thao. Trước đó người ta phải tập luyện, tích lũy. Chu trình đọc sách, "đi thực tế", suy nghĩ và viết lách đan cài nhau trong cuộc sống thường nhật như là thứ "lao động thường xuyên, thiếu nó sẽ không có cái thực sự vĩ đại" (A. Puskin). Khi ngồi vào bàn một vận động viên sung sức có đủ 100%, thậm chí 120% năng lực và phong độ. Nhà văn Lê Lưu đã từng ví việc viết văn như một ca sinh đẻ: người đẻ nhanh sao cho "mẹ tròn con vuông". Ý kiến đó đúng. Trong nhiều

trường hợp, Lê Lưu vẫn luôn tỏ ra là một nhà văn không hào hoa lắm nhưng lại có những kinh nghiệm thực dụng không chêm vào đâu được. Việc nhà văn chuẩn bị cho một tác phẩm mới ra đời là cả một chu trình lao động công phu đòi hỏi một sự tập trung cao độ. Những nhà văn trẻ ít kinh nghiệm thường không coi trọng bước chuẩn bị này, họ chủ quan tin vào "cảm hứng". Cảm hứng chỉ có thể giúp cho nhà văn trẻ làm ra được một thứ sản phẩm đẹp đẽ, một cái gì đó ngấm "lãng lãng". Việc xây dựng một tác phẩm lớn, độc đáo đòi hỏi dứt khoát phải có tính hệ thống, một tư duy tổng hợp và khoa học thế nào đấy, tôi đã từng nói đến việc "tổ chức viết văn" ở một nhà văn của thời bây giờ: nào là sắp xếp nhà cửa, công việc, chuẩn bị tiền nong, sức khỏe, chuẩn bị tư liệu, chuẩn bị cảm xúc và nhiều thứ linh tinh khác. Không phải tự dưng có nhiều người viết trẻ tìm đến sự trợ giúp từ rượu, thuốc lá, ái tình và thậm chí ma túy. Nó giống như "doping" trong văn học. Sự căng thẳng trong tình cảm và cảm xúc, cũng như sự tập trung cao độ trong quá trình viết lách ở nhà văn khiến cho họ mệt mỏi. Tuy nhiên, không phải những chất "doping" ấy lúc nào cũng có kết quả. Theo quan sát của tôi - đa số nó phản tác dụng. Sự sáng tạo văn học thường không diễn ra giống như một cuộc thi đấu ngắn ngày như ở thi đấu thể thao. Sáng tạo văn học đòi hỏi cả một môi trường: nó là không gian sống, sự bình ổn nội tâm rất cao của người viết.

Gần như chẳng bao giờ có một không gian lý tưởng, có sẵn để cho nhà văn làm việc "như ý". Đa số nhà văn phải tự sáng tạo, tự dựng ra một không gian ảo giác cho mình để tiến hành công việc viết lách. Rất nhiều nhà văn đã làm việc một cách cô đơn, họ cố tình xa lánh những thứ rắc rối không cần thiết để tập trung vào công việc. Không phải tự dưng nhiều người vẫn coi nhà văn là những con sói cô độc khó gần. Sự khó hòa nhập với đám đông không có nghĩa là nhà văn không "nhập thế", không "ăn cùng nhân dân tôi, thở cùng nhân dân tôi", không hát bài ca của họ.

Khoảng hơn chục năm trở lại đây, ở Việt Nam không có những nhà văn có phong độ, khí phách lớn. Đến ngay cả nỗi buồn cũng không phải là những nỗi buồn lớn. Thái độ hời hợt của xã hội với văn học, cách tiếp nhận của xã hội đối với các giá trị văn học cũng làm mất đi cảm hứng ở nhiều nhà văn nhiệt thành. Đây là chưa kể đến sự tráo trở và lạnh lùng của cơ chế thị trường vẫn chẳng nề nang gì ai cả.

Văn học hiện nay thiếu gì?

Câu hỏi đó do một nhà báo trẻ đặt ra với tôi. Tôi thấy rất khó trả lời. Nó có vẻ như một câu hỏi dành cho Hội Nhà Văn hơn là cho một cá nhân nhà văn nào đó. Trên bình diện chung, hầu hết chúng ta đều thấy như văn học thiếu vắng những tham vọng to lớn. Năm ngoái, khi đến Thụy Điển, tham dự Hội chợ sách Goterborg, tôi hết sức ngạc nhiên trước không khí văn học hăng say ở đó. Thật hết như một giấc mơ! Niềm yêu mến với sách, với văn học là không chối cãi. Không thấy thái độ hoài nghi, khinh bạc với văn học. Không thấy thái độ hoài nghi, khinh bạc với cuộc sống nói chung. Trước giờ phút công bố giải thưởng Nôben văn học, tất cả bầu không khí tựa như ngưng đọng. Hầu hết mọi người đều căng thẳng và cảm động. Rõ ràng ở đây văn học có một vị trí xứng đáng trong đời sống cộng đồng. Ở Việt Nam, mấy năm gần đây văn học bị đưa ra đùa rớt nơi công cộng và xem thường. Nhà văn bị ngờ vực. Việc biểu dương một số nhà văn trẻ "trong tâm tay" có một cái gì giả tạo. Văn học luôn tránh né một vấn đề nan giải khó nói nhất trong xã hội: không phải khó khăn kinh tế, không phải sex, không phải là tình cảm chiến tranh... Nó là vấn đề nhân tính. Văn học Việt Nam gần đây mất đi khả năng tưởng tượng, lãng mạn, mơ mộng và nhiệt huyết sống. Nó trở nên thực dụng, ê chề, lọc lõi, oái oăm, đôi khi đều cang.

Để có một nhà văn có giá trị nhân đạo cao phải dựa trên rất nhiều yếu tố. Người ta vẫn

quen nghĩ rằng đó là do những nỗ lực cá nhân và chỉ là những nỗ lực cá nhân mà thôi. "Văn hay do cùn". Lối nghĩ đó vẫn phổ biến trong xã hội. Nó là lối đi tự phát, rèn luyện mà thành, lập nghiệp từ không chuyên, ỷ nhiều vào "năng khiếu". Có lẽ đã đến lúc người ta phải nghĩ đến một "typ" nhà văn khác: lớp nhà văn trí thức của một xã hội phát triển. Họ viết văn có bài bản, có lý luận, lý lẽ chứ không mò mẫm. Trước đây, ở Việt Nam hầu như chưa có những điều kiện xã hội để xuất hiện "typ" nhà văn này.

Trước mặt tôi đây là giò hoa thủy tiên thơm ngát. Tôi biết rằng cả đời tôi, rồi cả hoa cũng chẳng còn mãi trên đời này. Thời gian trôi đi, giống như sóng biển kia vỗ bờ, giống như đã trảng kia xe cát, sự sống rồi cứ tiếp nối nhau không ngừng như thế đây, vô cùng vô tận.

- Mặc kệ chuyện thị phi

Cái khó của nghề văn thời nay

Trong khoảng hơn một thập kỷ đổi mới, xã hội Việt Nam đã tiến những bước nhảy vọt về nhiều mặt, Việt Nam đã hoà nhập được với nhiều nước ở trong khu vực và trên thế giới. Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra trên nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế và tri thức bắt chước những tư tưởng cục bộ và "sô-vanh" bất hợp tác. Về văn học, những cố gắng trong và ngoài nước đã làm cho nhiều nhà văn "thức thời" ở ta nhận ra được con đường gian khó nhưng cũng nhiều triển vọng ở trong nghề nghiệp của mình. Khi xã hội phát triển, nhu cầu hưởng thụ và làm ra những sản phẩm văn học nghệ thuật có phần nào tưởng như dễ dàng nhưng lại khó vô cùng. Tôi rất ngạc nhiên và không thích thái độ kỳ thị và xem thường việc xây dựng nên những công nghệ ở trong lĩnh vực giải trí, trình diễn như ca nhạc, tạp kỹ v.v.. Việc đào tạo, đánh bóng nhằm tạo ra những ngôi sao ca múa nhạc tạp kỹ hoặc thể dục thể thao lv.v.. là rất cần thiết. Ngay trong lĩnh vực văn học, đáng lẽ cần phải khuyến khích, xây dựng thành một công nghệ đào tạo nhà văn mới thì vài năm trở lại đây lại có ý kiến bỏ đi trường viết văn Nguyễn Du. Bỏ thì dễ nhưng xây thì khó. Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lảng nhảng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vụt đi cả. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: *"Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!"*, tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhặng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa.

Trên kia tôi đã nói đến việc xây dựng một công nghệ đào tạo nhà văn, tôi ủng hộ ý kiến nên xây dựng một vài khoa viết văn ở các trường đại học ở ta. Viết văn phải trở thành một nghề nghiệp, một nghề nghiệp chuyên nghiệp chứ không thể nghiệp dư, tùy hứng được. Những nhà văn được đào tạo trong nền công nghệ đó phải có những tiêu chuẩn và trình độ chuyên môn nhất định. Nó không phải là toàn bộ chân dung văn học trong xã hội đó. Khi hoà nhập với thế giới bên ngoài luôn luôn có những sự trao đổi hợp tác giữa các nhà văn các nước. Lớp nhà văn cũ không còn phù hợp: họ không biết ngoại ngữ, không biết vi tính, họ chỉ có quá khứ, họ không thể trò chuyện và đối thoại "tay đôi" được với bên ngoài về những vấn đề của thời hiện tại. Trong sinh hoạt văn học, ở khía

cạnh nào đó, việc viết ra được những "bài văn" cũng chỉ là một việc ngày nay người ta thực hiện một cách dễ dàng: đa số sinh viên đại học đều có thể làm được không khó khăn lắm. Khuôn mẫu "nhà văn cổ điển" chưa chắc đã là duy nhất đúng, phù hợp và nên noi theo đối với những thành niên tham gia vào công việc văn học trên tinh thần "xã hội hoá". Tôi đã thấy trong những chương trình "trò chơi âm nhạc" trên ti-vi, người xem cũng hát, cũng biểu diễn có khi chẳng kém gì những diễn viên chuyên nghiệp. Khi văn học "xã hội hoá" cũng sẽ xảy ra một cái gì tương tự như thế, nhất là khi Internet phát triển. Văn học - cũng như nhà văn sẽ ngày càng dân chủ hơn, thường hơn và vì vậy ngay cả những vấn đề về lý luận văn học cũng không phải cứ mũ cao áo dài và giữ nguyên cung cách chuyên chế, áp chế kiểu "các cụ" mãi được.

Trong xã hội phát triển, văn học rất thường nhưng để vượt lên, trở thành một cái gì đó ngoại hạng là rất khó. Hình mẫu thiên tài văn học ngày nay khác trước rất nhiều. Trong sách giáo khoa văn học người ta thấy rõ văn học đã bị đông cứng lại, cũ kỹ và "phản động": nó cứ ê a mãi những "song viết" và "song kiết", học sinh chỉ nghiên cứu và học tập "những thầy ma cũ" hoàn toàn không được "tiếp máu" bởi những sinh lực văn học cường tráng và lành mạnh. Nếu như khoảng 20 năm đến 30 năm nữa danh sách Hội viên Hội Nhà văn ở ta có tới hơn 80% nhà văn (chứ không phải nhà thơ) khoảng ở độ tuổi 25 đến 50 tuổi thì đấy mới là việc hợp quy luật. Ở ta vẫn có câu: "ốm tha, già phải". Văn học, đối tượng của nó là những người trẻ tuổi. Nó không phải là sân chơi của "đám giặc già lãng nhãng thơ phú". Trước Tết Nguyên đán tôi có ngồi dự một bữa tiệc tất niên ở nhà kỹ sư Đào Phan Long với nhiều tên tuổi văn nghệ sĩ khá lừng danh trên đất kinh kỳ. Nhà thơ Trần Ninh Hồ đọc một bài thơ phóng dật trong đó có câu: "Ông lão lục tuần đi trong sương gió/ Sương gió không biết ông lão lục tuần". Hay thì hay thật nhưng tôi cũng hơi sờ sợ những ông lão lục tuần ... gần quá!

Trên con đường văn học

Thực ra, trên con đường văn học thì có rất nhiều lối đi khác nhau, "mọi con đường đều dẫn đến thành Roma", có người đến trước, người đến sau, người đứt gánh giữa đường, người đến đích hăm hở, người đến đích thân tàn ma dại, có người đến đích vinh quang, có người đến đích với cả bầu đoàn thể tử v.v... Tạo hoá tuyệt vời và rộng lượng sẵn lòng mở ra cơ hội cho tất cả mọi người không trừ ai cả. Nhưng cảnh giới văn học ở mỗi hạng cũng khác nhau và sự phong phú có vẻ vừa dân chủ vừa mất dân chủ ấy đã làm nên sự hấp dẫn chết người của văn học. Tôi không hề coi những ý kiến của tôi là chân lý, tôi chỉ nêu ra những suy nghĩ "nhảm lẫn" để mọi người trong giới văn học xem xét mà thôi. Văn học tác động đến xã hội bằng con đường ngầm, "phi chính phủ" và rất trực tiếp. Khi một nhà văn "phát sóng", những độc giả có cùng tần số "bất sóng" ấy, tiềm năng trong họ được đánh thức và giời mới biết họ sẽ làm gì. Khi những phương tiện thông tin đại chúng phát triển, các môn nghệ thuật giải trí phong phú, chức năng giáo dục được trải rộng, nó không còn chỉ đặt lên mỗi đôi vai còm cõi của văn học ngày xưa nữa. Nếu chúng ta chú ý nhìn một chút thì sẽ nhận ra con trẻ ta ngón những truyện tranh manga còn nhiều hơn sách văn học tí ti lằn. Chúng không đọc "Những cánh bướm đỏ thắm" của Grimm, "Đế mèn phiêu lưu ký" của Tô Hoài nữa mà dành thời gian đó cho "Đô-rê-môn" hoặc các siêu nhân. Trong Hội nghị Lý luận văn học ở Tam Đảo năm 2003, chẳng thấy có một tham luận nào dành cho văn học thực sự. Không còn ai cứu trẻ con nữa. Tất cả những người "hành nghề văn học" ở ta đều muốn "đĩ hoà vi quý", đều muốn có những cuộc chơi đẽm đẹp, chơi có thưởng, không ai muốn "hy sinh" nữa. Trong chuyến về nước năm ngoái, nhà văn Phạm Thị Hoài nhận xét: "Ở trong nước, những người viết văn hiện nay sống sướng quá, nhà nước, xã hội yêu chiều, cưng chiều họ quá. Ở nước ngoài khó khăn khổ sở hơn nhiều, rất nhiều". Tôi nhận ra sự ngậm ngùi trong nhận xét của Phạm Thị Hoài. Nhận xét đó không hẳn đã đúng nhưng cũng là một

ý kiến đáng để cho những nhà văn có lương tâm ở ta xét lại. Trên báo chí, thỉnh thoảng vẫn thấy các nhà báo "rồ lên" vì có tin nhà văn này, nhà văn kia "ẵm" các giải thưởng, nhận tiền tài trợ. Chuyện này hay dở thế nào chưa bàn. Nó cũng chỉ là một mặt "bề nổi" của văn học, theo tôi cũng là tốt. Nhưng - một khi dư luận văn học thực sự chỉ rồ lên vì cái "bề nổi" ấy thì cũng chưa hẳn đã "có lương tâm". Trong truyền thống, văn học đồng nghĩa với sự thanh đạm. Sinh hoạt văn học (nói rộng ra là cả sinh hoạt tinh thần) ở ta - ít nhất là ở Thủ đô - theo tôi hiện nay là thâm hại, chẳng có gì đáng để người ta quan tâm, say sưa. Tất nhiên trên thực tế, ở đâu có một cuốn sách hay, một bài viết hay những người quan tâm đến văn học đều cố tình đọc qua không bỏ sót. Rõ ràng văn học vẫn có cách tồn tại riêng của nó và vẫn âm thầm "đi những bước sấm đông rền" (Goethe) trên con đường hẹp, con đường định mệnh gian khó dành riêng cho nó. Văn học giá trị bao giờ cũng đề cao nhân tính. Một xã hội không có những tác phẩm văn học hay, không có những tác phẩm văn học giá trị nghĩa là nhân tính mất đi. Trách nhiệm đó không phải chỉ ở một người nào mà nó ở toàn xã hội.

Khi nói về nhân tính xưa nay các nhà lý luận văn học thường cũng chỉ mới đề cập một chiều đến lòng tốt, đến cách cư xử quân tử v.v... Người ta không nhìn thấy "bộ mặt thứ hai" của nhân tính mặc dầu "các cụ" ngày xưa cũng đều đã cảnh tỉnh cả rồi: "Bồi chung hay ghét cũng là hay thương" (Nguyễn Đình Chiểu), "Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương" (Nguyễn Du) v.v... Cái gì cũng có hai mặt (thậm chí vài ba mặt) kể cả "nhân tính". Độc giả có kinh nghiệm văn học rất dễ nhận ra những khuôn mặt ngục quân tử trong các tác phẩm của các nhà văn. Đối trá, đạo đức giả - người ta chỉ đọc có vài ba trang là nhận ra liền. Không phải tự dưng mà các nhà văn cổ điển luôn luôn nói về sự trung thực ở nhà văn và trong lao động văn học. Thế nào là trung thực? Trung thực với mình, với người, với xã hội, với chữ nghĩa. Văn điều, văn ma, phò nịnh, "nên thơ" v.v... là thứ rất dễ ngộ nhận. Có nhiều tác phẩm, người ta vẫn phải đọc, vẫn phải chấp nhận mặc dầu ai này đều cũng có "cảm giác" là nó thối tha, song - như tôi đã nói, thời đương đại bao giờ cũng có "không khí" suy đồi, cần phải có một thời gian rất dài thì những cái xác suy đồi mục nát ấy mới mất hết đi cái mùi ô uế của nó.

Biết làm sao bây giờ?

Lời kết thay cho hoa thủy tiên

Ngày Tết, đi mua giò hoa thủy tiên tôi mới ngã ngửa ra rằng tất cả giống hoa thủy tiên ở ta đều được nhập từ Trung Quốc. Không phải thủy tiên mà rất nhiều loài hoa khác nữa, thậm chí cả đào! Đi vào các hiệu sách, vẫn thấy văn học hiện đại Trung Quốc chiếm thượng phong ở trên giá sách. Về nhà mở ti-vi, phim truyền hình Trung Quốc vẫn thu hút người xem đông nhất. Văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng của Trung Quốc tất nhiên rồi, xưa nay vẫn thế. Tôi ngắm nhìn giò hoa thủy tiên và nghĩ ngợi nhiều. Để hoa thủy tiên nở đúng vào lúc giao thừa là cả một nghệ thuật vun trồng, gọt tỉa công phu. "Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa" vốn là thói đời phàm tục. Một tác phẩm hợp thời, ra đời đúng lúc cũng là một nghệ thuật, có người còn coi nó là số mệnh tác phẩm. Song le, những "tác phẩm đi trước thời đại" bao giờ cũng sẽ chẳng hợp thời. Ngồi buồn giờ báo ra xem, thấy có mấy bác Hai Lúa ở Nam Bộ (Trần Quốc Hải, Lê Văn Danh) chế tạo ra máy bay trực thăng để phun thuốc trừ sâu cho mía mà cười ra nước mắt. Tôi thích câu kết của nhà báo Nguyễn Hồng Lam: "Tinh thần sáng tạo rất đáng khâm phục. Đáng tiếc, mơ ước ấy đã vượt quá sự cho phép của giới luật. Đột nhiên giật mình tự hỏi: trăm năm trước, anh em nhà Wright đã gặp may vì không gặp các thứ luật định văn minh bó buộc. Nếu không, đến bây giờ chắc gì có ngành hàng không với những chiếc máy bay tung cánh bốn phương trời?" (báo An ninh thế giới ra ngày 19/02/2004). Trong văn học, không còn nữa những cuộc thí nghiệm giống như chuyện làm ra máy bay trực thăng. Để biết văn học đổi mới, chỉ cần dịch sách Trung Hoa xem là đủ. Nó cũng giống như giò

hoa thủy tiên kia, nhập vào với giá rẻ như bèo chẳng phức tạp gì, thả sức chơi "te tua" trong thời gian Tết. Nay hoa thủy tiên, tôi ước chi đây là giống hoa của người Việt Nam trồng ra trên đất Việt Nam. Vệ Tuệ, Miên Miên, Cửu Đan... ước gì đây sẽ là những tên tuổi của các nhà văn Việt Nam?

Xã hội Việt Nam đang ngày càng phát triển phong phú và đa dạng. Luôn luôn có những cơ hội dành cho tuổi trẻ. Trong lĩnh vực văn học cũng vậy. Vấn đề là phải có tình yêu với nó. Không có tình yêu thì chẳng làm gì được cả.

- Và với "một mẩu bánh mì con con" ^{l11} nữa chứ?

- Tất nhiên rồi!

Đọc lại "Tướng về hưu"...

Đặng Văn Sinh

Tướng về hưu lần đầu được in trên tuần báo Văn Nghệ số 20 /6/1987 của Hội Nhà văn Việt Nam. Nó lập tức trở thành một hiện tượng văn học và được nhà xuất bản Trẻ tuyển chọn in trong tập truyện ngắn với tựa đề Tướng về hưu. Nhà xuất bản Văn hoá, năm 1989 cũng cho ra một tập gồm 11 truyện lấy tên là Những ngọn gió Hua Tát... Tuy mới xuất hiện nhưng Tướng về hưu được xem như một truyện ngắn trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp. Nó chẳng những góp phần định hình phong cách của anh mà còn mở ra một thời kỳ mới cho nền văn học Việt Nam, đoạn tuyệt với quá khứ, viết "...lời ai điều cho một thời văn nghệ minh hoạ" (Nguyễn Minh Châu), đưa văn chương trở về đúng với bản chất của nó.

Vì là tác phẩm có tính cách khai phá, lại hàm chứa nhiều dữ kiện thông tin trong mối tương quan đa chiều với những hằng số lịch sử, nên, cho dù đã hai mươi năm trôi qua, đến nay, đọc lại vẫn còn khá nhiều vấn đề cần phải bàn. Có thể nói, Tướng về hưu mang dung lượng một tiểu thuyết được tác giả "nén" lại trong 20 trang nên khiến nó tiềm tàng một nội lực có khả năng công phá như một trái bom nghệ thuật, mang đến cho người đọc những nhận thức không giống nhau, thậm chí trái ngược nhau. Một vài nhà phê bình còn cho rằng Nguyễn Huy Thiệp chơi trò phù thủy. Anh thả "âm binh" vào giữa những dòng chữ, và chính những "âm binh" này đã giúp ông thầy cao tay ấn "sục tung (bùn) lên, thoát thành bướm và hoa" (Lời ông Tân Dân trong Giọt máu).

Không còn nghi ngờ gì nữa, Tướng về hưu là tác phẩm văn học mang tầm tư tưởng thời đại. Đây là chuyện khá hiếm trong làng văn kể từ sau năm 1945, bởi trong mấy chục năm trước đó, trên văn đàn, công chúng chỉ được đọc những tác phẩm làng nhàng, vụn vặt, (cho dù có bộ tiểu thuyết dày đến vài ngàn trang), chủ yếu là thứ văn chương minh hoạ một cách thô thiển, sống sượng hoặc là loại vô thưởng vô phạt mang đậm chất thù tạc lúc trà dư tửu hậu mà vắng bóng sự khám phá có tầm cỡ nhân loại. Phong cách viết truyện của Nguyễn Huy Thiệp gần giống với cách bố cục của người họa sỹ tài ba là xếp đặt những mảng, những khối khác nhau bên cạnh nhau theo một trật tự bí mật nào đó mà không bình luận, cứ để tự nó nói lên phẩm chất của mình thông qua sự tương phản. Những đoạn kể hoặc tả của anh vô cùng ngắn gọn, tiết kiệm từ đến mức tối đa, nhưng đó là thứ ngôn ngữ chất lọc vừa lạnh vừa khinh bạc, chủ yếu là gợi, tạo nên một lực hấp dẫn làm người đọc vừa say mê vừa choáng váng, đồng thời lại có cảm giác "như mình vừa bị chửi"(Nguyễn Văn Lưu).

Kết cấu của Tướng về hưu là kết cấu xoắn chuỗi, theo trình tự thời gian tuyến tính của kiểu bố cục truyện dân gian, nghĩa là rất cổ điển. Các mảng khối liên kết với nhau ở phần chìm tạo nên thứ phản ứng dây chuyền làm các hình tượng nghệ thuật bộc phát với năng lượng vô cùng lớn, "bắn phá" vào tâm thức người đọc, gây nên những cú sốc bất khả kháng. Kiểu chuyển hoá thông điệp nghệ thuật nội tại bằng những liên kết đa

chiều này trước Nguyễn Huy Thiệp ít có tác giả làm được. Nó là một mắt xích quan trọng làm nên tính tư tưởng cũng như giá trị nhận thức của tác phẩm, tạo thành một không gian nghệ thuật với nhiều tầng, nhiều vỉa đan xen nhau thông qua một kỹ thuật "nén" thông tin điều luyện.

Điều này dẫn đến hệ quả là, tuy có mối quan hệ ruột thịt nhưng họ lại nhìn nhau như những kẻ xa lạ. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng cái chính là cái gọi là gia đình ấy sống trong một không gian tù túng, bế tắc. Những mâu thuẫn xã hội được thời gian tích tụ tạo nên sự trầm uất, bất buộc mỗi cá thể phải tự chịu đựng, giống như người mắc chứng ung thư phủ tạng, lúc nào cũng bứt dứt khó chịu, làm các mối quan hệ và cách thức ứng xử trở thành gương gạo, khiên cưỡng, đôi khi giả dối. Mỗi thân phận cô đơn ở đây giống như một lát cắt ngẫu nhiên mang tính quy luật, trong đó thấp thoáng bóng dáng cuộc sống được ẩn dụ như là sự phản chiếu của một tương lai được nhà văn dự phóng tổng quát dưới dạng những bi kịch, hài kịch và cả chính kịch. Nhân vật kỹ sư Thuần, ở phần dẫn chuyện từng nói, viết truyện này, "là sự bênh vực của tôi đối với cha mình". Đây chỉ là một cách nói. Trên thực tế, anh ta đã đưa vị tướng già lên bàn "giải phẫu tâm lý". Tất cả những gì được xem là phần "nội tạng" của bậc anh hùng chiến trận đều phơi ra trước bàn dân thiên hạ. Hoá ra, cái sự được gọi là anh hùng ấy cũng có những cung bậc của nó. Nó không chỉ có cao cả mà cũng thấp thoáng chút thấp hèn. Nó vừa minh bạch vừa mờ ám, vừa thẳng tuột vừa quanh co trong một khối hỗn độn đầy mâu thuẫn. Đọc Tướng về hưu, không ít người ngộ nhận, xem tướng Thuần là biểu tượng của một thời oanh liệt, về hưu không theo kịp với nhịp sống hiện đại, bị lạc lõng trước cuộc sống bộn bề, phức tạp, nhố nhăng trong một xã hội đang chuyển mình từ cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Câu nói "Sao tôi cứ như lạc loài" dường như chứng minh cho nhận định trên. Quan điểm ấy không sai nhưng tầm thường, chưa bắt đúng mạch tư tưởng của thiên truyện. Thực ra, cái làm nên hình tượng tướng Thuần chính là hệ ý thức. Ông là sản phẩm của chiến tranh, ra đời trong bối cảnh lịch sử dân tộc không bình thường. (Bỏ nhà đi bộ đội từ năm mười hai tuổi vì bị bà mẹ kế đối xử cay nghiệt). Đây có lẽ cũng là động cơ của gần như cả một thế hệ thanh thiếu niên nông thôn Việt nam dưới thời Pháp thuộc). Họ bước vào cuộc chiến, lúc đầu dường như chưa phải là lòng yêu nước như một số nhà phê bình minh định mà phần lớn vì miếng cơm manh áo, vì sự an toàn bản thân sau những xung đột gia đình. Sau nhiều năm cầm súng đánh nhau, lại qua nhiều đợt rèn quân chính cán, nhất là thời kỳ ôn nghèo khổ, tổ cáo tội ác địa chủ, cường hào, hệ ý thức dần dần hình thành, đã tạo nên một nhân cách sống. Đồng hành với hệ ý thức là tư duy chiến tranh. Người lính coi chiến đấu với kẻ thù là lẽ sống. Kiểu tư duy này đương nhiên trở thành một trạng thái tâm lý, hằn sâu thành đường rãnh trong não bộ đến mức coi đó là chân lý phổ biến. Tướng Thuần là sản phẩm của hệ ý thức đương đại nhưng đồng thời cũng là di sản của lịch sử dân tộc. Qua các triều đại phong kiến, trừ trường hợp Nguyễn Trãi, còn hầu hết những bậc được coi là minh quân, lương tướng đều giải quyết các xung đột lân bang trên chiến trường, từ đó dẫn đến tâm lý suy tôn những vị anh hùng chiến trận hơn là những nhà văn hoá lỗi lạc của dân tộc. Chính vì thế mới có chuyện "Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi của cha tôi cũng được mọi người ngưỡng vọng", hoặc "Cha là tướng. Về hưu cha vẫn là tướng. Cha chỉ huy. Cha mà làm lính thì sẽ loạn cờ". Thói quen này có yếu tố di truyền, được tích hợp qua vô vàn cuộc chiến mà người ta lấy làm tiêu chuẩn định giá phẩm chất con người.

Do lấy chiến tranh (kể cả nội chiến và chiến tranh chống ngoại xâm) làm mẫu số chung nên mọi hành vi của mỗi thành viên cũng như của cộng đồng đều được quy chiếu vào đó, làm nảy sinh một hiện tượng không bình thường, đó là thứ tư duy và hành động mang tính đại khái, tạm bợ. Những việc lớn trong cuộc đời con người lẽ ra phải được đắn đo, cân nhắc kỹ lưỡng để loại trừ những sai lầm rất dễ xảy ra thì lại tiến hành một cách vội vã vì phải tuân theo nếp sống thời chiến. Tướng Thuần lấy vợ trong kỳ nghỉ

phép ngăn ngừa do nghĩa vụ với tổ tiên và dòng họ hơn là tình yêu. Việc làm nhà đối với ông cũng chỉ là thứ yếu, đến nỗi người con trai tuy rất kính nể bố cũng phải nói: "Đây là một ngôi biệt thự đẹp nhưng khá bất tiện. Tôi xây cất dựa theo thiết kế của một chuyên gia kiến trúc trứ danh, bạn của cha tôi, ông này là đại tá, chỉ thạo việc xây doanh trại". Bóng ma chiến tranh cứ lờn vờn trong tâm thức. Nó mới chính là thứ luật bất thành văn quy định cách ứng xử, hành vi cũng như các mối quan hệ thay vì những giá trị mà ta vẫn gán cho nó là truyền thống, bản sắc nhưng thực chất chỉ là những giá trị ảo. Những dự cảm của tác giả về khối mâu thuẫn và những bi kịch trong gia đình tướng Thuấn gắn liền với những biến động xã hội đương thời. Chi tiết viên cựu tư lệnh vừa khóc vừa cầm phích đá dựng thai nhi ném vào đàn chó béc giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này!" là ngọn roi quất vào niềm kiêu hãnh, phản ánh sự đổ vỡ trong nhân sinh quan người cựu chiến binh. Đó có phải là một điềm báo ứng theo quy luật nhân quả? Lúc này tình cảm đã lấn át lý trí, ông ta không nhận ra (hay cố tình không nhận ra), chính những bào thai sau khi được nạo phá ấy đã góp phần làm cho ông và con cháu ông có được cuộc sống sung túc, trong khi bản dân thiên hạ vẫn còn đang phải mòn mỏi xếp hàng thành những dãy dài, để chờ các cô mậu dịch viên đầy quyền uy ban phát cho từng cân gạo mốc. Đọc đến đây, chắc sẽ có người thoáng nghĩ, cái hàm thiếu tướng và thâm niên ngót sáu mươi năm cầm súng lẽ nào chỉ là một thứ hư danh? Lại một nghịch lý nảy sinh. Những vị anh hùng cả đời gắn với súng đạn khó có thể sống hoà hợp với nền kinh tế thị trường, cho dù ở thời kỳ sơ khai còn mang đậm chất rừng rú. Nếu vì một lý do nào đó, buộc phải "chung voi với đức ông", tất yếu sẽ dẫn đến một thứ bi hài kịch bởi "món nộm suồng sã" như lời nhân vật Phăng nói với vua Gia Long trong truyện ngắn Vàng lửa.

Ta phải thừa nhận, tướng Thuấn là người độ lượng và có lòng nhân tuy trong đời ông đã từng chôn cất ba nghìn người. Ông từng chia đều vài lính cho cả nhà, muốn dọn xuống nhà ngang ở với bà vợ già mất trí nhớ, cho tiền cha con ông Cơ về Thanh Hoá xây mộ, bản khoán khi nhìn thấy họ lao động vất vả trong khi cô con dâu lại có phong cách bà chủ, còn anh con trai thản nhiên ngồi hút thuốc Galan. Nhưng xét đến cùng, đó chỉ là thứ lòng nhân nhỏ, không giúp gì được đám dân nghèo thấp cổ bé họng luôn bị đù các thứ "nghĩa vụ công dân" tròng lên đầu lên cổ. Nó là sản phẩm của nghệ thuật tuyên truyền hơn là sự thức tỉnh lương tâm. Tướng Thuấn không có viễn kiến. Ông chỉ nhìn thấy những thân phận đơn lẻ mà quên đi số phận của cả một dân tộc. Câu hỏi khá ngộ nghĩnh của đứa cháu nội "Đường ra trận mùa này đẹp lắm có phải không ông?", đã phần nào chứng minh, guồng máy chiến tranh đã biến tâm lý con người thành bạn đồng hành, thành niềm khoái lạc, một cảm hứng bệnh hoạn nhưng lại được đẩy lên ở cấp độ nhận thức lý tính. Ai biết được ba nghìn người lính "bất đắc kỳ tử" mà vị tư lệnh đã tiễn đưa sang thế giới bên kia nghĩ gì về những cuộc chiến tranh liên miên trong mấy thập kỷ qua? Nhưng có điều chắc chắn, câu thành ngữ "nhất tướng công thành vạn cốt khô" đúng hơn bao giờ hết trong trường hợp này. Bi kịch của dân tộc từ mấy nghìn năm qua liệu có phải xuất phát từ trạng thái tâm lý như tướng Thuấn?

Sự cô đơn của tướng Thuấn một phần có thể bắt nguồn từ nỗi buồn nhớ một cái gì đã thuộc về quá khứ nằm trong chuỗi ắt số của dân tộc với những khuyết tật về tâm lý mà ông là đại biểu. Như cá bị tách ra khỏi nước, xa môi trường quen thuộc, ông trở thành cô đơn trong chính ngôi nhà mình. Viên tướng từng hỏi con trai khi mới hồi hưu: "Nghĩ rồi cha làm gì?". Thuấn khuyên bố viết hồi ký nhưng ông từ chối, còn Thủy gợi ý: "Cha nuôi vẹt xem" thì bị phản ứng ngay: "Kiếm tiền à?". Rõ ràng vị cựu tư lệnh dị ứng với tiền cho dù đồng tiền làm ra hoàn toàn lương thiện, chứng tỏ một tâm lý sống phụ thuộc, bình quân chủ nghĩa. Đó là thói quen xếp hàng nhận thứ tiêu chuẩn tối thiểu để duy trì sự tồn tại cũng ở mức tối thiểu. Nói chung, lớp người như tướng Thuấn đã ra khỏi cuộc chiến nhưng tâm lý vẫn còn gắn liền với súng đạn như lời Thuấn kể: "Cha tôi sụp hẳn đi từ khi về hưu. Hôm nay cầm thư, thấy ông nhanh nhẹn và trẻ trung hẳn". Để thoát khỏi

nổi cô đơn "Sao tôi cứ như lạc loài", ông háo hức trở lại đơn vị cũ. Và, "sinh ư nghệ, tử ư nghệ", ông "hy sinh" trên đường lên chốt biên giới. Sự ra đi của tướng Thuận có một cái gì bi tráng của người anh hùng "đánh đông dẹp bắc" ngày xưa, nhưng cũng thật đáng buồn là ông lại chết bởi chính viên đạn của người anh em "môi hở răng lạnh" cùng ý thức hệ, đã từng có thời "chung một chiến hào".

Có thể xem tướng Thuận là hình ảnh phản chiếu của tâm lý dân tộc. Ông vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của những bi kịch kéo dài cả thiên niên kỷ. Ông là một trong những giá trị vừa hùng tráng vừa bệnh hoạn. Nhìn vào ông người ta có thể thấy những khúc quanh và cả những góc khuất lịch sử. Nó gọi lên trong ký ức ta nỗi buồn đau nhưng cũng rất đáng tự hào. Vì lẽ đó ta không thể không trân trọng phẩm cách của ông.

Tướng về hưu

Khi viết những dòng này, tôi đã thức tỉnh trong vài người quen những cảm xúc mà thời gian đã xóa nhòa, và tôi đã xâm phạm đến cõi yên tĩnh nắm mồ của chính cha tôi. Tôi buộc lòng làm vậy, và xin người đọc nể nang những tình cảm đã thúc đẩy tôi viết mà lượng thứ cho ngòi bút kém cỏi của tôi. Tình cảm này, tôi xin nói trước, là sự bênh vực của tôi đối với cha mình.

Cha tôi tên là Thuận, con trưởng họ Nguyễn. Trong làng, họ Nguyễn là họ lớn, số lượng trai đinh có lẽ chỉ thua họ Vũ. Ông nội tôi trước kia học Nho, sau về dạy học. Ông nội tôi có hai vợ. Bà cả sinh được cha tôi ít ngày thì mất, vì vậy ông tôi phải tục huyền. Bà hai làm nghề nhuộm vải, tôi không tường mặt, chỉ nghe nói là một người đàn bà cay nghiệt vô cùng. Sống với dì ghẻ, cha tôi trong tuổi niên thiếu đã phải chịu đựng nhiều điều cay đắng. Năm mười hai tuổi, cha tôi trốn nhà ra đi. Ông vào bộ đội, ít khi về nhà.

Khoảng năm... cha tôi về làng lấy vợ. Chắc chắn cuộc hôn nhân này không do tình yêu. Mười ngày nghỉ phép bẽ bộn công việc. Tình yêu đòi hỏi điều kiện, trong đó thời gian cũng cần.

Khi lớn lên, tôi chẳng biết gì về cha mình cả. Tôi chắc mẹ tôi hiểu về cha tôi cũng ít. Cả đời cha tôi gắn với súng đạn, chiến tranh. Tôi đi làm, lấy vợ, sinh con. Mẹ tôi già đi. Cha tôi vẫn đi biên biệt. Thỉnh thoảng cha tôi cũng ghé về nhà, nhưng những lần về đều ngắn. Cả những bức thư cha tôi gửi về cũng ngắn, dẫu rằng dưới những dòng chữ, tôi biết ở đáy ẩn chứa nhiều tình thương cùng với âu lo.

Tôi là con một, tôi đã chịu ơn cha tôi về đủ mọi mặt. Tôi được học hành, được du ngoạn. Cả những cơ sở vật chất gia đình cũng do cha tôi lo liệu. Ngôi nhà tôi ở ven nội, xây dựng trước khi cha tôi về hưu tám năm. Đây là một biệt thự đẹp nhưng khá bất tiện, tôi đã xây cất dựa theo thiết kế của một chuyên gia kiến trúc trú danh, bạn của cha tôi, ông này đại tá, chỉ thạo việc xây doanh trại.

Năm bảy mươi tuổi, cha tôi về hưu với hàm thiếu tướng.

Mặc dầu biết trước, tôi vẫn ngỡ ngàng khi cha tôi về. Mẹ tôi đã lặn (bà hơn cha tôi sáu tuổi), vì vậy thực ra ở nhà chỉ có mình tôi có những tình cảm đặc biệt với sự kiện này. Mấy đứa con tôi còn bé. Vợ tôi biết ít về ông, vì hai chúng tôi lấy nhau khi mà cha tôi đang bật tin tức. Bây giờ đang có chiến tranh. Tuy thế, ở trong gia đình, cha tôi bao giờ cũng là hình ảnh của niềm vinh dự, tự hào. Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi cha tôi

cũng được mọi người ngưỡng vọng.

Cha tôi về nhà, đồ đạc đơn sơ. Cha tôi khỏe. Ông bảo: "Việc lớn trong đời cha làm xong rồi! □ Tôi bảo: "Vâng". Cha tôi cười. Tâm trạng xúc động lây sang cả nhà, mọi người chuyển choáng đến nửa tháng trời, sinh hoạt tùy tiện, có hôm mười hai giờ đêm mới ăn cơm chiều. Khách khứa đến chơi nườm nượp. Vợ tôi bảo: "Không để thế được". Tôi cho mổ lợn, đi mời họ hàng làng nước đến để chia vui. Làng tôi tuy gần thành phố nhưng mà tập tục nông thôn còn giữ. Đúng một tháng sau, tôi mới có dịp ngồi với cha tôi bàn chuyện gia đình.

Trước khi kể tiếp, xin nói về gia đình tôi. Tôi ba mươi bảy tuổi, là kỹ sư, làm việc ở Viện Vật lý. Thủy, vợ tôi, là bác sĩ, làm việc ở bệnh viện sản. Chúng tôi có hai con gái, đứa mười bốn, đứa mười hai. Mẹ tôi lẩn lộn, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ.

Ngoài những người trên, gia đình tôi còn có ông Cơ và cô con gái gàn dở của ông. Ông Cơ sáu mươi tuổi, quê Thanh Hóa. Vợ tôi gặp cha con ông khi nhà của họ bị cháy, cơ nghiệp mất sạch. Thấy cha con ông tốt bụng, đáng thương, vợ tôi sắp xếp cho họ ở với chúng tôi. Cha con ông ở dưới nhà ngang, sinh hoạt riêng rẽ nhưng mọi chế độ thì do vợ tôi chu cấp. Không có hộ khẩu, họ không có những tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm như những người dân khác trong thành phố. Ông Cơ hiền lành, chịu khó. Thường ông đảm nhiệm việc chăm vườn tược, lợn gà và đàn chó giống. Nhà tôi nuôi chó béc-giê. Tôi cũng không ngờ việc kinh doanh chó lại thu lợi lớn. Khoản thu này trội nhất trong nhà. Cô Lài mặc dầu gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi. Vợ tôi dạy cô cách thức nấu bống, nấu nắm, nấu gà hầm. Cô bảo: "Cháu chẳng ăn thế bao giờ". Cô không ăn thật. Cả hai vợ chồng và hai con tôi không phải lo toan công việc gia đình. Từ ăn uống, giặt giũ, tất cả giao cho hai người giúp việc. Vợ tôi cầm chịch các khoản chi tiêu. Tôi bận nhiều việc, hiện đang vùi đầu vào công trình ứng dụng điện phân. Cũng cần nói thêm: quan hệ tình cảm của vợ chồng tôi êm thấm. Thủy có học thức, sống theo lối mới. Chúng tôi suy nghĩ độc lập, nhìn nhận vấn đề xã hội tương đối giản dị. Thủy am tường các việc lo liệu kinh tế cũng như dạy dỗ con cái. Còn tôi, hình như tôi khá cổ hủ, đầy bất trắc và thô vụng.

Tôi quay lại đoạn kể cha con tôi bàn việc gia đình. Cha tôi bảo: "Nghỉ rồi, cha làm gì?" Tôi bảo: "Viết hồi ký". Cha tôi bảo: □Không! □. Vợ tôi bảo: □Cha nuôi vẹt xem". Trên phố dạo này nhiều người nuôi chim họa mi, chim vẹt. Cha tôi bảo: "Kiếm tiền à?" Vợ tôi không trả lời. Cha tôi bảo: "Đề xem đã!" Cha tôi cho mỗi người trong nhà bốn mét vải lính. Ông Cơ và cả cô Lài cũng thế. Tôi cười: "Cha bình quân!" Cha tôi bảo: "Đấy là lẽ sống". Vợ tôi bảo: "Cả nhà đồng phục thì thành doanh trại". Mọi người cười ồ.

Cha tôi muốn ở một phòng dưới dãy nhà ngang giống như mẹ tôi. Vợ tôi không chịu. Cha tôi buồn. Việc để mẹ tôi ăn riêng, ở riêng làm ông bứt rứt. Vợ tôi bảo: "Tại mẹ lẩn lộn". Cha tôi dăm chiêu. Tôi cũng không hiểu sao hai đứa con gái của tôi ít gần ông nội. Tôi cho chúng học ngoại ngữ, học nhạc. Chúng lúc nào cũng bận. Cha tôi bảo: "Các cháu có sách gì mang cho ông đọc". Cái Mi cười. Còn cái Vi bảo: "Ông thích đọc gì?" Cha tôi bảo: "Cái gì dễ đọc". Hai đứa bảo: "Thế thì không có". Tôi đặt báo hàng ngày cho ông. Cha tôi không thích văn học. Văn chương nghệ thuật bây giờ đọc rất khó vào.

Một hôm tôi đi làm về, cha tôi đứng ở dãy nhà vợ tôi nuôi chó và gà công nghiệp. Trông ông không vui. Tôi hỏi: " Có chuyện gì thế? □ Ông bảo: "ông Cơ và cô Lại vất vả quá. Họ làm không hết việc, cha muốn giúp họ được không?" Tôi bảo: "Để con hỏi Thủy". Vợ tôi bảo: "Cha là tướng, về hưu cha vẫn là tướng. Cha là chỉ huy. Cha mà làm lính thì dễ loạn cờ". Cha tôi không nói năng gì. Cha tôi nghĩ hưu nhưng khách khứa nhiều. Điều đó làm tôi ngạc nhiên, thậm chí thích thú. Vợ tôi bảo: "Đừng mừng... họ chỉ nhờ vả. Cha ạ, cha đừng làm gì quá sức". Cha tôi cười: "Chẳng có gì đâu... cha chỉ viết thư. Thí dụ: 'Thân gửi N. tư lệnh quân khu... Tôi viết thư này cho cậu... Hơn năm mươi năm, đây là lần đầu tôi ăn tết mỏng ba tháng ba dưới mái nhà mình. Hồi ở chiến trường, hai đứa chúng mình đã từng mơ ước v. v... Cậu nhớ cái xóm ven đường, cô Huệ đã làm bánh trôi bằng bột mì mốc. Bột mì bê bết trên lưng v.v... Nhân đây M. là người tôi quen, muốn được công tác dưới quyền của cậu v.v... ". Cha viết như thế được không?" Tôi bảo: "Được". Vợ tôi bảo: □Không được! " Cha tôi gãi cằm: □Người ta nhờ mình".

Cha tôi thường bỏ thư viết vào phong bì đựng công văn bằng giấy cứng, cỡ 20x30, trên có in chữ Bộ quốc phòng, rồi đưa cho người nhờ vả mang đi. Sau ba tháng, hết sạch loại phong bì ấy. Ông làm phong bì bằng giấy bìa học sinh cũng to bằng cỡ 20x30. Một năm sau, ông cho thư vào thứ phong bì bình thường vẫn bán ở quầy bưu điện, giá năm đồng một chục cái. Tháng bảy năm ấy, tức là ba tháng sau ngày cha tôi về nghỉ, chú họ tôi, ông Bồng, cưới vợ cho con.

Ông Bồng với cha tôi là anh em cùng cha khác mẹ. Thăng Tuấn con trai ông làm nghề đánh xe bò. Hai cha con đều ghê gớm, to như hộ pháp, ăn nói văng mạng. Thăng Tuấn lấy vợ lần này là lần thứ hai. Vợ trước bị đánh đau quá, bỏ đi. Ra tòa, nó khai là vợ theo trai, tòa phải chịu. Cô vợ lần này tên là Kim Chi, làm nghề nuôi dạy trẻ, con nhà có học hẳn hoi, xí xốn thế nào nghe nói có thai với nó. Kim Chi là cô gái đẹp, làm vợ thăng Tuấn đúng là "hoa nhài cắm bãi cứt trâu". Thâm tâm chúng tôi không ưa cha con ông Bồng, khôn nõi "một giọt máu đào hơn ao nước lã", giỗ tết vẫn phải đi lại, nhưng mà ngày thường cũng nhạt. Ông Bồng hay nói: "Quân trí thức khôn nạn! Rẻ dân lao động! Nể bố nó, không tôi cạch cửa!" Nói thế thôi, ông Bồng vẫn sang vay tiền. Vợ tôi khe khát, bao giờ cũng bắt ông phải ký cược. Ông Bồng rất ức, ông nói: "Mình là chú nó, trót vay nợ nó mà nó cư xử hết như địa chủ". Nhiều món nợ ông cứ lờ đi không trả. Cưới vợ cho con, ông Bồng nói với cha tôi: "Anh phải đứng ra chủ hôn, bố cháu Kim Chi vụ phó, anh là tướng, thế là "môn đăng hộ đối ". Sau này các cháu nhờ phúc của ông, như tôi là thằng phu xe, bấu gì. " Cha tôi bằng lòng.

Đám cưới ngoại ô lố lằng và khá dung tục. Ba ô tô. Thuốc lá đầu lọc nhưng gần cuối tiệc hết sạch, phải thay bằng thuốc lá cuộn. Năm mươi mâm cỗ nhưng ế mười hai. Chàng rể mặc com lê đen, cravat đỏ. Tôi phải cho mượn cái cravat đẹp nhất trong tủ áo. Nói là mượn, chắc gì đòi được. Phù rể là sáu thanh niên ăn mặc hết nhau, đều quần bò, râu ria rất hãi. Đầu tiệc là dàn nhạc sống chơi bài Ave Maria. Một anh cùng hợp tác xã xe bò thằng Tuấn nhảy lên đơn ca một bài khùng khiếp:

*ừ ê cái con gà quay
Ta đi lang thang khắp miền giang hồ
Tìm nơi nào có tiền
Tiền ơi, mau vào túi ta
ừ.. e... cái con gà rù...*

Sau đó đến lượt cha tôi. Ông luống cuống, khổ sở. Bài văn chuẩn bị công phu hóa thừa. Kèn clarinet đệm rất bậy bạ sau dấu chấm câu. Pháo ầm ĩ. Trẻ con bình luận nhảm nhí. Cha tôi nhảy cóc từng đoạn. Ông cầm tờ giấy mà run bắn người. Một sự ô hợp láo nháo thản nhiên rất đời, thô thiển, thậm chí còn ô trọc nữa làm ông kinh hãi, đau đớn. Ông vụ phó thông gia cũng đâm hoảng hốt, luống cuống, làm đổ cả rượu xuống váy cô dâu. Chẳng nghe thấy gì. Dàn nhạc sống át đi bằng những ca khúc vui vẻ quen thuộc của các ban nhạc Beatles và Abba. Sau đó, rắc rối đầu tiên đến với cha tôi là việc Kim Chi sinh cháu chỉ sau hôm cưới chục ngày. Gia đình ông Bồng bê bối. Ông say rượu, tổng cổ cô con dâu ra cửa. Thành Tuấn cầm dao chém bố, may trượt. Vô phương, cha tôi phải đón cháu dâu về nhà. Gia đình tôi thêm hai khẩu. Vợ tôi không nói năng gì Cô Lài thêm một trách nhiệm. Được cái cô Lài vô tâm, tính lại yêu trẻ.

Một tối, tôi đang đọc Sputnhich, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: □Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: □Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn". Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó có các mẫu thai nhi bé xíu. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này□. Đàn chó sửa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: "Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết?!" ông Cơ bảo: □Cháu quên, cháu xin lỗi mẹ". Tháng mười hai, vợ tôi gọi người bán sạch đàn chó béc giê. Vợ tôi bảo: "Anh thôi hút thuốc Galăng đi. Năm nay nhà mình hụt thu hai mươi bảy nghìn, chi lạm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn". Kim Chi hết thời gian nghỉ, đi làm. Nó bảo: □Cám ơn anh chị, em đưa con về nhà đây". Tôi hỏi: "Về đâu?" Thành Tuấn đã bị bắt giam vì tội côn đồ. Kim Chi đưa con về nhà của bố mẹ đẻ. Cha tôi đưa về tận nơi bằng xe tắcxi thuê riêng. Cha tôi ở chơi với ông vụ phó bố của Kim Chi một ngày. Ông này vừa đi công tác ở ấn Độ về, ông biếu cha tôi một mảnh lụa hoa và nửa lạng cao tổng hợp. Cha tôi cho cô Lài mảnh lụa hoa, cho ông Cơ nửa lạng cao.

Trước tết Nguyên đán, ông Cơ nói với hai vợ chồng tôi: "Cháu xin cậu mẹ một việc". Vợ tôi hỏi: "Việc gì?" ông Cơ nói vòng vèo, chẳng đâu vào đâu. Đại để ông muốn về thăm quê. ở với chúng tôi sáu năm, cũng có dành dụm, ông Cơ muốn về bốc mộ bà vợ. Để lâu ngày chắc ván đã sứt. □Nghĩa tử là nghĩa tận". ở thành phố, cũng muốn về thăm họ hàng làng xóm cho nó mát mặt. Bây giờ đã vậy, sau này "cáo chết ba năm quay đầu về núi". Vợ tôi cất lời: "Thế bao giờ đi?" ông Cơ gãi đầu: "Đi mười ngày, về Hà Nội trước hăm ba tết". Vợ tôi tính: "Được. Anh Thuận này (Thuần là tên tôi), anh có nghĩ phép được không?□ Tôi bảo: "Được". Ông Cơ bảo: "Chúng cháu muốn mời ông về quê chơi. Như đi du lịch". Vợ tôi bảo: "Tôi không thích. Thế ông bảo sao?" ông Cơ ' bảo: "Ông đồng ý rồi. Không có ông, cháu cũng chẳng nhớ đến việc cải mộ nhà cháu□. Vợ tôi hỏi: "Thế hai cha con có bao nhiêu tiền?" ông Cơ bảo: "C'háu có ba nghìn, ông cho hai nghìn là năm". Vợ tôi bảo: "Được, đừng lấy hai nghìn của ông, tôi bù cho hai nghìn ấy, lại cho thêm năm nghìn. Thế là hai cha con có chục nghìn. Đi được".

Trước hôm đi, vợ tôi làm cơm. Cả nhà ngồi ăn, có cả ông Cơ, cô Lài. Cô Lài vui lắm, mặc bộ quần áo mới may bằng vải cha tôi cho hôm về. Cái Mi và Cái Vi trêu: "Chị Lài xinh nhất". Cô Lài cười thỏ thẻ: "Chả phải. Mẹ mới xinh nhất". Vợ tôi bảo: "Em đi chú

ý đỡ ông những khi tàu xe". Cha tôi bảo: "Hay thôi không đi?" ông Cơ giãy nảy: "Chết, cháu đã điện rồi: Mang tiếng chết". Cha tôi thở dài: "Tôi có tiếng gì mà mang

Cha tôi đi Thanh Hóa cùng ông Cơ và cô Lài vào sáng chủ nhật. Tối thứ hai, tôi đang xem tivi thì nghe tiếng "huych□", vội chạy ra ngoài thấy mẹ tôi ngã gục góc vườn. Mẹ tôi lần bốn năm nay, cho ăn biết ăn, cho uống biết uống, phải giục đi ngoài. Mọi hôm có cô Lài săn sóc không sao. Hôm nay, tôi sợ ý, cho ăn mà không giục đi ngoài. Tôi đỡ mẹ tôi vào, bà cụ cứ gục mặt xuống. Không thấy có vết đau. Nửa đêm tôi dậy, thấy mẹ tôi lạnh toát, mắt dại đi. Tôi sợ, gọi vợ tôi. Thủy bảo: "Mẹ già rồi". Hôm sau mẹ tôi không ăn, hôm sau nữa, cũng không ăn, không chủ động đi ngoài. Tôi giặt giũ, thay chiếu. Có ngày mưòi hai lần. Tôi biết Thủy và hai con tôi ưa sạch sẽ nên tôi thay giặt luôn, không giũ ở nhà mà mang ra tận kênh đào. Thuốc đổ vào cứ trở ra.

Hôm thứ bảy, mẹ tôi bỗng ngồi dậy được. Đi lững thững một mình ra vườn. ăn được cơm. Tôi bảo: " Mừng rồi". Vợ tôi không nói năng gì, chiều hôm ấy thấy mang về chục mét vải trắng, lại gọi cả thợ mộc. Tôi hỏi: "Chuẩn bị à?" Vợ tôi bảo: "Không". Hai hôm sau, mẹ tôi nằm liệt, lại bỏ ăn, lại đi ngoài như cũ. Người dốc nhanh, thải ra thứ nước nâu sền sệt rất khắm. Tôi đổ sậm. Vợ tôi bảo: □Đừng đổ sậm, khổ cho mẹ". Tôi òa khóc. Rất lâu tôi mới òa khóc như thế. Vợ tôi nín lặng, rồi lại bảo: "Tùy anh□. Ông Bồng sang thăm. Ông nói: □Bà ấy cứ xoay ngang, xoay dọc trên giường như thế này là gay go lắm đấy!□ Lại hỏi: □Chị ơi, chị có nhận ra em không?□. Mẹ tôi bảo: " Có". Lại hỏi: "Thế em là ai?" Mẹ tôi bảo: "Là người". Ông Bồng khóc òa lên: "Thế là chị thương em nhất. Cả làng cả họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đểu. thằng Tuấn gọi em là đồ khôn nạn. Chỉ có chị gọi em là người". Lần đầu tiên, cái ông chú đánh xe bò, lỗ mãng, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa hóa thành đứa trẻ ngây trước mắt tôi.

Cha tôi về đến nhà thì sáu tiếng sau mẹ tôi mất. Ông Cơ và cô Lài nói: "Tại chúng cháu. Chúng cháu ở nhà thì bà không mất". Vợ tôi bảo: "Nói nhảm". Cô Lài khóc: "Bà ơi, bà đánh lừa con bà đi! Sao bà không cho con đi hầu bà?" ông Bồng cười: "Mày muốn đi hầu bà thì đi, tao cho đóng ván□. Khi liệt mẹ tôi, cha tôi khóc. Ông hỏi ông Bồng: "Sao người bà ấy rút nhanh thế? Người già ai cũng chết khổ như thế này à?" ông Bồng bảo: □Anh lắm cảm. Hôm nào nước mình cũng có hàng nghìn người chết khổ nhục vật vã đau đớn. Mỗi lính tráng các anh, "đòm" phát là sướng".

Tôi cho bác rập, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đóng ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: "Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?" ông Bồng hỏi: "Ván mấy phân?" Tôi bảo: "Bốn phân". Ông Bồng bảo: "Mất mẹ bộ xa lông Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bốc mộ, cho chú bộ ván". Cha tôi ngồi âm thầm, trông rất đau đớn. Ông Bồng bảo: "Chị Thủy luộc cho tôi con gà, nấu hộ nồi xôi". Vợ tôi hỏi: "Mấy cân gạo hả chú?" Ông Bồng bảo: "Mẹ mày, sao hôm nay cứ ngọt xót thế? Ba cân"! Vợ tôi bảo tôi: "Họ hàng nhà anh kính bỏ mẹ".

Ông Bồng hỏi tôi: "Nhà này ai chủ trì kinh tế?" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bồng bảo: "Đấy là ngày thường. Tao hỏi đám ma này thì ai chủ trì kinh tế"" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bồng bảo: "Không được con ơi, khác máu tanh lòng. Tao bảo bố mày nhé". Tôi bảo: □Ông dễ con". Ông Bồng bảo: "Đưa tao bốn nghìn, mày định làm bao nhiêu mâm?" Tôi

bảo: "Mười mâm". Ông Bồng bảo: "Không đủ cho đồ tùy rửa ruột. Mày bàn với vợ mày đi. Bốn mươi mâm". Tôi đưa cho ông bốn nghìn rồi vào nhà. Vợ tôi bảo: □Em nghe hết rồi, em tính ba chục mâm, tám trăm đồng một mâm, ba tám hai tư. Hai tư nghìn, phụ phí sáu nghìn. Việc mua bán em lo. Cổ giao cho cô Lại. Đừng nghe ông Bồng, lão ấy đều lắm". Tôi bảo: "Ông Bồng cầm bốn nghìn rồi". Vợ tôi bảo: "Buồn anh lắm". Tôi bảo: "Anh đòi lại nhé". Vợ tôi bảo: "Thôi, coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo□. Phờng bát âm đến bốn người. Cha tôi ra tiếp. Nhập quan lúc bốn giờ chiều. Ông Bồng cạy miệng mẹ tôi cho vào chín đồng vừa tiền chinh Khải Định, vừa tiền một hào nhôm. Ông bảo: □Để đi đồ". Lại cho vào cỗ bài tổ tôm, có lẫn cả mấy quân tam cúc. Ông bảo: "Không sao, ngày xưa bà ấy vẫn chơi tam cúc".

Đêm ấy, tôi thức canh quan tài mẹ tôi, ngẫm nghĩ lan man đủ điều. Cái chết sẽ đến với mỗi chúng ta, chẳng trừ ai cả. Ngoài sân, ông Bồng với mấy bác đồ tùy ngồi đánh tam cúc àn tiền. Khi nào kết tốt đen, ông Bồng lại chạy vào vái quan tài mẹ tôi: □Lạy chị, chị phù hộ cho em để em vét thật nhẵn túi chúng nó". Cái Mi, cái Vi cũng thức với tôi. Cái Mi hỏi: "Sao chết đi qua đồ cũng phải trả tiền? Sao lại cho tiền vào miệng bà?" Cái Vi bảo: "Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không bố?" Tôi khóc: "Các con không hiểu đâu. Bố cũng không hiểu, đấy là mê tín". Cái Vi bảo: "Con hiểu đấy. Đòi người cần không biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần". Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. Cả đám đánh bạc, cả cha tôi nữa.

Từ nhà tôi ra nghĩa địa đi tắt chỉ năm trăm mét nhưng đi đường chính qua cổng làng phải hai cây số. Đường bé, không đẩy xe đò được mà phải khiêng vai. Đồ tùy thay nhau đến ba chục người, có nhiều người vợ chồng tôi không biết tên gì. Họ khênh quan tài hồn nhiên như việc bình thường vẫn làm, như khênh cột nhà. Vừa đi vừa nhai trầu, hút thuốc, tán chuyện. Khi nghỉ, đứng ngồi ngổn ngang ngay bên quan tài. Có người nằm lãn ra nói: "Mát thật, không bận cứ ngủ ở đây đến tối". Ông Bồng bảo: "Các bố ơi, đi đi còn về nhảm". Thế là đi. Tôi chống gậy giật lùi trước quan tài theo tục lệ , □cha đưa mẹ đón□. Ông Bồng bảo: "Bao giờ tôi chết, đồ tùy của tôi toàn dân cờ bạc, cỗ không thịt lợn mà thịt chó". Cha tôi bảo: "Chú ơi, lúc này mà chú đùa à?" Ông Bồng nín bật, lại khóc: "Chị ơi, chị đánh lừa em chị đi... Chị bỏ em chị đi... ". Tôi nghĩ: "Sao lại đánh lừa? Chẳng lẽ người chết đều đã đánh lừa người sống cả sao? Bã tha ma này toàn quân lừa lọc?"

Chôn cất xong, mọi người về nhà. Bày ra một lúc hai mươi tám mâm. Nhìn mâm cỗ, tôi thật kính trọng cô Lại. Mâm nào cũng gọi: "Lại đâu?" Cô Lại miệng dạ tíu tíu, chạy ra bê rượu, bê thịt. Đến tối, cô Lại tắm giặt, mặc quần áo mới ra hương án khóc: "Bà ơi, cháu xin lỗi bà, cháu không đưa bà ra đồng... Hôm trước bà thêm canh cua, cháu ngại làm, bà chẳng được ăn... Bây giờ đi chợ, cháu biết mua quà cho ai?... " Tôi thấy đắng ngắt. Tôi nhớ đã chục năm nay tôi chưa lần nào mua được cho mẹ chiếc bánh hay là gói kẹo. Cô Lại lại khóc: "Cháu ở nhà thì bà có chết không bà?" Vợ tôi bảo: "Đừng khóc□. Tôi cháu: "Cứ để cho cô ấy khóc, đám ma không có tiếng khóc buồn lắm. Nhà mình có ai biết khóc bà cụ thế đâu?□ Vợ tôi bảo: "Ba mươi hai mâm. Anh phục em tính sát không?" Tôi bảo: "Sát□. Ông Bồng bảo: "Tôi đi xem giờ. Bà cụ được một cái nhập mộ, hai cái trùng tang, một cái thiên di. Có yểm bùa không?" Cha tôi bảo: "Bùa con khỉ. Trong đời mình, tôi chôn ba nghìn người chẳng có người nào thế này". Ông Bồng bảo: "Thế là sướng, "đòm" phát là xong". Ông giơ một ngón tay trở làm hiệu bóp cò.

Tết năm đó, nhà tôi không mua hoa đào, không gói bánh chưng. Chiều mùng hai, đơn vị cũ của cha tôi cho người về viếng mẹ tôi. Biểu năm trăm đồng. Ông Chường, phó của cha tôi bây giờ lên tướng, ra mộ thắp hương. Anh Thanh đại úy cần vụ đi theo rút súng bắn ba phát lên trời. Sau này, trẻ con trong làng khao bộ đội bắn hai mốt phát đại bác viếng bà Thuần. Ông Chường hỏi cha tôi: "Anh muốn về thăm đơn vị dẫu già không? Tháng năm tập trận. Đơn vị cho xe về đón". Cha tôi bảo: □Được". Ông Chường đi thăm cơ ngơi nhà tôi, có ông Cơ hướng dẫn. Ông Chường bảo cha tôi: "Cơ ngơi của anh ác thật. Vườn cây, ao cá, chuồng lợn, chuồng gà, biệt thự. Thế là vững tâm". Cha tôi bảo: "Con tôi làm đấy". Tôi bảo: "Đấy là vợ cháu". Vợ tôi bảo: "Cô Lại chứ! " Cô Lại cười thản thản, dạo này dầu cứ gật gật liên hồi như bị động kinh: "Chả phải". Cha tôi đùa: "Thế thì do mô hình V.A.C ". Sáng mùng ba, Kim Chi đi xích lô bé con về thăm. Vợ tôi mừng tuổi một nghìn. Cha tôi hỏi: □Thằng Tuấn có thư từ gì không?" Kim Chi bảo: "Không". Cha tôi bảo: "Lỗi ở bác đấy. Tao không biết mày có chữa". Vợ tôi bảo: "Chuyện ấy là thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ. Con làm ở bệnh viện sản, con biết". Kim Chi ngượng. Tôi bảo: "Đừng nói thế, nhưng mà làm trinh nữ thì mệt thật". Kim Chi khóc: "Anh ơi, đàn bà chúng em nhục lắm. Để con gái ra em cứ nát ruột nát gan". Vợ tôi bảo: "Tôi còn hai con gái cơ". Tôi bảo: "Thế các người tưởng làm đàn ông thì không nhục à?" Cha tôi bảo: "Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục.. Tâm càng lớn, càng nhục". Vợ tôi bảo: □Nhà mình nói năng như điên khùng cả. Thôi đi ăn. Hôm nay có cô Kim Chi, tôi đãi mỗi người một con gà hầm tâm sen. Tâm đấy. Ăn là trên hết".

Gần nhà tôi ở có cậu Khổng, trẻ con gọi là Khổng Tử. Khổng làm ở xí nghiệp nước mắm nhưng lại thích thơ, làm thơ gửi báo Văn nghệ. Khổng hay sang chơi. Khổng bảo: "Thơ siêu nhất□. Cậu đọc cho tôi nghe Loócca, Uýtman v. v... Tôi không thích Khổng, ngờ ngờ cậu ta sang chơi vì một cái gì phiêu lưu còn hơn cả thơ ca nữa. Một bận, thấy trong giường của vợ tôi có một tập thơ chép tay. Vợ tôi bảo: "Thơ của cậu Khổng, anh có đọc không?" Tôi lắc đầu. Vợ tôi bảo: □Anh già rồi". Bất giác tôi thoáng rung mình. Một hôm bận trực cơ quan nên tôi về muộn. Cha tôi đón cổng, ông bảo: □Thằng Khổng sang chơi từ chập tối. Nó với vợ mày cứ rúc rích với nhau, bây giờ chưa về, chướng quá". Tôi bảo: "Cha đi ngủ đi, để ý làm gì?" Cha tôi lắc đầu, bỏ đi lên gác. Tôi dắt xe máy ra đường, phóng lang thang khắp phố cho kỳ hết xăng. Tôi dắt xe đến ngồi ở một góc vườn hoa như một tên du thủ du thực. Có một cô mặt đánh phấn đi ngang qua hỏi: "Ông anh ơi, có đi chơi không?" Tôi lắc đầu. Khổng có ý tránh mặt tôi. Ông Cơ ghét lắm, một hôm bảo tôi: "Cháu đánh nó nhé?" Suýt tôi gật đầu. Lại nghĩ: "Thôi". Tôi vào thư viện mượn thử ít sách. Đọc Loócca, Uýtman... tôi cứ mơ hồ thấy những nghệ sĩ trác tuyệt là những con người cô đơn khủng khiếp. Bỗng thấy thằng Khổng có lý. Chỉ tức nó đều. Sao nó không đưa thơ nó cho người khác xem mà lại đưa cho vợ tôi? Cha tôi bảo: "Anh nhu nhược. Duyên do là anh đếch sống được một mình□. Tôi bảo: "Không phải, cuộc đời nhiều trò đùa lắm". Cha tôi bảo: "Anh cho là trò đùa à?" Tôi bảo: "Không phải trò đùa, nhưng cũng không phải nghiêm trọng". Cha tôi bảo: "Sao tôi cứ như lạc loài?□ Cơ quan định cử tôi đi công tác phía Nam. Tôi bảo vợ tôi: "Anh đi nhé?" Vợ tôi bảo: "Đừng đi. Mai anh sửa cửa nhà tắm, cái cửa hỏng rồi. Hôm nọ cái Mi đang tắm, thằng Khổng đi qua định giờ trò đều làm nó hết hồn. Thằng khốn nạn ấy em cấm cửa rồi". Vợ tôi òa khóc: "Em thật có lỗi với anh, với con". Tôi khó chịu quay đi. Nếu có cái Vi bây giờ thì nó sẽ hỏi tôi rằng: "Bố ơi, đấy có phải nước mắt cá sấu không?"

Tháng Năm, đơn vị cũ cho xe về đón cha tôi. Anh Thanh đại úy cầm thư của ông Chưởng về. Cha tôi cầm thư run run. Thư viết: "... Chúng tôi cần anh, mong anh... nhưng anh đi được thì đi, không ép". Tôi nghĩ cha tôi không nên đi nữa nhưng nói ra bất tiện. Cha tôi già sụp hẳn đi từ khi về hưu. Hôm nay cầm thư, thấy ông nhanh nhẹn và trẻ trung hẳn. Tôi cũng vui lây. Vợ tôi chuẩn bị đồ đạc cho vào cái sắc du lịch. Cha tôi không nghe, ông bảo: "Cho vào ba lô". Cha tôi đi chào làng nước một lượt, ra cả ngoài mộ mẹ tôi, lại bảo anh Thanh bắn ba phát súng lên trời. Buổi tối cha tôi gọi ông Cơ đến cho hai nghìn, bảo khắc một cái bia đá gửi về Thanh Hóa đánh dấu mộ vợ. Cha tôi lại gọi cô Lài đến bảo: "Cháu lấy chồng đi". Cô Lài òa khóc: "Cháu xấu xí lắm, chẳng ai lấy. Lại cả tin nữa". Cha tôi ghen ngào: □Con ơi, con không hiểu rằng cả tin chính là sức mạnh để sống hả con?" Tôi cũng không ngờ những điều như thế lại là diêm báo chuyển này cha tôi ra đi không về. Trước khi lên xe, cha tôi lấy trong ba lô ra quyển vở học sinh. Ông đưa cho tôi. Ông bảo: "Trong này cha có ghi chép ít điều, con đọc thử xem". Cái Mi, cái Vi chào ông. Cái Mi hỏi: "ông đi ra trận hả ông?" Cha tôi bảo: "ừ□. Cái Vi hỏi:

Đường ra trận mùa này đẹp lắm có phải không ông?" Cha tôi chửi: "Mẹ mày! Láo!

Cha tôi đi được vài ngày thì ở nhà xảy ra chuyện cười nôn ruột. Số là ông Cơ cùng với ông Bồng vớt bùn dưới ao (vợ tôi trả ông Bồng hai trăm đồng một ngày công, còm nuôi), bỗng thấy một cái đít chum nổi lên. Hai ông hi hục đào, lại thấy một đít chum nữa, ông Bồng đoán chắc các cụ ngày xưa chôn của. Hai ông báo với vợ tôi. Thủy đến xem, cũng lợi xuống đào. Rồi cả cô Lài, cả cái Mi, cái Vi. Cả nhà bê bê bùn đất. Vợ tôi bắt phải ngăn ao, lại đi thuê máy bơm Còle về tát nước. Không khí thật nghiêm trang. Ông Bồng thích lắm: "Công tao thấy trước, cứ phải chia cho tao một chum". Hi hục một ngày đào được hai cái chum sứ trong chảng có gì. Ông Bồng bảo: " Chắc còn nữa". Lại đào. Được thêm một cái chum nữa, cũng vỡ. Cả nhà mệt lả, bụng đói cồn cào. Vợ tôi sai mua bánh mì về ăn lấy sức đào tiếp. Đào gần chục mét thì vớ được cái lọ sành. Cả nhà mừng rỡ, ai cũng đoán vàng. Mở ra trong thấy toàn một chuỗi "Bảo Đại thông báo" bằng đồng đã han rỉ cả. Lại thấy một cái mề đay mủn nát. Ông Bồng bảo: "Thôi chết, tao nhớ ra rồi.

Ngày xưa tạo với trùm Nhân ăn trộm ở nhà Hàn Tín, bị đuổi, trùm Nhân vớt cái lọ này xuống ao". Cả nhà được một mẻ cười nôn ruột. Trùm Nhân là tên ăn trộm khét tiếng ở vùng ngoại ô. Hàn Tín trước kia là lính thuộc địa cho Tây, tham gia phong trào "Rồng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tặc". Cả hai đã chết mục xác từ thuở nào thuở nào. Ông Bồng bảo: "Không sao, bây giờ cả làng này chết tao cũng đủ tiền đi đồ nhét vào miệng họ□. Sáng hôm sau, ngủ dậy thì tôi nghe thấy có tiếng gọi cồng. Tôi ra thấy Khổng đứng ngoài. Tôi nghĩ: □Mẹ khỉ, cái thằng đểu này là diêm gở nhất của số phận mình□. Khổng bảo: "Anh Thuần ơi, anh có điện. Ông cụ mất rồi!".

Điện của ông Chưởng: "Thiếu tướng Nguyễn Thuần, hy sinh khi làm nhiệm vụ hồi... giờ... ngày mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ hồi... giờ... ngày" Tôi lặng người. Vợ tôi xếp đặt mọi việc rất nhanh. Tôi ra thuê xe, về nhà đã thấy gọn đàu vào đây Vợ tôi bảo: "Khóa cửa nhà trên. Ông Cơ ở lại". Xe đi Cao Bằng theo đường số Một. Đến nơi thì lễ an táng cha tôi cử hành đã được hai tiếng đồng hồ. Ông Chưởng bảo: □Chúng tôi có lỗi đối với gia đình". Tôi bảo: □Không phải thế. Đòi người có mệnh". Ông Chưởng bảo: "Cha anh là người đáng trọng". Tôi hỏi: "Theo nghi lễ quân đội hả chú". Ông Chưởng

bảo: □Cụ ra trận địa, đòi lên chốt". Tôi bảo: " Cháu hiểu rồi, chú đừng kể nữa". Tôi khóc, chưa bao giờ tôi khóc như thế. Bây giờ tôi mới hiểu khóc như cha chết là khóc thế nào. Hình như đây là cái khóc lớn nhất đời một con người.

Mộ của cha tôi đặt trong nghĩa trang liệt sĩ. Vợ tôi mang theo máy ảnh bảo chụp mấy kiểu. Hôm sau tôi xin về luôn, ông Chương giữ lại nhưng tôi không nghe. Đường về vợ tôi bảo xe đi chậm. Ông Bồng lần đầu mới được đi xa, thích lắm. Ông bảo: □Nước mình thật đẹp như tranh. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao phải yêu đất nước. Chứ ở quê ta, dù ngay Hà Nội có văn minh thật, tôi chẳng thấy yêu gì cả". Vợ tôi bảo: "Tại chú quen đây. ở nơi khác cũng thế, họ lại thấy yêu Hà Nội". Ông Bồng bảo: □Thế là nơi này yêu nơi kia, người này yêu người kia. Tất cả đều đất nước mình, nhân dân mình cả. Vậy thì đất nước muôn năm, nhân dân muôn năm. Hoan hô đền cù! "

Có lẽ câu chuyện của tôi kết thúc ở đây. Sau đó nếp sống của gia đình tôi trở lại như là trước ngày cha tôi nghỉ hưu. Vợ tôi tiếp tục công việc bình thường. Tôi đã hoàn thành công trình nghiên cứu điện phân. Ông Cơ trở nên ít nói, một phần vì bệnh cô Lại nặng hơn. Lúc rỗi, tôi giờ đọc những điều cha tôi ghi chép. Tôi hiểu cha tôi hơn. Trên đây là những sự việc lộn xộn của hơn một năm cha tôi nghỉ hưu mà tôi chép lại. Tôi coi đây như nén hương thấp nhớ người. Nếu có ai đã có lòng để mắt đọc điều tôi viết, xin lượng thứ cho tôi.

Tôi xin cảm tạ.

Chân dung Nguyễn Huy Thiệp Nguyễn Đăng Mạnh

Thiệp có tài bịa chuyện như thật. Không phải chỉ trong văn đâu, trong đời sống cũng vậy.

Ngày khánh thành pho tượng Phật của anh, anh mời tôi đến đánh chén. Anh hỏi tôi khi đứng ngắm pho tượng: "*Anh thấy mặt tượng giống nam hay giống nữ?*". Tôi nói, giống nữ. Thiệp bảo: "*Thế là nam tính của anh mạnh. Nếu thấy giống nam là nữ tính mạnh*" (Có người lại thấy giống Phạm Thị Hoài). Thiệp đưa tôi xem bức ảnh chụp buổi lễ gọi là hô thần nhập tượng và nói, hôm ấy chúng em mời thế nào mà có hai vị Hoà thượng cùng đến một lúc, mà vị nào cũng quên không mang chuông mõ. Em và Hồng Hưng (Hồng Hưng là hoạ sĩ kiêm điêu khắc, cùng làm tượng với Thiệp) phải chia nhau mỗi người một ngả đi mượn ở những ngôi chùa quanh vùng. Đến đâu cũng thấy nhà chùa đã sắp sẵn chuông mõ giao cho, nói là: "*Đêm qua đức Phật báo mộng, có người đến thu chuông mõ*".

Thiệp lại kể, khi tượng Phật sắp hoàn thành, bỗng thấy có một bà nhà quê ở đâu đến, thấy tượng vội sụp lạy như té sao. Hỏi thì nói, bà ta có con bị ốm. Mời thầy cúng đến. Ông thầy nói, bà yên tâm, gần đây người ta đang xây tượng Phật, ma quỷ sẽ phải chạy hết, nay mai con bà khỏi thôi. Quả đúng như vậy. Một hôm khác, tôi nhớ là ngày giỗ ông thân sinh của Thiệp. Anh mời chúng tôi đến uống rượu. Hôm ấy khá đông khách. Thiệp cho biết, ở Hà Nội, có những bà đồng cứ nhận mình là Ngô Thị Vinh Hoa – một nhân vật huyền thoại

của Thiệp trong truyện *Phẩm tiết*. Thiệp nói, hôm ấy, anh ra Hà Nội, gặp một bà đồng đang đi với ông tiến sĩ Hoàng Phương, một chuyên gia về khoa học thần bí. Đó là một trong những bà đồng tự nhận mình là Ngô Thị Vinh Hoa. Trông thấy Thiệp, bà ta bỗng lặn đùng ra đất, mồm học máu. Thiệp hoảng hồn, bỏ chạy vì sợ liên lụy.

Thiệp viết thì hay, nhưng nói chuyện thì không hấp dẫn lắm. Anh có tật nói lắp. Người đen, có vẻ phong trần – Hồi Thiệp mới xuất hiện, nổi lên như cồn, nhiều kẻ sinh đồ kị. Khi Thiệp viết *Phẩm tiết*, bị quy là xúc phạm Quang Trung, nhiều tay liền xúm vào đá kích, chửi bới. Đỗ Chu, trong một cuộc họp ở Hội nhà văn, nói: “*Mặt nó như cái ruộng nở, nó dám xúc phạm anh hùng dân tộc, sao không bỏ tù nó đi!*”.

Thiệp vốn là một giáo viên dạy sử, nhưng thực sự là con người của cuộc đời phong trần, bụi bặm, thực sự vật lộn với cuộc sống để mưu sinh. Anh từng buồn gỗ, có lúc làm trang trí nội thất thuê, có thời gian vẽ gốm cho lò gốm Bát Tràng, rồi vẽ bìa sách cho nhà xuất bản Giáo dục... Khi mới được chuyển từ Sơn La về Hà Nội (Nhà xuất bản Giáo dục), Thiệp xin với Nguyễn Đức Nam, Giám đốc nhà xuất bản, cho vợ anh, đang dạy học ở Từ Sơn, về Nhà xuất bản. Thiệp mặc cả với Đức Nam sẽ có cách đưa được con Nam từ Hà Tây về Hà Nội. Nam nói, chuyện của tao, tự tao giải quyết được. Thiệp phải dất gái cho Nam ba lần, Nam mới đồng ý. Hiện vợ Thiệp vẫn chữa morát cho nhà xuất bản Giáo dục. Thiệp hai lần mở quán ăn. Một lần ở Gia Lâm, gọi là quán Nhà Sàn Hoa Ban. Một lần ở số 1 Láng Hạ, gọi là nhà hàng Hưng Thịnh. Tôi có được mời dự lễ khai trương. Quán Hoa Ban thì do quan hệ giữa chủ đầu tư và Thiệp không hợp thể nào đó, nên Thiệp bỏ. Còn quán Hưng Thịnh thì không hiểu sao vừa mở được ít ngày đã sập tiệm.

Vừa rồi, Thiệp viết bài *Trò chuyện với hoa thủy tiên*, bị bọn làm thơ ghét lắm. ở đại hội nhà văn lần thứ bảy, anh nói với tôi, tưởng chúng nó không bầu mình làm đại biểu, thế mà hoá ra cũng đủ phiếu. Nguyễn Khải cho biết, ở trong Nam, có một người đàn bà họ Đinh, kinh doanh rất giỏi, giàu lắm. Chị này rất quý Nguyễn Huy Thiệp. Thịnh thoảng Thiệp vào Sài Gòn được cung phụng sướng như vua. Thiệp là một trong những nhân vật hấp dẫn đối với khách nước ngoài. Tôi đến anh, thường gặp, khi thì một ông Tây, khi thì một ông Tàu hay một bà Nhật, khi thì một trí thức Việt kiều ở Pháp, ở Mỹ về nước...

Hoàn cảnh ấy khiến Thiệp sinh chủ quan, kiêu ngạo. Tôi cho đây là dấu hiệu thiếu bản lĩnh. Trong nhiều bài viết, Thiệp cứ xưng xưng tự khoe là người tài, người nổi tiếng, là nhà văn lớn. Một lần có một doanh nhân trẻ mới phát lên. Anh ta quen một người học trò của tôi và tỏ ra cũng thích văn chương nghệ thuật. Có lẽ do ảnh hưởng của anh học trò của tôi (một nghiên cứu sinh), anh doanh nhân này muốn đóng vai Mạnh Thường quân, mời tôi, Hoàng Ngọc Hiến và Nguyễn Huy Thiệp đi chơi một chuyến lên vùng Xuân Mai, Hoà Lạc. Anh ta nhờ tôi mời họ. Tôi gọi điện cho Hiến. Hiến nhận lời ngay. Tôi gọi điện cho Thiệp. Thiệp từ chối: “*Anh phải cẩn thận, nhiều kẻ nó muốn lợi dụng chúng mình đấy!*” – Thiệp khuyên tôi qua điện thoại như vậy. Tôi nghĩ bụng, rõ vớ vẩn. Nó lợi dụng mình để làm gì chứ! ở cái nước này, trí thức văn nghệ sĩ có giá gì đâu mà sợ bị lợi dụng. Đúng là Thiệp càng ngày càng thấy mình to quá, lớn quá, quan trọng quá.

Vào những năm 80 của thế kỷ trước, Nguyễn Huy Thiệp nổi lên như một sự kiện quan trọng, có tiếng vang ra cả nước ngoài. Người đầu tiên giới thiệu Thiệp một cách công phu là Hoàng Ngọc Hiến với một bài viết có cái đầu đề khá kiểu cách: *“Tôi không chúc anh thuận buồm xuôi gió”* (Bài giới thiệu tập truyện *Tướng về hưu* lần đầu tiên in ở NXB trẻ thành phố Hồ Chí Minh, 1988). Năm 1990, Thiệp nhờ tôi viết lời tựa cho một tập truyện ngắn khác của anh. Bài viết của tôi không được dùng vì Thiệp nói, có lệnh của công an không cho in lời tựa cho tác phẩm này (Thiệp từng bị công an theo dõi, có thời gian bị khám nhà và quản thúc). Tôi gửi bài viết cho tạp chí *Sông Hương*, đăng vào năm 1991. Ý kiến của tôi và Hiến khác nhau. Hiến cho rằng trong truyện của Thiệp có sự đối lập giữa các nhân vật nam và nhân vật nữ: Nữ là chính diện, nam là phản diện. Từ đó cho rằng tinh thần phê phán xã hội của Thiệp là xuất phát từ quan điểm gọi là *“thiên tính nữ”*. Tôi không tán thành ý kiến ấy, vì thấy không có sự đối lập này trong nhiều tác phẩm tiêu biểu của Thiệp. Nhận xét của tôi là sự đối lập về tư tưởng – tiêu cực và tích cực của các nhân vật trong truyện của Thiệp - không phải giữa nam và nữ, mà giữa những nhân vật sống gần với tự nhiên (thường ở trong nhà, thậm chí trong xó bếp, hoặc ở nông thôn hay trong thẳm rừng), nên vẫn giữ được bản chất thiên nhiên, bản chất tạo hoá tự nhiên của mình, với những nhân vật đi vào xã hội, bị xã hội hoá - trong tác phẩm của Thiệp, xã hội hoá đồng nghĩa với tha hoá. Tôi đưa ra một loạt dẫn chứng và khẳng định hầu như không có ngoại lệ: *Tướng về hưu, Những bài học nông thôn, Những người thợ xẻ, Không có vua, Trái tim hổ, Muối của rừng...*

Hôm ấy, sau cuộc nhậu ở nhà Thiệp, khánh thành pho tượng Phật, tôi và Hiến tranh luận với nhau. Hiến vẫn giữ ý kiến của mình. Anh nói: *“Cậu nên nhớ, con khi dạy cho ông Diêu bài học làm người (trong truyện Muối của rừng) là con khi cái nhé – nghĩa là vẫn đúng với luận điểm “thiên tính nữ”*. Thiệp ngồi quan sát tôi và Hiến tranh luận. Anh chỉ cười.

Hình như càng ngày, Thiệp càng cố tình tạo ra trong tác phẩm của mình những cảnh đời quái đản, tăm tối, với những con người, từ thế xác tới tâm hồn, như chui từ bùn rác, cống rãnh lên – Một thái độ hư vô chủ nghĩa, nhạo báng tuốt, nói ngược lại tuốt, cố tình gắn cái cao cả với cái thấp hèn, cái to tát với cái bé mọn, cái tinh trắng với cái bẩn thỉu tục tĩu... Một thứ nihilisme – Dieu est mort – kiểu Nietzsche. Và hành văn cũng theo lối phán truyền của Nietzsche (style parabolique). Hình như Thiệp có hứng thú (và có sở trường) ném ra những lời như sấm ngôn, như thánh phán, với những mệnh đề triết lý mù mù, bí hiểm, có thể suy ra nhiều nghĩa. Tôi ngờ rằng, chưa chắc Thiệp đã có tư tưởng gì thật sự nên mới làm ra thế để loè thiên hạ, đồng thời che giấu bản chất còn mù mờ của tư tưởng mình. Người đọc có thể thấy đây đó những điều có vẻ loé sáng, nhưng không bao giờ thấy có ngọn lửa chân lý hắt hoi.

Gần đây đã có không ít người nói đến dấu hiệu đuối sức, cạn tài của Thiệp. Tôi cho chỗ hay nhất của Thiệp vẫn là lối viết táo bạo nhưng chân thật, hồn nhiên, bản năng. Gần đây Thiệp có truyện *Ông Móng* viết về cái chợ đêm bán phân người ở Hà Nội. Người ta khoắng tay vào thùng phân để kiểm tra. Phân cũng làm hàng giả. Nên mua phân cũng phải khoắng tay để kiểm tra. Cuộc sống thật quyết liệt, tối tăm, một nhân loại cùng khổ đến thế là cùng. Đúng là những nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp, là thế giới nghệ thuật của Nguyễn Huy Thiệp. Cứ phải xục xuống bùn, xục sâu xuống tận đáy cho đục ngầu hẳn lên...

Tôi thấy truyện này rất tiêu biểu cho tư tưởng và phong cách Thiệp – một chủ nghĩa hiện thực “không có vua”... Tài nghệ và tư tưởng của Thiệp đã tìm được một đề tài thích hợp.

Có lẽ nhược điểm của Thiệp là thường thuật kể theo các hành vi ngoại hiện của nhân vật, ít đào sâu vào đời sống nội tâm của các vai truyện. Vì thế không viết được tiểu thuyết chăng? Ngày xưa Nguyễn Công Hoan cũng có nhược điểm này. Nhưng dù sao tiểu thuyết của cụ Hoan cũng không quá dở như của Thiệp. Cuối năm 1988, Nguyễn Minh Châu bấy giờ đã mệt lắm. Anh vào Nam chữa bệnh không có hiệu quả lại trở ra Bắc. Tôi đến thăm anh ở 108. Anh nói với tôi: *“Bây giờ có ai nghiên cứu về cái đề tài này cũng hay đấy nhỉ: Từ Đỗ Chu đến Nguyễn Huy Thiệp”*. Anh không nói gì thêm nữa. Tôi chắc anh nghĩ đến hai cái mốc đánh dấu hai thời kỳ văn học nước ta, bằng hai tài năng trẻ cùng viết truyện ngắn: Đỗ Chu là người thể hiện chất thơ của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, còn Nguyễn Huy Thiệp thì thể hiện chất văn xuôi phàm tục và chất bi hài của chủ nghĩa xã hội hiện lộ ra từ thời kỳ đổi mới.

Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đến bến đò lúc 3 giờ chiều, giữa lúc nắng gay gắt. Hắn ở trên chiếc ô tô chạy than bước xuống, chiếc ô tô chở khác từ thị xã, mười ngày một bận. Chiếc ô tô sơn đen cà khỗ, lên chặt được mười sáu người cùng với đồ đạc. Ông khói xả than gò bằng tôn ở dưới đuôi xe dựng đứng lên trời.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ

Hắn đội chiếc mũ cát trắng rộng vành, chiếc mũ đã cũ, ngả màu cháo lòng. Hắn không có đồ đạc gì cả ngoài một chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy đã cũ, sơn đỏ, trên có vẽ hình một cô gái mặc váy đang múa ba lê. Hắn cắp chiếc hộp ở nách như ông thầy bói vẫn cắp tráp sơn.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn đứng tần ngần một lát ở giữa ngã ba như để nhận đường rồi đi la cà dọc dãy phố chợ. Hắn hỏi một ông đứng trước cửa tiệm thuốc bắc:

-Thưa ông, đây có phải là bến đò Vân không?

Ông này trả lời:

-Vâng, bến đò Vân

Hắn cảm ơn ông ta rồi quay đi. Hắn gật gật đầu, cười tủm tỉm. Hắn rẽ vào một quán ăn ven đường. Giờ này quán ăn vắng khách, chẳng có ma nào, Bà chủ quán đang ngồi ngủ gà ngủ gật ở trên một chiếc ghế gỗ đặt nơi góc nhà.

Hắn hỏi lại câu hỏi cũ:

-Thưa bà, đây có phải bến đò Vân không ?

-Vâng, bến đò Vân.

-Bà cho tôi một chút rượu, lạc rang, thuốc Lào, một tờ giấy trắng, một chiếc bút chì.

Hắn ngồi ở chiếc bàn cạnh cửa sổ. Hắn để chiếc hộp sắt tây đựng bánh bích quy trước mặt.

-Thưa ông, rượu của ông đây! Lạc rang, thuốc Lào.. giấy với bút chì thì cháu không có..

Bà chủ quán rụt rè mang các thứ bày lên mặt bàn.

-Thế nhà ta không có ai đi học cả à?

-Thưa ông, chẳng cứ nhà cháu.. ở đây toàn người thất học. Người ta chỉ biết mỗi có tiền thôi.

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn nói:

-Bảy năm trước, tôi đã đến bến đò này. Hồi ấy quang cảnh vùng này còn thưa thớt lắm.

-Vâng, thưa ông, thời ấy thiên hạ thái bình. Bây giờ thiên hạ nhốn nháo lắm.

-Tôi nhớ chỗ này ngày xưa là một vườn cải.

-Vâng, vườn cải nhà Tư Sửu. Nhà Tư Sửu bán đất cho nhà cháu, nhà cháu mở quán bán hàng được ba năm nay.

Bà chủ quán quay đi. Hắn thờ dài. Hắn đã ném trái bao nhiêu thay đổi trên đời.

Hắn rót rượu. Hắn thờ dài. Hắn đã ném trái bao nhiêu thay đổi trên đời.

Hắn rót rượu. Hắn lấy ngón tay chấm vào ly rượu rồi hắn viết lên mặt bàn mấy chữ nắn nót. Ngón tay hắn run run.

Hắn viết:

-□Chén ứa men lành, lạnh ngón tay□ (1)

Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Vừa lúc ấy có mấy chiếc xe tay dưng trước cửa quán. Trên xe bước xuống là ba mẹ con nhà kia. Bà mẹ trạc 50 tuổi, rõ ràng là bậc mệnh phụ phu nhân. Hai đứa con đi theo mẹ là cô con gái 18 tuổi mặc áo dài trắng và cậu con trai 14 tuổi mặc quần soóc, áo cộc tay. Người lão bộc lặc lè xách vào hai chiếc va-ly.

Phu nhân nói:

-Qua đò là về đến nhà. Mấy mẹ con ta vào đây nghỉ đã.

Bà chủ quán chạy ra vồn vã:

-Con lạy chào bà Tham.. Con chào cô, con chào cậu..

Phu nhân tươi cười:

-Chúng tôi chào thím.. Cho chúng tôi ngồi nhờ một lát đợi lát nữa có người ra đón.. Thế vợ chồng thím dạo này có khoẻ hay không? Làm ăn thế nào?

-Thưa bà.. vợ chồng con vẫn khoẻ, còn làm ăn thì kém lắm! Bà với cô cậu có dùng gì không để chúng con hầu?

-Không.. không dùng gì.. Thím mang cho lão bộc đây một cốc chè xanh là được rồi.

Ba mẹ con ngồi trên chiếc ghế dài kê ở sát tường. Người lão bộc ngồi ở bậc cửa. Họ ríu rít nói chuyện đi đường, chuyện về những chiếc xe tay và người kéo xe.

Cậu con trai nói một câu tiếng Pháp:

-Que diable est - ce que tout cela? (Cái gì kỳ cục thế này?)

Đấy là cậu muốn ám chỉ chiếc hộp bánh bích quy của người khách lạ ngồi bên cửa sổ. Không hề ai biết hắn là một thi sĩ.

Hắn mở chiếc hộp bánh bích quy và lấy trong đó ra những cánh bướm đã ép khô lần lượt xếp lên bàn thành chữ □L□.

-Ai đấy?

Phu nhân khẽ hỏi bà chủ quán.

-Dạ con không biết.

Cậu con trai không cưỡng nổi tò mò, thốt lên:

-Bướm đẹp quá.. Thưa ông, ông là người sưu tập bướm phải không?

-Không, tôi làm thơ!

Hắn trả lời. Hắn ngẩng mặt lên. Phu nhân sợ sệt vì hắn chẳng nhìn ai cả, chẳng có ai đáng nhìn, hắn chỉ nhìn chăm chăm có mỗi cô con gái bà.

Cô gái tán thưởng:

-Làm thơ ư?

Phu nhân lo ngại, đưa tay kéo hai đứa con sát lại gần mình.

-Thưa ông, nghề nghiệp của ông thật nguy hiểm - Người lão bộc rụt rè nói.

Hắn mỉm cười. Hắn cười vì nhận ra ở mép cô gái có một nốt ruồi chứ không phải vì câu nói của người lão bộc.

-Sao lại nói thế? - Phu nhân nhẹ nhàng quở trách.

-Thưa bà, con nghe quan Chánh cấm nói với ông nhà là hễ mà loạn thì phải bắt ngay

những người người làm thơ trước đã.

Phu nhân im lặng. Cảm thấy không ổn, bà hỏi dè dặt:

-Thưa ông, nghề nghiệp của ông có dễ dàng không?

Hắn không trả lời. Hắn lại chuyển những cánh bướm từ chữ □L□ sang chữ □N□.

Phu nhân hỏi tiếp:

-Thưa ông, tôi muốn hỏi ông kiếm sống có dễ dãi không?

Hắn nói:

-Không, tôi làm thơ!

Cậu con trai cảm thấy thú vị về người khách lạ. Cậu hỏi:

-Thưa ông, làm thơ có khó hay không?

-Khó với với người không có tài! - Hắn nói mà không ngẩng đầu lên. Hắn lại chuyển những cánh bướm từ chữ □N□ sang hình trái tim.

Cô gái đảo đũa:

-Thưa ông, người ta nói □Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài□ là thế nào ạ?

Hắn nhìn cô gái và cô đỏ bừng mặt xấu hổ. Cô chợt nhận ra câu hỏi của cô thật sự quá thể vô nghĩa. Nó là thói quen a dua với thói đời chứ đâu phải câu hỏi mà cô muốn nói, không phải câu hỏi từ đáy lòng cô. Cô xúc động vì nỗi u hoài tê tái trong đáy mắt hắn. ánh mắt của hắn như muốn nói rằng:

-Này cô gái, cô trẻ trung trong sáng thế kia mà sao cô lại đi hỏi một câu rắc rối, rỗng tuếch của người lớn như thế làm gì? Đây là câu hỏi của một cành cây khô héo chứ đâu phải của một bông hoa?

-Xin lỗi ông - Cô gái bối rối nói- Tôi không muốn hỏi thế! Tôi muốn xin ông một câu thơ được không?

Hắn báo:

-Được!

Hắn nhòm người lên. Phong độ cử chỉ của hắn bỗng nhiên hào phóng như một ông hoàng cho tiền bố thí. Tuy vậy, hắn không có giấy bút nên hắn lúng túng.

Cậu con trai tinh ý vội mang lại mấy tờ giấy và chiếc bút máy.

Hắn gật đầu. Hắn nói:

-Để tặng tiểu thư.. Tiểu thư tên là Nhi phải không?

Cô gái giật mình:

-Chết! Sao ông lại biết tên tôi..?

Hắn không trả lời. Hắn cười tủm tỉm. Hắn viết:

-□Những một mình em uống rượu hồng..□

Cậu con trai tán thưởng:

-Tuyệt vời! Thơ hay quá! Tôi cũng muốn xin ông một câu thơ được không?

Hắn mỉm cười vui vẻ.

Hắn viết lên một tờ giấy khác

-□Sòng đời thua hẳn cả thơ ngây□

Cậu con trai sung sướng cầm hai tờ giấy giơ lên như giơ hai bông hoa, như hai báu vật.

Vẻ hân hoan của cậu làm bà mẹ vốn bản tính dè dặt cũng phải mỉm cười

Cô gái trở nên bạo dạn:

-Thưa ông, sao ông lại nói □những một mình em□? Còn □rượu hồng□ có nghĩa là cuộc đời phải không?

Hắn mỉm cười lại. Người con gái này chưa biết thế nào là nỗi cô đơn. Năm nay nàng 18 tuổi. Phải 18 năm sau nữa thì nàng mới biết □những một mình em□ là thế nào.

Cậu con trai thốt ra một câu tiếng Pháp:

Il n'est de bonheur que dans les voies communes (Chỉ trên những con đường tầm thường mới tìm được hạnh phúc). Thưa ông, có phải câu thơ của ông nhắc tôi như thế phải không?

Hắn không nói năng gì.

-Thưa ông - bà mẹ hỏi - tôi hỏi khí không phải, ông chắc không phải là người ở đây..
Thế ông ở nơi xa xôi đến nơi này làm gì?

Hắn nói:

-Tôi đi đưa dâu.

-Thưa ông, vậy ông có người quen ở vùng này à?

-Không.

-Thưa ông, vậy ông đi đưa dâu ai?

-Một người con gái. Tôi đã hẹn với cô ta từ bảy năm trước.. ngày này, giờ này.. lát nữa
đám cưới cô ta sẽ đi qua đây..

Cậu con trai ngạc nhiên kêu lên:

-Ồ.. Ồ.. Thật lạ lùng!

Cô con gái thì thào vào tai cậu em trai:

-Entre nous.. (nói nhỏ với nhau). Lãng mạn quá chừng..

Bấy giờ có mấy người lái đò từ dưới bến sông đi lên có vẻ như muốn tìm ai. Một người
đứng ở cửa quán hỏi vọng vào:

-Thưa các bác, thưa các già.. ở đây có vị nào tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh, hay Điệp
Lang không?

Hắn nói:

-Có đấy!

Bác lái đò mừng rỡ:

-Thưa ông, có phải ông nhắn người thuê chín chiếc đò nang để chở đám cưới hay
không?

Hắn bảo:

-Phải.

Bác lái đò nói:

-Thưa ông, chúng tôi đã tề tựu cả ở dưới bến rồi.

Hắn bảo:

-Được! Cứ chờ!

Mấy người lái đò kéo nhau xuống bến. Phu nhân và hai người con sửng sốt. Về phần
khích làm cho má cô gái và cậu con trai đỏ ửng như có than hồng. Phu nhân hỏi:

-Thưa ông, tôi lại hỏi khí không phải nữa, thế cái người con gái mà ông hẹn bảy năm
trước hình dạng thế nào. Chẳng là tôi là người ở vùng này, nói đến ai là tôi biết liền..

Hắn dăm chiêu, cau có:

-Trắng trẻo, môi đỏ, khô chân gân mặt, trông đáng vẻ như người dĩ thoã. Có cái nốt ruồi
ở chỗ này, chỗ này..

Hắn chỉ đầu đó trên người cô con gái làm cô đỏ bừng cả mặt.

Phu nhân băn khoăn.

-Hay nhà Dung? Hay nhà Oanh?

Bà chủ quán nói:

-Thôi chết.. Đứng cô Xoan rồi.. Thưa ông, có phải ngày xưa ông ấy chít khăn mỏ quạ,
mặc quần nái đen hay không?

Hắn bảo:

-Phải.

-Có phải ông bảo người ta chân què hay không?

Hắn bảo:

-Phải.

Bà chủ quán oà khóc lên:

-Ông ơi.. Nó chết ba, bốn năm rồi, còn đâu mà đón với đưa dâu.. Hồi ở tỉnh về là nó
chết liền.. Nó tụt vắn, nó đấm đò.. Câu thơ ông viết cho nó, nó xé ở vạt áo ra để lại đây
này..

Bà chủ quán lôi trên bàn thờ xuống ống quần, chiếc ống sơn đã cũ vẫn dùng để cất gia phả hay văn tự mua bán. Bà ta lôi ra một miếng vải lụa nhỏ bằng bàn tay.

-Thưa ông, có phải chữ của ông đây không?

Cô gái và cậu con trai xúm lại.

Hắn thờ dài nói:

-Đúng!

Cậu con trai đọc:

Tuổi son má đỏ môi hồng

Bước chân về đến nhà chồng là thôi

Tất cả mọi người lặng đi. Tiếng kể của bà chủ quán xen lẫn tiếng nước nở.

- Năm nó chết, nó 25 tuổi.. Nó tuổi Quý Sửu.. Tuổi con Trâu. Ba ngày sau người ta mới mò được xác của nó ở dưới chợ Xuôi..

Hắn bước ra ngoài. Mọi người tránh đường cho hắn ra. Bóng chiều xuống dần. Sẽ không có đám cưới nào qua bến đò Vân hôm ấy.

Mấy người lái đò khi nãy trở lại quán ăn:

-Cái vị tên là Hồ Điệp, hay Trang Sinh, hay Điệp Lang còn ở đây không? Sao nói có đám cưới mà chờ đến tối cũng không có nhỉ? Vậy ai trả tiền đò cho chúng tôi đây?

-Tôi xin trả! - Phu nhân nói. Bà quay ra bảo người lão bộc lấy tiền rồi mang valy xuống bến.

Cô gái và cậu con trai chạy ra ngoài đê. Họ thoáng thấy có bóng người vừa phát tay áo chầm một nét lẻ loi nghiêng lệch góc trời. Vừa chớp mắt lại đã chẳng thấy bóng người ấy ở đâu nữa. Vừa chớp mắt đã lại thấy chỗ ấy có một cánh hạc vừa bay lên trời. Hạc vừa bay vừa kêu thảng thốt.

Về sau này, cậu con trai khi ấy đã thành một giáo sư văn học đã viết như sau trong một ghi chép của mình:

Với một quãng thời gian không dài lắm ở ta trong thế kỷ XX phiền muộn và tàn nhẫn này may có dăm ba thi sĩ tài năng gắng gỏi xây nên một lâu đài văn học nhè nhàng bằng những câu thơ tuyệt vời in dấu sâu đậm trong tâm hồn người Việt vốn chẳng lấy gì làm đặc sắc, nhiều phần ngờ ngẩn hạp hời. Thi sĩ là người thế nào? Tiếc thay một số ít lại là những vị thánh bị bôi bẩn trong đám đông phàm phu tục tử mạnh mẽ lịch sử, nhiều tri thức và đầy kiêu hãnh. Chúng tôi bán tín bán nghi về những cuộc đời bê bối, vợ vắn và thê thâm của đôi người nhưng những cái gì thiếu mập mờ và khẳng định được đâu có phải thơ?

Je ne peux plus vous faire d'autres cadeaux que ceux de cette lumière sombre.. (Tôi chẳng thể hiến tặng gì ngoài ánh hào quang tăm tối ấy.. (Louis Aragon)

Hà Nội, tháng 4 năm 1998

Gặp Nguyễn Huy Thiệp trong cái "thế giới riêng" Trần Thị Trường

Vẫn con đường ấy. Từ Ngã Tư Sở qua Khương Trung qua những ngõ ngoằn ngoèo phố nhỏ đến cái cổng làng (giờ đã chìm lẫn vào mặt tiền những ngôi nhà mới) chui vào, đi thêm ngõ ngoằn ngoèo nữa qua những ngôi nhà mới làm thành Khương Hạ phố, ta gặp một cái cổng nhà ở gần cuối ngõ. Phải! Cái cổng nhà mang mảnh hồn trí Nguyễn Huy Thiệp.

Cách đây 10 năm, nhà ông ở hướng thiên đông. Sau thành công không thể so sánh được của những truyện ngắn mang tầm vóc Thủy thần & Lửa, sau những gian truân khó

bề tường tượng của đời người, Nguyễn Huy Thiệp phá đi, xây nhà mới xây lại với hướng cũ (Khách nghĩ: ông theo thuyết phong thủy). Nhà lát đá ghi, các khuôn cửa màu nâu sẫm, rộng gần 100 mét, một tầng, kiểu nhà có mái có chái, cao hơn 4 mét nằm trong khuôn viên hơn 1000 mét vuông. Khuôn viên có cây (ăn trái) lâu năm, có cây mới trồng, có tượng (mang dáng) Phật cao hơn 4 mét. Gương mặt thiếu nữ, tượng khoác cà sa hình lá sen, không chỉ hở bờ vai, cánh tay khoanh, ngón tay bắt quyết, thể tự tại (nhưng mắt còn... chưa nhắm hết) ngồi trên một đoá sen nhiều cánh. Không phủ sơn vàng, tượng để nguyên màu xi măng, màu của bản nguyên, màu Nguyễn Huy Thiệp hiếm khi hé lộ. Bản nguyên thuần phác, tới đây, đầy sức mạnh, có khả năng lay động tới cùng.

So với 10 năm trước, Trang (vợ Nguyễn Huy Thiệp) trông như có vẻ trẻ hơn, đẹp hơn. Nguyễn Huy Thiệp thì trông chẳng khác gì, vẫn "dọn" sẵn cái vẻ "tù mù", khắc kỷ trước mặt người lạ, nhưng nếu khách là người quen hay người biết cách, người đem đến một câu chuyện đáng quan tâm... thì cái vẻ ấy sẽ biến mất. Bước chân qua cổng; thể là để lại cả thế gian bên ngoài, gặp cái thế giới Nguyễn Huy Thiệp và Trang.

Khi đã ngồi trong nhà, uống nước trong cái bát sành, một kiểu chơi của những kẻ tao nhã, chờ ông lấy tập ảnh mới nhận được từ bên Pháp, khách thăm nghĩ: Giá đất ở đây hiện đang xấp xỉ 10 triệu/mét vuông, vị chi ông đang là chủ một cơ ngơi vài chục tỷ.

- Ông bà ở rộng thế này sao không bán bớt một ít "xả láng" cho đã đời. Vài trăm mét vườn vẫn rộng chán?

- Kể cũng rộng quá thật... Đất đai, tài sản là những điều chẳng ít phiền phức... Mà, biết đâu được với thời. Vườn này đã có từ hơn 600 năm nay, động vào không thể không nghĩ. Cũng đang nghĩ đấy. Tiền! Cần lắm chứ. Nhiều việc không có nó không xong.

Lúc này Trang bước từ trong ra mang theo một chùm nhãn tươi vừa trảy:

- Nhiều năm trước phải bán nhãn non, bán món tù mù từ lúc còn xanh. Nhưng vài năm nay để ăn. Ăn đi... Chuyện đất cát, anh ấy nói đùa đấy.

Khách liếc chiếc xe kiểu @ mới cóng dựng trong gian bếp rộng (đã nhìn thấy họ đèo nhau trên đường Quang Trung), cười lại:

- Phải, ai dám bảo Nguyễn Huy Thiệp giờ đây còn nghèo. Chỉ thu nhập của Trang (thợ sửa morat thượng hạng) cũng đã đủ dùng cho cả 4 người rồi, còn nhuận bút các truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp từ khắp mọi nơi gửi trả chưa kể!

Trang bảo:

- Ủ! Có mấy nhà xuất bản nước ngoài thi thoảng gửi sách và nhuận bút sang đây cho anh ấy. Nhưng từ xưa tới nay thì bọn này cũng có trông vào đấy đâu.

Ông như không nghe thấy gì. Đưa khách cuốn album. Cuốn album cho thấy một Nguyễn Huy Thiệp: áo vét tông, cổ cao vát, gương mặt sáng rỡ, hoạt bát, tự tin và... đang diễn thuyết, khác hẳn với Nguyễn Huy Thiệp thường gặp: áo Natô mùa đông hoặc áo cộc tay bỏ bụng mùa hè, trán hay nhu nhú, nghe chứ không nói, nếu có thì nói như người nói lắp, tuyệt nhiên chẳng thấy chút năng khiếu diễn thuyết nào. Anh chụp, các kiểu khác nhau nhưng đều thấy ông ngồi trong trung tâm sách rất lớn ở Paris: Asie Du Est Librairie LE PHENIX, ở giữa, một bên là bà người Pháp giỏi tiếng Việt, một bên là ông giám đốc trung tâm và phía dưới khá nhiều độc giả chăm chú nghe ông nói chuyện. Người tặng ông cuốn album viết "Kính tặng anh, nhà văn lớn mà tôi kính trọng. Đây là

những tấm ảnh tôi chụp được trong những khoảng khắc quý giá và hoàn toàn bất ngờ". Trên bàn làm việc, tập bản thảo kịch bản chuyển thể truyện ngắn "Không có vua" thành phim để đó, cuốn "Đàn hương hình" đang mở. Khách hỏi:

- Chắc ông đã đọc Mạc Ngôn, Cao Hành Kiện, Kun đơ ra; Mác két ông thấy thế nào? Ông có nghe nói *chủ nghĩa hiện thực huyền ảo* văn học thế kỷ 20 chấm dứt rồi không? Và nói chung ông thấy hình thức diễn đạt nào thích hợp nhất cho tiểu thuyết nói riêng và các tác phẩm văn học nói chung?

- Người ta đọc khi người ta không viết. Khi viết người ta quên những cái đã đọc. Hình thức, chủ nghĩa... càng quên. "Đàn hương hình" chưa đọc xong, "Phong nhũ phi độn" hay đây nhưng Mạc Ngôn vẫn còn chưa cao tay, còn "vòng vèo" quá, dùng phép xảo nhiều quá, chưa đạt đến cái hay của sự chân thật của Cao Hành Kiện. Một thời tôi tin vào sức mạnh của trí tưởng tượng, tin vào hư cấu. Giờ thấy điều đó chưa phải là hay nhất. Chân thật mà hay được tất nhiên là không dễ. Khi đọc Kun đơ ra hay Mac két tôi bỗng nhớ nhiều hơn đến Tônxtôi, đến Gô gôn, ừ thì bây giờ cũng nhiều người không còn muốn đọc và không đọc nổi Đốt... Nhưng... Cũng như còn có mấy người tin Vích to Huy gô? Và làm gì có thực một Giảng van giảng? Bịa ra để an ủi ư? Chia sẻ ư? Không xong được. Bây giờ cuộc sống trắng trợn hơn nhiều, cực đoan hơn nhiều, giả chân... không ăn thua. Nhưng Chân -Thực? Đã không dễ, lại phải trả giá. Đau đớn lắm. Cao Hành Kiện, "hắn" đem cuộc đời thực của hắn ra mà viết với một cách tân riêng làm tôi chú ý hơn cả... Thực về bản thân nghĩa là thực về những người xung quanh, về tất cả. Một cái thực lớn dưới ngòi bút của kẻ có suy nghĩ lớn thì sẽ là một cuốn sách lớn, nhưng vì thế mà sẽ xúc phạm đến nhiều người. Những (thành công) sách của tôi cũng đã xúc phạm khối người rồi. Ngay người thân cũng còn không chịu nổi. Chính điều này mới thật khó bước qua. Và vì thế nên tôi thích Cao Hành Kiện và cái thật trong "Linh sơn".

(Nghe ông nói khách chợt nhớ rằng có lần ông bảo cuộc đời sáng tạo giống như nhan sắc người đàn bà, đẹp nhất chỉ dăm năm thôi, và quãng thời gian đó của ông đã qua rồi khách thấy không tin được. Còn sức nghĩ như thế này thì ông sẽ còn nung nấu viết ra)

- Ông có nghĩ văn học ở ta đã đạt tới một đẳng cấp? Ông có đọc các tác giả Việt Nam không? Có xem báo hay tivi không?

- Văn học ở ta tất nhiên là có những thành tựu nhất định. Quên thế nào được một Vũ Trọng Phụng, một Ngô Tất Tố, một Nam Cao... Đọc và xem. Thấy mỗi người là mỗi đóng góp... Lê Lựu chẳng hạn, sẽ có nhiều người sốt mướt, hồi hộp cho một Giang Minh Sài. Thành tựu đấy và... thời đại đấy!

- Phim "Danh gia vọng tộc" của người láng giềng Trung Quốc đang chiếu, ông có xem không? Không hiểu sao hai ông Trần Khải Ca, Trương Nghệ Mưu đạo diễn nổi tiếng còn tham gia cả vai diễn?

- Trung Quốc cũng có nhiều cái để xem. Chẳng cứ hai ông ấy, tôi cũng đã từng làm nhiều việc. Chỉ không lừa đảo thôi. Không lừa được thì đúng hơn. Ngụp lặn đủ cả. Sống. Phải sống mà... (*cười*).

- Phải, nhiều người đã xem ông vẽ tranh, làm gốm, kẻ áp phích quảng cáo, chung vốn mở nhà hàng, bày biện các gian triển lãm, trước đó thì dạy học ở Tây Bắc và làm ở kho sách Cục xuất bản.

(Khách nghĩ: Nhà hàng Hoa Ban của ông nơi có mặt nhiều thực khách. Từ chính khách đến bình dân, từ ông đại sứ bà phu nhân đến những "hào hán, anh hùng" giang hồ khét tiếng, từ người xưa cũ "Tự lực văn đoàn" đến kẻ hôm nay say sưa thơ trẻ. Hình như tất cả giống nhau ở chỗ muốn thực nhìn thấy cái vẻ "tù mù", thực nghe thấy cái câu chuyện

từ một người đã từng viết truyện mang tên Nguyễn Huy Thiệp. Và khách nghĩ: Ai đã biết ông từ thời Tây Bắc đến giờ thì hiểu ông từng trải thế nào, kiên cường khổ ải thế nào, tàn nhẫn ra sao nhưng đồng thời lại thấy rất rõ phía sau những điều đó. Cũng yếu lòng, nhạy cảm và xót thương. Khi đọc "... Hoa ban... một vẻ đẹp nao lòng. Hoa ban ơi, một nghìn năm nữa thì mày sẽ thế nào? "; hay khi trò chuyện thế này càng rõ nữa... Khách nhớ đến cuốn sách đầu tiên của ông với lời đề tặng Hồng Hưng, đoán rằng người này với ông có nhiều kỷ niệm)

- Có dạo ông bảo muốn làm một cái gì đó phải có nhiều tiền. Bây giờ có tiền rồi (nếu bán đất) sao ông không làm một cái gì đi?

- *(Cười thủng thảng, nhìn sang vợ đang gọt khế)* Có tiền á, sẽ đưa vợ đi du lịch khắp nơi. Xem thế giới. Làm cái gì à. Vô nghĩa cả thôi. Chẳng quan trọng nữa.

- Những truyện ngắn của ông dù tàn nhẫn thế nào cũng vẫn là những câu chuyện tình cảm động. Cuộc tình của Nguyễn Trãi và Thị Lộ dưới lối kể của ông khiến cho bao kẻ ước ao được ngồi trong cái quán mưa hôm ấy. Tình yêu có chi phối nhiều, có là mối bận tâm lớn của ông không?- Tình yêu là một bí mật lớn của đời sống. Bí mật bao giờ cũng hấp dẫn. Tình yêu chẳng chi phối riêng tôi mà tất cả mọi người. Song ai rồi cũng phải lựa chọn, cái lựa chọn không phải lợi cho mình mà vì người khác. Điều đó sẽ gây ra sự tàn nhẫn.

(Khách bỗng nhớ trong "Những bài học Nông thôn", ông viết "Vợ người thì đẹp vợ mình thì tử tế", rồi tự hỏi không biết có ai được cả hai điều đó cùng một lúc không?)

- Ông có thích âm nhạc không? Thường nghe loại nhạc gì?

- Thời tôi trẻ hầu hết người ta không được giáo dục âm nhạc. Không được giáo dục thì hiểu làm sao được để mà thích và có thể nói chắc cái này đáng thích hơn cái kia. Cho đến hơn ba mươi tuổi tôi mới học cách thắt giầy giầy và cho đến hơn bốn mươi tôi mới tự thắt được ca vát... Tôi vẫn biết âm nhạc là một thứ có thể tác động mạnh mẽ, là một chất di dưỡng tâm hồn. Nhưng, tôi còn nuôi tôi, nuôi những đứa con trong những năm tháng quần quật và tan nát mà chỉ để có ăn và có học thôi cũng chưa đủ, nói gì đến cái khác. Bây giờ thì nghe, gặp cái gì nghe cái đấy. Một vài cái cũng muốn nghe lại vài lần.

(Khách bỗng nghĩ đến những người làm "hoàng đế cời truồng" trong âm nhạc, hội họa, mỹ học... mà giọng thì ra về ta đây. Mấy ai dám thật như ông thế này!)

- Bách và Khoa nhà ông dạo này thế nào?

- Bách đã học xong Đại học Mỹ thuật. Tranh của cậu ta cũng có người tìm mua. Tôi bảo chưa ăn thua. Phải quyết liệt hơn nữa. Nhưng cậu ta nói chẳng thích quyết liệt để làm gì. Còn Khoa thì đang học Đại học Văn hoá Hà Nội. Thằng này, nhìn chung thích ăn chơi nhảy múa và sành đủ thứ. Cũng có thể bởi nó nhìn thế hệ của bố nó, mà nghĩ: Tại sao lại khổ nữa làm gì?

- Chúng có sử dụng tên tuổi của ông?

- Chắc chắn là có, tội gì mà không, tuổi trẻ bây giờ ít bị những quan niệm này nọ ràng buộc. Chúng nhanh lắm. Và chúng biết hưởng những gì chúng có... Tính thời đại đấy. Cứ gì con nhà tôi?

- Trở lại chuyện bán đất, đổi đất lấy... lợi lộc. khắp nơi người ta đang sôi sục cả lên. Ông sẽ bán đất chứ? Trăm năm hay truyền thống... theo ông có quan trọng lắm không? Giả sử có một kẻ tri âm đến mua để sống trên mảnh đất này, cạnh nhà ông, ông bán cho họ chứ?

- Khi người ta không đủ sức giữ nó thì người ta phải bán, hoặc đổi. Giữ nó mà không đủ

sức thì rất nguy hại. Song, nhượng bán cho một người mình không hiểu họ thì... tất nhiên là... nguy hơn.

Trang lại lên tiếng ngang:

- Kiếm đâu ra tri âm bây giờ... Mà thôi đừng nói chuyện đất cát, bán đổi. Cũng còn phải nghĩ nhiều đấy, anh Thiệp thì có lúc lại dễ lắm cơ. Cũng như chuyện uống rượu, và nấu cơm, dọn dẹp nhà cửa thay vợ ấy mà, có lúc một li cũng không làm, có lúc thì làm tất... Chỉ có chuyện sắp tới anh ấy dỡ cái mái này ra nổi thêm một tầng nữa là chắc chắn thôi. Ngay cả chuyện này anh ấy cũng không định nhưng hàng xóm ở đây họ xây cao ngất ngều, thế là bọn trẻ cũng đòi cao như vậy, anh cũng ừ. Anh ấy bảo: khác người thì dễ chết lắm.

(Khách cười thầm: Thế nhưng ông ấy vẫn sống khi rất khác đấy thôi)

Nói rồi Trang vào bếp bê ra một mâm cơm. Rau luộc, thịt rán, cá kho khô, nước mắm chanh ớt, rau thơm... Mười mấy năm nay vẫn thế, bất kể khách là ai, màu da nâu hay trắng, áo ngắn hay áo dài, có tên hay vô danh, câu chuyện tẻ nhạt hay lời cuốn đến bữa họ đều mời như thế. Khi về còn có túi hoa quả chủ nhà ngắt ở vườn đặt trên giỏ xe.

Trời đã xâm xẩm. Hương cau thoảng đưa trong gió. Bóng cau đổ ngập ngừng trên lối đi. Có tiếng con mực hức hức bên những bước chân. Bức tượng thấp thoáng trong nửa sáng nửa tối, chợt, đó như ai, khách đã gặp trong đời. *Hiện thực* hay *huyền ảo*, đâu chỉ là hình thức, nội dung đấy. Có nội dung thì hình thức sẽ chọn được thôi. Có người bảo với ngàn ấy, đọc Thiệp cũng đủ khoái rồi. Viết nữa hay không vẫn là đây - Nguyễn Huy Thiệp.

30/7/2002

© Talawas 2002

Phụ đính:



Truyện tình kể trong đêm mưa

Hồi ở Tây Bắc, tôi có quen một người Thái tên là Bạc Kỳ Sinh. Tôi quen Bạc Kỳ Sinh trong dịp tình cờ. Sự việc như sau:

Hôm ấy, tôi đi chợ Mường La. Chợ Mường La họp ngay bên đường phố núi. Chợ khá sầm uất, vàng giả thật lẫn lộn. Các cô gái Thái, gái Xá ngồi bán đào, mận, mắccoọc...hái

ra từ trong núi. Những sạp vải hoa, phích nước, xoong nồi...buôn từ Trung Quốc sang bày bán la liệt. Những người đàn ông, đàn bà H mông dắt ngựa, gùi những gùi, a. nhân, đẳng sâm, ba kích...gùi cả những gùi nếp tan là thứ gạo nếp đặc sản có một không hai của họ, màu hồng hồng như nhung phẩm, rất thơm và dính.

Chợ Mường La họp từ sáng sớm, khi sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sải tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở rừng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màn sữa loãng, mênh mông bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi và mưa nhỏ mà ta vẫn gọi là sương ở dưới đồng bằng.

Khoảng gần trưa, khi sương tan đây là khi chợ náo nhiệt nhất. Người H mông xúm xít quanh nồi thắng cổ, uống rượu, thổi khèn bè. Người Thái, người Xá cũng uống rượu, thổi khèn bè. Người La Hụ thổi khèn lá. Các cô gái Thái, gái Xá, gái Dao đứng tụm lại hát đối, hát gheo, hát giao duyên với các chàng trai. Có vài người nổi hứng bắn lên trời mấy loạt súng kíp, đám đông xung quanh chạy dạt ra như ong vỡ tổ.

Tôi đi chợ cũng chẳng định mua bán gì. Cũng có nhiều người đi chợ như tôi. Chợ miền núi là nơi gặp gỡ, giao tiếp, là lễ hội nhỏ, là nơi đi chơi, nơi người ta thoát ra khỏi nếp sống thường tẻ nhạt. Tôi đi dọc phố chợ, đi hết chợ rồi ngược trở lại. ở giữa chợ có một ông già người Hoa đang ngồi xem bói. Trước mặt ông già có một cái đĩa đựng ba viên súc sắc. Người xem bói đặt tiền rồi cho ba viên súc sắc vào một quả bầu khô lắc mạnh, sau đó đổ ra đĩa gọi là "gieo quẻ". Ông già căn cứ vào tổng số điểm trên ba viên súc sắc để nói về định mệnh của họ. Người ta xuýt xoa, trầm trồ, sợ hãi. Tất cả đều thành thực, tin tưởng. Có cái gì vừa như huyền bí, vừa như đe dọa, lại vừa như lương gạt trắng trơn lơ lửng đầu đây ở trên đầu đám đông. Tôi thấy vui vui, thấy hồi hộp lạ lùng và cũng định xen vào để thử vận hạn. Ngay khi ấy có người níu lấy tay tôi. Tôi quay lại, thấy một gã người Thái mặc quần áo chàm, đội mũ nời, khuôn mặt thật thà, nói tiếng Kinh rất sôi lắc đầu:

- Đừng có tin Lừa dối đấy! Mời ông xem cái này!

Gã giơ ra trước mặt tôi một vật đen đen ám khói bếp, bản và hôi không tưởng tượng được, trông giống như một cái mề gà sấy khô: Đây là mật gấu 100%. Tôi bán được con gấu này ở trong Xốp Cộp. Nặng 137 cân. Tôi để cho ông giá rẻ...

Tôi cười lắc đầu. Tôi đã biết người ta làm giả mật gấu bằng mật lợn như thế nào. Tôi còn biết người ta đã dùng xilanh để rút mật gấu thật ra rồi bơm vào đầy nước lã ra sao. Gã người Thái nài nỉ vài câu, cuối cùng tỏ ra thất vọng. Gã giơ hai tay lên trời, phàn nàn vài câu bằng tiếng Thái rồi bỏ đi Tôi quay lại chỗ cũ, nhận ra chiếc đồng hồ đeo tay đã biến mất từ lúc nào. Tôi vừa tức giận vừa bực mình. Đây là vì khi ấy tôi còn trẻ tuổi! Cảm giác bị kẻ khác lường gạt, bị lừa, bị hớ, bị xỏ mũi chỉ vì mình cả tin thật thà khiến tôi mất cả bình tĩnh. Với một giáo viên quen, chiếc đồng hồ đeo tay khi ấy với tôi là một gia tài, một cửa quý, một sĩ diện, dù chiếc đồng hồ ấy luôn chạy sai giờ.

Tôi đi xuyên qua chợ, tìm gã bán mật gấu, tôi định sẽ cho hắn bài học đích đáng. Bỗng tôi thấy một cô gái Thái dắt một con ngựa tiến lại phía tôi.

Cô gái Thái trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt nông, hoang vắng và tinh khôn có phần n dạn dĩ. Đi sau cô gái có hai ông già tay ôm hai con gà chợ.

Cô gái chào tôi:

- Hầy à...Thưa ông, em muốn nhờ ông giữ hộ con ngựa một lát được không?

Tôi lúng túng, không biết trả lời ra sao thì cô gái đã giúi cương ngựa vào trong tay tôi. Cô gái nói: ông đứng ở vệ đường này. Chỉ một lát thôi là em quay lại...

Cô gái cười, nụ cười rất nhiều hứa hẹn rồi chạy bỏ đi. Hai ông già đi theo cô gái ngồi thụp ngay xuống lòng đường rồi thả gà ra. Lập tức, hai con gà xông vào đánh nhau tụi bụi. Đám đông bu lại thành một vòng tròn, lộn xộn, điên cuồng, phấn khích không tưởng tượng được.

Có tiếng la hét dẹp đường rồi một chiếc xe □com măng ca□ đi tới. Trên xe có mấy cảnh sát chở một người tù bị khóa tay bằng còng số 8. Chiếc xe phải dừng lại vì bị đám chọi gà cản đường. Mấy cảnh sát vừa bước xuống xe thì đám đông ồn cả lên, bao vây quanh họ, bụi cát mù mịt tung trời. Một tổ ong vàng không biết ở đâu xuất hiện, vỡ tung ngay trên đầu đám đông. Người ta hò nha u chạy, ngã dúi ngã dụi vào nhau. Tôi chưa kịp định thần thì thấy cô gái Thái lúc này xuất hiện giằng lấy tay cương. Người tù trên xe nhảy ào lên lưng con ngựa. Tôi chỉ thoáng thấy anh ta để tóc dài, mặc bộ quần áo chàm xanh. Cô gái Thái nhảy lên theo và họ lập tức phi ngựa băng qua các mẹt hàng, sạp hàng chạy về phía đường rừng Tạ Bú, tả ngạn sông Đà.

Tôi bị bắt giam vào đồn canh sát. Người ta coi tôi là can phạm trong vụ cướp tù, cuối cùng không đủ chứng cứ quy tội nên chuyển tôi làm nhân chứng. Tôi phải ký tên vào một tờ khai chữ nghĩa hết sức rắc rối mập mờ. Tôi được biết người tù kia là một tên thổ phỉ, một kẻ sống ngoài vòng cương tỏa xã hội. Hấn tên là Bạc Kỳ Sinh.

Trường học miền núi nơi tôi ở nằm trên một quả đồi trọc gọi là đồi Thông mặc dầu trên ấy chẳng có một ngọn thông nào. Trên một vạt đất bằng phẳng người ta dựng lên ba dãy lớp học làm bằng gianh tre nửa lá có phần nào giống một trại nuôi bò. Khu nhà giáo viên gần kề ngay đó lợp ngói, vách trát □toocsi □ nhưng khi mưa xuống dột còn nhiều hơn cả mái nhà lợp gianh. Vốn thích đọc lập, tôi tự mình dựng một ngôi nhà nhỏ cách biệt hẳn ra, có hàng rào bao quanh cẩn thận. ở riêng một chỗ, tôi có cái thú của kẻ tự do, nghĩa là tha hồ buông xuôi ở trong cảm giác cô đơn mà không để người khác nhòm thấy, không làm lụy ai cả. ở ta, tự cô đơn là cách rẻ rúng nhất, vô hại nhất để tạo ra ảo giác về tự do, một điều xét cho cùng cũng chẳng ra gì nhưng thiết yếu để rèn luyện nhân cách cho tuổi trẻ vốn lắm mê say và dễ sa ngã.

Mùa hè năm ấy, tôi phải ở lại trông nom, bảo vệ trường học. Mưa lũ kéo dài từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 9 khiến nơi tôi ở không khác gì một ốc đảo. Số gạo dự trữ sắp hết. Tôi rất buồn rầu và thương thân mình. Tôi có thể ốm rồi chết ở nơi khi ho cò gáy này vô ích. Tôi đã thấy mộ những giáo viên vô danh chết như thế ở Mường Hum và Chiềng Cọ, cả ở trong bản Chi cuối đường 19 nữa. Suy đi tính lại, tôi quyết định vượt qua thung lũng Chiềng Sạ vào bản Pò Mật tìm người giúp đỡ. Tôi mặc áo mưa, mang theo khẩu súng săn đã han rỉ và bị hóc đạn bên mình, mang đi theo để cho oai chứ thực ra chẳng có tác dụng gì cả. Tôi tìm đường đi xuống thung lũng.

Loay hoay hết buổi, tôi không làm sao vượt qua được thung lũng ngập đầy nước. Tôi không dám liều mạng bởi tôi không thuộc địa hình địa vật ở đây, nếu bị nước cuốn vào một khe hẻm coi như toi mạng. Tuyệt vọng, tới gần tối tôi quay về nhà, ngạc nhiên thấy ở trong nhà mình có sáng ánh đèn.

Trong nhà tôi, ở giữa nhà có một đồng lửa mới được nhen lên. Một người đàn ông Thái đang ngồi thản nhiên nướng thịt gà rừng. Thấy tôi, y chẳng buồn nhìn mặt mà chỉ liếc xéo trông chừng khẩu súng săn của tôi với vẻ đề phòng.

- ông là chủ nhà à? - Y hỏi tôi sau khi tôi đã treo súng lên tường.

Tôi chán nản gật đầu. Người đàn ông Thái nói:

- Chúng tôi sẽ đây ba ngày đợi lũ rút đi. Tôi hơi ngạc nhiên vì y dùng chữ □chúng tôi□.

Như vậy, chắc y không phải chỉ có một mình.

- Tôi không còn gì ăn cả. - Tôi thông báo trước với khách như vậy, không tỏ ý thiện cảm chút nào.

- Tôi biết rồi, - người đàn ông Thái gật đầu với tôi - trước khi ông về tôi đã lục lọi khắp trong nhà này. Cô Muôn đang đi lấy gạo.

Tôi hơi phật ý vì thái độ tự nhiên của khách.

Chừng như nhận ra, y mỉm cười giới thiệu:

- Tên tôi là Bạc Kỳ Sinh.

Tôi hơi giật mình. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Tôi đi với cô gái. Cô ấy là Muôn.

Đúng lúc ấy, cô gái Thái mà tôi đã gặp trước đây ở chợ Mường La bước vào, vai đeo gùi, người ướt như chuột lột. Bạc Kỳ Sinh đứng dậy đỡ lấy gùi gạo. Tôi không hiểu họ moi đâu ra gùi gạo trắng tinh ở giữa trời mưa, ở giữa nơi mênh mông đây nước ngập này. Bạc Kỳ Sinh và cô gái nói chuyện với nhau bằng tiếng Thái. Cô gái nhìn tôi mỉm cười:

- Em nhận ra ông rồi! Ông đã giúp em giữ ngựa ở chợ Mường La.

Bạc Kỳ Sinh lấy gạo thổi cơm, còn cô gái lui vào buồng trong thay áo. Tôi nghe thấy tiếng lục lọi đồ đạc rồi cô gái thò đầu ra cửa hỏi tôi:

- ông gi áo! Ông cho em mượn cái áo của ông được không?

Tôi nhìn Bạc Kỳ Sinh và thấy y có vẻ tán thành nên nói:

- Được!

Tôi ở miền núi đã lâu, tôi biết đàn ông Thái nhiều người có máu ghen tuông ghê gớm! Anh có thể chết như bỡn vì một nhát dao nếu như vô tình ghẹo cô gái có chồng đã □tăng cầu □ tức là đã buộc ngược tóc lên đỉnh đầu. ở Yên Châu vài năm trước đây đã có một vụ như thế: có một tay giáo viên người Kinh quê ở Hưng yên đã bị xẻo mất □của quý□ bằng con dao quắm to bản dùng để chẻ lạt, gã □pháo thủ□ không bao giờ còn ra trận được nữa, gã phải □hồi hưu□ khi gã mới hai mươi tuổi. Tôi không muốn như thế, năm ấy tôi mới hai mươi mốt tuổi đầu, chưa biết tí ti gì về chuyện □phong hoa tuyết nguyệt□.

Một lúc sau, cô gái ở trong buồng trong bước ra, mặc chiếc áo □phông□ sặc sỡ của tôi và chiếc váy mới. Trông cô rất đẹp, vẻ đẹp vừa hoang vắng, vừa mê đắm lại vừa man rợ. Chúng tôi ngồi ăn cơm và cùng trò chuyện với nhau. Bạc Kỳ Sinh ít nói, đôi mắt của y lạnh lẽo, căng thẳng như mắt điều hâu, thỉnh thoảng lại sáng rực lên như có tia chớp, tia lửa. Chỉ khi nào ánh mắt của y gặp ánh mắt của Muôn nó mới dịu đi đôi chút, nó mới

có vẻ như ánh mắt người. Bạc Kỳ Sinh có nụ cười dè dặt, lúc nào cũng có vẻ như giấu cợt bản thân mình hay giấu cợt ai. Chúng tôi ngồi nói chuyện về các sản vật ở vùng Tây Bắc, về phong tục người Thái, về việc người Kinh lên đây làm ăn sinh sống. Bạc Kỳ Sinh có vẻ không thích thú lắm với việc ngày càng có nhiều người Kinh lên Tây Bắc □ đi xa hơn nữa□, □khai hóa văn minh□, □thấp lên ánh sáng văn hóa□. Muốn thì khác, cô tỏ ý chê bai lối sống khép kín, quá gần tự nhiên, thậm chí có phần tăm tối của dân miền núi. Qua câu chuyện, tôi thấy hai người hiểu biết nhiều thứ, không hề ngờ ngẩn hoặc quá hẹp hòi như cách thức mà dân thành thị chúng ta vẫn hình dung về □người dân tộc□.

Cơm nước xong, Bạc Kỳ Sinh dựa lưng vào vách, mắt đăm đăm nhìn vào đồng lửa bập bùng. Ngoài trời đêm mưa vẫn không ngớt. Bạc Kỳ Sinh hát ê a một bài hát bằng tiếng Thái, lời lẽ rất ấn tượng. Có nhiều đoạn, cô Muốn cùng hát với y. Tôi nghe loáng thoáng, cố gắng tìm cách sắp xếp lại lời của bài hát này:

Pò mẹ ơi! Bố mẹ ơi...

Pò mẹ sinh con từ hang núi.

Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm

Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm

Tiếng hổ gầm, tiếng chó sói hú

Những con rắn con trăn tìm mồi

Bọn cáo chồn hôi háo rình mò

Con đon, con đím nắp trong hang

Con mình trần thân trụi run rẩy

Gió lạnh lùa vào ngực con

Con nhen lửa, gió làm tắt lửa

Con sờ soạn trong bóng đêm

Và nhặt được một vật mềm, ướt át

Con sợ hãi, không biết vật gì

Nó phập phồng trong tay con

Ôi đau quá, đau nhói ở đây

Cái vật mềm, ướt át ấy

Là trái tim con rơi trên đất

Mặt đất ấy nhiều gió, lạnh lắm

Pò mẹ ơi, ai thương con

Pò mẹ ơi, ai thương pò mẹ...

Tiếng hát của Bạc Kỳ Sinh rất lạ, đơn giản như lời người nói. Tôi chưa thấy ai hát như thế bao giờ: người hát không lấy hơi, không rón rức, khi nhấn lời hoặc ngân nga thì điệu dàng không sao kể xiết; ngậm ngùi, tê tái mà không mũi lòng; tâm trạng cô đơn lạnh buốt lẫn lộn với những khao khát nồng nàn. Tiếng hát sóng sánh, đặc như những giọt mật ong. Mỗi từ là một giọt mật. Tôi nghe hát mà nước mắt cứ thế chảy ra ràn rụa, tự nhiên không kìm lại được.

Bài hát chấm dứt. Tất cả lặng đi. Tiếng mưa rơi và tiếng côn trùng bồng bồng ùa vào trong nhà riết róng nghe rõ mồn một. Không ai nói năng gì cả. Tiếng hát vẫn còn như lơ lửng bay trong không gian, vương vào mái nhà, kèo nhà, vương vào mái tóc, vương vào đôi môi, cháy xèo xèo trên ngọn lửa đỏ rực.

Bạc Kỳ Sinh hát xong, y cười một nụ cười nhợt nhạt thất thần, hình như bao nhiêu sinh lực của y đã trút hết vào cho bài hát. Một lúc sau như không chịu đựng nổi sự yên lặng,

Muôn cũng ê a hát. Bài hát này cũng xót xa tê tái chẳng kém gì bài hát của Bạc Kỳ Sinh:

*Ing noọng ơi, ing noọng ơi
Nếu em xây nhà
Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Trong nhà có bếp lửa hồng
Trên bàn có cắm bông hoa đỏ và bông hoa trắng
Chấn đệm mới thơm tho
Bên cạnh em có anh
En muốn anh ở bên cạnh em
Đấy là ước mơ của em
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi
Ma rừng bắt anh hay ngọn lửa nào gọi anh
Anh đi về hướng nào
Không có ai đợi anh ở đấy
Anh yêu ơi, về đây với em
Ta xây ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi
Người thương ơi, bây giờ đi đâu rồi*

Tôi lặng nghe Muôn hát, thấy giọt nước mắt lăn trên gò má của cô. Bạc Kỳ Sinh có vẻ xúc động. Y đưa tay ôm lấy bả vai cô gái kéo về phía mình. Khi Muôn hát xong, y nói một câu tiếng Thái rất nhanh, tôi không nghe rõ nhưng đoán là một lời chửi rủa hay một lời thề độc. Muôn trừng mắt nhìn y rồi ngồi xích ra có vẻ bất bình. Họ nói về một người nào đó có tên là Ngân.

Đêm về khuya, mưa càng ngày càng nặng hạt. Mưa thấm vào đất, vào vách nhà, vào lòng người... Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Lát sau Bạc Kỳ Sinh lên tiếng trước. Y phàn nàn về những điều kiện sinh sống khốn khổ ở nơi nào đó, chắc là ở quê hương y. Vùng Tây Bắc tôi đã đi nhiều, điều kiện sống của con người ở đây thật khắc nghiệt. Dân nhiều nơi chỉ đủ gạo ăn có ba tháng, còn chín tháng trong năm phải vào rừng đào củ mài. Săn bắt và hái lượm vẫn là những hình thức kiếm sống phổ biến của nhiều tộc người ở đây hết như một ngàn năm trước. Nạn du canh du cư và triệt phá rừng làm cho quang cảnh rừng núi ngày càng thêm tiêu điều. Tôi cố tình dò hỏi tông tích, gốc gác của Bạc Kỳ Sinh. Y trả lời dè dặt, y nói chung chung:

- Tôi là đứa con hoang của rừng.

Y nói câu đó thì thâm như lời thú tội, có phần nào chán chường nhưng vẫn ngấm ngầm một niềm kiêu hãnh đặc biệt. Tôi gọi lại chuyện xảy ra bữa trước ở chợ Mường La thì y mỉm cười:

- Rắc rối cho ông ghê lắm phải không?

Y ngượng ngịu xoa tay vào nhau rồi nói tiếp:

- Tôi đã mang ơn ông.

Sau đó y chỉ vào Muôn:

- Nhờ có con nhím này!

Mãi về sau, do nhiều người kể lại tôi mới biết rõ về câu chuyện xảy ra hôm ấy.

Đêm về khuya, tôi ngủ ở bên bếp lửa, nằm thao thức nghe tiếng mưa rơi. Trong giấc mơ, tôi cứ chập. chờn về hình ảnh trái tim mềm mại, ướt át, phập phồng rơi trên đất

lạnh và ngôi nhà nhỏ có cửa sổ rộng. Những hình ảnh ấy phải chăng là nỗi ám ảnh thân phận tình yêu đôi lứa của hai người?

Bạc Kỳ Sinh là hậu duệ của dòng họ Bạc đất Mường Vài. Đây là một dòng họ quý tộc xa xưa, đồn rằng ông tổ là người Kinh đã từng làm chức thượng thư, bỏ lên Tây Bắc vì chán thời thế. Đây là vào khoảng thế kỷ XVIII, thời vua Lê, chúa Trịnh, một thời nhiều nhượng trong lịch sử. Ông tổ của Bạc Kỳ Sinh lấy vợ người Thái, lập trang trại, sống nhờ vào việc buôn bán thuốc phiện với người Lào và người Hoa. Đến đời Bạc Kỳ Sinh, thời thế thay đổi, chính quyền mới đang tồn tại cùng chúng ta đây thành lập. Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vài. Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bản, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. Đồn trưởng biên phòng là Lò Văn Ngân, người Thái ở Yên Châu, một thiếu úy mẫn cán và sắt đá. Số phận éo le, giữa Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh có những mối quan hệ thật trở trêu.

Một lần, vào dịp Tết cổ truyền, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa cho thanh niên trong vùng. Chặng đua khá nguy hiểm, phải vượt qua nhiều suối và núi đá tai mèo. Có nhiều giải thưởng, giải nhất là một con ngựa tuyệt đẹp. Muôn là cô gái xinh đẹp nhất đất Mường Vài sẽ trao dây cương cho người thắng trận.

Mười bảy kỵ sĩ tham gia cuộc đua, trong đó có Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh. Hai người ganh đua từng phân một và họ bỏ xa các kỵ sĩ khác. Ở chặng cuối cùng, nguy hiểm nhất là phải băng qua vực đất sứt. Nghe nói dưới đó có mạch nước ngầm từ xa xưa, mạch nước ngầm này còn lớn hơn cả con sông Đà, nhiều chỗ mạch nước ngầm phun lên làm nơi đó biến thành bùn lầy vô cùng nguy hiểm. Lò Văn Ngân là kỵ sĩ giỏi. Con ngựa anh cưỡi là con ngựa giống sông Đông ở Nga. Hồi ấy loại ngựa này chỉ nhập vào Việt Nam có sáu con để phối giống, được nuôi ở trại ngựa Bá Vân, Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đặc biệt, người ta tìm cách nhân nó lên để cung cấp cho lính biên phòng. Con ngựa này phi rất nhanh, nếu đường sá tốt có thể phi tới 300 cây số một giờ, bước nhảy của nó xa tới 4 mét. Nó cao gấp rưỡi con ngựa bình thường. Bạc Kỳ Sinh cưỡi con ngựa của người miền núi Tây Bắc, chân thấp, tướng mạo xấu xí, trông giống một con la già, chạy không nhanh nhưng dai sức, khi leo núi thì không khác gì sơn dương. Loại ngựa này đặc biệt nhạy cảm với địa hình miền núi, nó ăn rất ít và chịu được khát.

Khi qua đèo, con ngựa sông Đông của Ngân chạy song song với con ngựa của Bạc Kỳ Sinh. Đường rất hẹp, hai con ngựa chèn nhau khi vượt khúc quanh ở hẻm núi. Gió thổi mạnh, con ngựa sông Đông khỏe hơn nên hất con ngựa của Bạc Kỳ Sinh xuống khe núi. Bạc Kỳ Sinh thoát chết nhờ vào sự nhạy cảm thần kỳ của con tuần mã. Con ngựa chụm bốn vó lăn tròn ở vạt dốc nghiêng, không hiểu làm sao móc được một chân vào thân cây dâu da. Sau này Bạc Kỳ Sinh kể lại: □Lúc đó mạng sống thật là □ngàn cân treo sợi tóc□. Con ngựa hình như cũng biết điều đó, nó chỉ doãi cẳng chân ra là cả hai sẽ lao xuống vực sâu 300 mét. Gió thổi, đá cào làm nó lột xước hết cả da. Nó rnn bắn lên, mồ hôi túa ra đầm đìa. Mắt nó như muốn dò hỏi: □Tại sao? Tại sao lại chết vô lý thế này?□ Thế là nó vùng vẫy sức lực của nó như được nhân lên gấp bội...

Loay hoay mãi, Bạc Kỳ Sinh mới gỡ được mình ra và diu được con ngựa từ trên cây xuống. Bạc Kỳ Sinh bị thương khá nặng: xương đùi gãy, một chân bị treo khớp. Nhưng một kỵ sĩ miền núi thì chẳng bao giờ bỏ cuộc. Y vẫn tiếp tục cuộc đua. Để đến đích, nếu theo con đường cũ dễ dàng thì thất bại là chắc chắn: với hơn 20 cây số đường rừng

như vậy thì người và ngựa sẽ kiệt sức vì mất máu. Bạc Kỳ Sinh quyết định vượt qua núi đá tai mèo để về thung lũng: đường ngắn hơn, chỉ có hơn hai cây số nhưng làm như thế nghĩa là leo núi chứ không phải còn là đua ngựa nữa. Được cái cuộc đua không hề quy định lộ trình bắt buộc. Từ xa xưa, dân miền núi đã quen chỉ xác định hướng đi chứ không xác định sẽ đi như thế nào, con người phải tự mò mẫm một mình và chỉ có linh cảm, trực giác mới giúp họ vượt qua tất cả.

Bạc Kỳ Sinh vượt qua vách núi tai mèo, nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay, hy vọng sống trong một phần nghìn. Không hiểu làm thế nào mà Bạc Kỳ Sinh vượt qua được. Máu loang lổ bết đầy người và ngựa. Y đến đích không khác gì một con ma rừng. Cuộc đua kết thúc. Không ai trao giải thưởng cho con ma rừng. Giải thưởng thuộc về Lò Văn Ngân và con ngựa giống sông Đông. Bạc Kỳ Sinh chỉ được sự tán thưởng ngầm của ít người dân miền núi làm lì nhất, họ có cách đánh giá riêng của họ về các giá trị con người.

Bạc Kỳ Sinh dưỡng bệnh ở nhà ông Sùng là bố của Muôn. ông là thầy thuốc biết chữa bệnh bằng nhiều thứ lá cây rừng. Tình yêu của y với Muôn bắt đầu nảy nở trong những ngày đó. Nhưng Lò Văn Ngân, viên thiếu úy đồn trưởng biên phòng cũng rất yêu Muôn.

Bạc Kỳ Sinh khỏi bệnh vào cuối mùa thu. Lúc ấy rừng đang thay lá. Rặng cây sau nhà Muôn từ màu xanh chuyển sang màu đỏ như mận và màu đỏ của máu. Hoa đình lăng là thứ hoa đơn ở rừng có màu vàng như là hoa tai vàng nở rất nhiều ở hàng rào đầy những dây tơ hồng cũng màu vàng như màu nhẵn vàng. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên cửa sổ. Muôn ngồi xe sợi ở ngoài chái nhà, cô e a hát bài hát mà cô ưa thích:

Ing noọng ơi, ing noọng ơi

Nếu em xây nhà

Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng

Trong nhà có bếp lửa hồng

Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:

- Này Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc hay không?

Bạc Kỳ Sinh cười:

- Khi còn mê muội...

Muôn hỏi:

- Vậy vẫn mình?

- Không tốt gì! - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói. Đây là Lò Văn Cường, em trai ông Sùng, chú ruột của Muôn. Ông ta gửi một gói hàng nặng. Ông ta vẫn buôn thuốc phiện từ Tam giác vàng qua đường Thượng Lào sang Tây Bắc.

Đêm hôm đó, Lò Văn Cường ngủ ở nhà anh trai mình. ông bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Cháu Sinh ạ, tao đã thấy mày đua ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi! Mày là ma rừng phải đi đường hẻm. Mày muốn con Muôn thì hãy nghe tao! Mày hãy đi gửi hàng lên Hoàng Su Phì! Hãy nghĩ đến tự do và tiền bạc rồi sau hãy nghĩ đến đàn bà. Con Mnôn nó sẽ giết mày! Nửa tháng sau, Lò Văn Cường bị bắn chết. Những người lính biên phòng do Lò Văn Ngân chỉ huy phục kích đã bắn chết ông ta khi mang thuốc phiện vượt qua biên giới. Lò Văn Ngân được thăng chức trmg úy. Ngân cưới con ngựa

sông Đông đến chơi nhà Muôn. Anh tặng Muôn đôi vòng tay bạc. Muôn hỏi:
- Nếu giết được một người thì được tặng một chức à?

Ngân bảo:

- Điều ấy tùy vào người bị giết là ai.

Muôn nói:

- ông ta là chú tôi.

Ngân bảo:

- Tôi không biết.

Khi Ngân đi xuống cầu thang thì con ngựa sông Đông của anh đã bị cắt mắt gân chân đang nằm gục bên hàng rào. Ngân chạy lên cầu thang rút súng chĩa vào Bạc Kỳ Sinh:
- Mày giết ngựa! Mày có biết con ngựa ấy đáng giá bằng mấy mày không?

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Cần thì tao cắt gân mày chứ không cắt gân con ngựa!

Bạc Kỳ Sinh bị bắt. Muôn than thở:

- Anh ta đang ốm.

Ngân nói:

- Con ngựa này mỗi ngày ăn hết 20 cân thóc, 6 lít sữa với 2 cân đường. Cả nước bây giờ chỉ còn hai con như thế!

Bạc Kỳ Sinh bị giam chín tháng trong tù. ở trong tù, những người bạn của Lò Văn Cường chỉ cho y các mối hàng, cách đi rừng, cách chơi gái sao cho không bị mang bệnh, cách trốn lính biên phòng, cách phân biệt tiền giả thật, tiền bạc Thái Lan và tiền kíp Lào, rất nhiều thứ mà người ta không biết phân biệt đấy là những kiến thức về tự do hay sự từng trải phóng đãng. Một tay ăn trộm người Dao tên là Triệu Phú Đại rủ Bạc Kỳ Sinh vượt ngục. Đêm hôm ấy trời mưa to, hai người rẽ mái tôn chuồn được ra ngoài lườn rừng chạy về phía rừng Thuận Châu trốn tránh.

ít ngày sau Bạc Kỳ Sinh tìm đường về đến nhà Muôn. Triệu Phú Đại cần nhân:

- Chúng ta phải sang Thượng Lào ngay lập tức. Loanh quanh ở đây rồi chết có ngày.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Mày biết gì về tình yêu?

Triệu Phú Đại thở dài:

- Đấy là thứ tình cảm không lương thiện.

Muôn chạy ra đón Bạc Kỳ Sinh, trên tay đeo đôi vòng bạc của Ngân tặng cô.

Bạc Kỳ Sinh hỏi:

- Cô yêu nó à?

Muôn nói:

- Không biết! Em chỉ thích bộ quân phục.

Bạc Kỳ Sinh và Triệu Phú Đại ở nhà Muôn ba ngày. Triệu Phú Đại bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Mày lựa chọn đi. Hoặc đi Thượng Lào. Hoặc ở đây rúc váy con Muôn để đợi thằng Ngân đến bắt. Năm giờ sáng, lính biên phòng bao vây nhà Muôn. Triệu Phú Đại và Bạc Kỳ Sinh nấp trong buồng kín. Triệu Phú Đại nói:

- Phên này chết là chắc. Tao không tiếc gì. Chỉ tiếc mày mới hai mươi lăm tuổi.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Khi thằng Ngân bước lên cầu thang tao sẽ dí dao vào cổ nó... Khi người ta đưa ngựa tới, mỗi thằng chạy về một phía... Bạc Kỳ Sinh treo người ở trên chái nhà giống như con dơi. May cho y là 5 giờ sáng thì trời vùng núi còn tối như mực. Lúc ấy trời lại đổ mưa to. Hai người chạy thoát sang đất Thượng Lào.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Chắc cha con ông Sùng bị bắt mất.

Triệu Phú Đại cười:

- Có con Muôn thì chẳng sợ. Biết “ mèo nào cắn mỉu nào” !

Bạc Kỳ Sinh buôn bán dọc ngang ở vùng Thượng Lào, nhiều khi sang cả Thái Lan. Y có tiền, có nhiều thứ nhưng trong lòng khôn nguôi nhớ Muôn và nhớ quê hương. Thỉnh thoảng y tìm đường lén lút về thăm đất Mường Vài. Một lần về y bị bắt và xảy ra vụ trốn chạy ở chợ Mường La mà tôi chứng kiến.

Bạc Kỳ Sinh và Muôn trú ở nhà tôi sang ngày thứ hai thì họ cãi lộn với nhau. Cả hai đều mất bình tĩnh. Tôi không hiểu lắm vì họ nói bằng tiếng Thái rất nhanh, tôi chỉ lồm bồm biết một số từ. Tôi đoán hai người đã không đồng ý về cách giải thoát tình trạng hiện thời. Muôn nài nỉ điều gì đó nhưng Bạc Kỳ Sinh dứt khoát chối từ. Một lúc sau, Bạc Kỳ Sinh cũng nài nỉ điều gì đó nhưng Muôn không chịu. Cuối cùng Bạc Kỳ Sinh đứng lên tru một tiếng khùng khiếp như chó sói hú. Trông y rất đau đớn. Muôn ôm mặt chạy ra ngoài trời mưa. Lúc ấy trời đã khuya lắm. Bạc Kỳ Sinh chạy theo. Họ giằng co nhau một lúc lâu rồi Muôn chạy về phía rừng. Bạc Kỳ Sinh quay vào nhà, y nằm vật ra ở bên đồng lửa. Tôi ngồi lặng lẽ chứng kiến hai vị khách trọ. Tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Tại sao lại phải dày vò mình, phải dày vò nhau như thế? Hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi chưa nếm trải vị ngọt cũng như vị đắng tình yêu. ôi tình yêu! Sau này tôi mới biết đấy là thế nào! Bạn trẻ, bạn hãy yêu đi! Nó sẽ làm cho bạn hóa rồ hóa dại, nó sẽ làm cho bạn tốt lên hoặc xấu đi thì tôi cũng chẳng biết nữa nhưng tôi biết chắc chắn đó là một điều tuyệt vời nhất trên đời, đó là thứ giá trị nhất trong mọi thứ giá trị mà Thượng đế ban cho con người. Bạn trẻ! Bạn đừng tin những kẻ nói với bạn rằng tình yêu là sai lầm! Không có tình yêu sai lầm...Đấy là những kẻ ghen tị với tình yêu, những kẻ không có cơ hội để có tình yêu, vu khống, xúc xiểm tình yêu...

Suốt đêm hôm ấy chúng tôi không thấy Muôn trở lại. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên bếp lửa như hóa đá. Tôi cố gọi chuyện y. Y thờ dãi:

- Cô ấy không trở lại.Đàn bà thích những ngôi nhà có cửa sổ rộng để chuồn ra ngoài...

Trầm ngâm một lúc, y nói tiếp:

- Về bản chất, đàn bà không có trật tự nào dung được tình yêu to lớn...

Tôi lấy củi chất thêm vào đồng lửa. Mưa rất to. Hai chúng tôi ngồi bên đồng lửa đến tận sáng bạch. Bạc Kỳ Sinh đã kể cho tôi nghe về tình yêu nồng cháy của y. Y nói về phụ nữ, về cuộc đời, về nhiều thứ khác. Y nói:

- Không ai mang lại cho tôi nhiều hạnh phúc và đau khổ như Muôn. ông đã yêu bao giờ chưa? Tình yêu dạy cho ta bước đi của hổ, của báo, cho ta sức mạnh của mãnh thú. Nó dạy cho ta sự giảo hoạt của cáo, của rắn độc...Nó khiến ta nhân đạo hơn hoặc độc ác hơn...Những kẻ hèn hạ không có tình yêu. Tôi dò hỏi Bạc Kỳ Sinh về Muôn. Y nói:

- Cô ta cũng giống như mọi người đàn bà khác. Tôi quá điên rồ, quá nguy hiểm đối với cô ta. Trước sau gì cô ta cũng sẽ trèo qua cửa sổ để về với một môi trường tầm thường hơn nhưng an toàn hơn. Cô ta chết chậm hơn tôi. Nhưng thôi, tất cả những điều tôi nói không có ích gì, sau này rồi ông sẽ hiểu...

Bạc Kỳ Sinh ở với tôi đến trưa hôm sau. Y dứt khoát trả tôi tiền trọ. Món tiền khá lớn, bằng tổng số tiền lương giáo viên của tôi trong nhiều tháng. Tôi và Bạc Kỳ Sinh chia tay nhau. Y nói rằng y sẽ đi Thái Lan ngay hôm ấy. Cả hai không nghĩ rằng rồi sẽ gặp nhau. Tôi cũng không ngờ hai mươi lăm năm sau, tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh trong một hoàn cảnh lạ lùng kỳ dị.

Ít năm sau, tôi có dịp quay lại Mường La. Tôi gặp Lò Văn Ngân, bấy giờ đã lên chức thiếu tá. Ngôi nhà của Ngân ở ngay cổng chợ Mường La, ngôi nhà thiết kế giống như những ngôi nhà khác ở thành phố, tầng dưới để bán hàng hay để cho thuê văn phòng, tầng trên để ở. Ngân và Muôn lấy nhau, họ có hai đứa con, cả hai đang học Đại học. Tôi gặp Ngân nhưng anh tiếp chuyện tôi dè dặt, thậm chí có phần lạnh lùng. Chúng tôi không nói gì về chuyện cũ.

Lựa dịp thuận tiện, tôi tìm cơ hội để gặp riêng Muôn. Muôn còn rất đẹp. Cô mặc quần áo sang trọng theo lối dân thành phố. Tôi gọi lại chuyện về Bạc Kỳ Sinh thì Muôn thất kinh, hốt hoảng nói:

- Bò hụ...! Ai nhá nhắc lại chuyện cầu nưa...

(Không biết! Anh chớ nhắc lại chuyện cũ nữa).

Tôi quay lại chợ Mường La. Cũng không khác xưa nhiều lắm: các cô gái Thái, gái Xá...ngồi bán đào, mận, mắccoọc...hái ra từ trong núi, những người đàn ông, đàn bà người H' mông gửi những gửi sa nhân, đấng sâm, ba kích, nếp tan...ở góc chợ vẫn có ông già người Hoa ngồi xem bói. Không có đám đồng nào vây quanh ông già. Tôi đến gần ông già đặt tiền, gieo quẻ và hỏi về số phận của Bạc Kỳ Sinh. ông già đọc cho tôi nghe một bài thơ chữ Hán:

- *Ngộ bất ngộ*

Phùng bất phùng

Nguyệt trần hải để

Nhân tại mộng trung...(1)

Tôi thở dài quay đi ngẫm nghĩ. Tôi tự hỏi mình:

- Này số phận! Những gì tạo nên số phận? Điều gì giá trị? Điều gì vô giá trị? Điều gì trên đời này có ý nghĩa nhất cho một con người?

Tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh tình cờ khi tôi đến Mỹ mấy năm trước đây. Hôm ấy ở New York, tôi đến một quán cà phê nơi vẫn tụ tập khá nhiều nhà thơ và nghệ sĩ. ở đây có một người Việt Nam chơi đàn ghita rất điệu nghệ. Người này hát những bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Khi nghe một bài hát tôi đã lặng đi không thể tin được. Đây chính là một phần bài hát tôi từng được nghe ngày nào:

Pò mẹ ơi! Bó mẹ ơi...

Pò mẹ sinh con từ hang núi.

Nơi ấy có nhiều gió, lạnh lắm

Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm

Ôi tự do, tình yêu, quê hương

Những con đường chông gai, nhọc nhằn

Con mình trần thân trụi run rẩy

Và sờ soạng trong bóng đêm

Con nhặt được một vật mềm, ướt át

Con sợ hãi, không biết vật gì

Nó phập phồng trong tay con

Đau quá, đau nhói ở đây

Con ngửa mặt lên trời và hỏi:

Đâu tình yêu? Đâu tự do? Đâu quê hương..

Pò mẹ ơi...

Pò mẹ sinh con từ hang núi...

Người đánh đàn ghita và hát là Bạc Kỳ Sinh. Tối hôm ấy, Bạc Kỳ Sinh đưa tôi về nhà. Đó là một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng trên gác của một chung cư. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi. Bạc Kỳ Sinh thuê ngôi nhà này ở đây và sống độc thân. Sau lần gặp tôi, y sang Thượng Lào, sang Thái Lan rồi tới định cư ở Mỹ. Chúng tôi uống rượu suốt đêm. Bạc Kỳ Sinh hỏi tôi rất nhiều về vùng Tây Bắc Việt Nam. Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh xem có cơ hội trở về Việt Nam hay không. Y buồn bã lắc đầu, chỉ vào ngực mình:

- Tôi không biết. Tôi vẫn thường đau ở trong ngực này...

Y cười, vẫn nụ cười như điệu cợt ai hay giễu cợt mình.

Trên tường nhà Bạc Kỳ Sinh có treo ảnh Muôn. Nước ảnh đã cũ, đã ố vàng nhưng Muôn trông rất đẹp. Tôi không nhớ nói với Bạc Kỳ Sinh là ở Việt Nam, Muôn đang sống hạnh phúc. Bạc Kỳ Sinh ép tôi uống rượu mạnh. Cả tôi và y đều say khướt. Tôi hỏi y thế nào là tình yêu. Bạc Kỳ Sinh bảo:

- Tin tôi đi! Đây là một hung thần...

Đêm hôm ấy ở New York trời mưa rất to, mưa như ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được...

Cánh buồm thuở ấy

I

Cứ chừng dăm ngày một bận là chiếc thuyền chở hàng của ông Cả Giao lại ngược sông. Được gió là thuyền căng buồm lướt sóng. Bọn trẻ xóm chài chạy ùa ra hò reo. Dù bận thế nào, Nhi cũng chạy theo chúng đến đứng ở gốc cây gạo trên đê ngắm nhìn.

Cánh buồm nâu lừ lừ trôi ngược. Đến chỗ ngoặt sang làng Cổ Am thì nó mất dạng vào sau lũy tre, rặng nhãn. Nhi ngờ ngẩn quay về. Bà Hân nhìn con gái, thương, bảo con:

- Nhi này, đàn ông bạc lắm, con ơi...

Ông Hân mắng:

- Cái bà này! Đàn ông có dăm bầy loại chứ!

Nhi chạy vào buồng, úp mặt vào đóng mền chần, nước mắt ứa ra ràn rụa.

Thuyền chở mướm của ông Cả Giao cất từ những lò nấu cốt ở tận Cát Hải. Khi nào gió bắc về, cánh buồm nâu no gió, mùi mắm cốt sục nức bay là là ở trên mặt sông, len vào ngõ. Nhi đứng ở bên cửa tò vò trông ra, thấy tấm lưng trần của Bằng quấy ở trước mặt. Bằng gác sào, giơ tay lên vẫy. Nhi chạy dọc trên đê. Bằng nhảy tùm xuống nước bơi vào.

- Đại giai thì khổ con ơi... - Bà Hân ngồi bên cạnh vỗ về con gái - Nó đi, nó lại về. Dăm bữa nửa tháng chứ lâu la gì...

- Nó bảo lần này nó đi Thổ Hà chở hàng cho ông Tị phải không?

Ông Hân thập thò ở cửa, vọng vào.

- Tị nào? Làm gì có Tị nào? - Bà Hân quát.

- Thì ông Tị Ngoám chứ còn Tị nào?

Ông Tị vẫn bán hàng nước ở chợ Cổ Am. Trẻ con gọi đùa Tị Ngoám là "ngoạm tí"(!)

- Nhà Tị Ngoám làm gì có tiền mà hàng với họ! - Bà Hân mắng chồng - Đã không biết gì lại còn hay nói!

Ông Hân lụi cùi quay lưng ra ngồi ở hè đan sọt.

- Ừ... Mà thuyền ông Cả Giao từ xưa chở tuyền mắm cốt chứ chở gì đâu?

Ông Hân nghĩ bụng. Ông Hân chỉ nghe tiếng ông Cả Giao chứ chưa gặp mặt bao giờ.

Ông ấy ở bên Hải Thịnh, có tiếng là người nghĩa khí. Bằng là con út, chẳng hiểu thế nào đi lại với Nhi.

- Số con khổ lắm u ơi...

- Phỉ phui! - Bà Hân mắng con - Cô thử xem thầy u nuôi cô thế nào? Có đói không? Có rét không? Chị em trong xóm có ai bằng cô không nào?

Nhi nức nở:

- Con lạy u...

Bà Hân dỗ dành:

- Mới tí tuổi đầu đã than khổ người ta cười cho... Nghe lời u, dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyên ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần.

Ông Hân nghe thấy tiếng được tiếng mất cần nhân:

- Dào ôi... già rồi còn đại, bói với toán gì!

- Thì mặc u con chúng tôi! - Bà Hân làm ra vẻ giận - Ông thì biết gì, cái đồ gàn dở kia!

- Ừ thì tôi gàn! Tiền mất tật mang. Không khéo mua lo vào mình.

- Thì ai lấy tiền của ông! Đồ keo kiệt... Mà cái ngữ ấy làm gì có nỗi được đồng các nào trong người.

- Thì có đồng nào bà đều lột sạch lại còn già mồm gì nữa.

Bà Hân cười chảy nước mắt. Nhi nghe hai thầy u cãi nhau cũng thấy buồn cười. Ông Hân nổi tiếng thật thà, hiền lành. Lúc nào cũng bị bà vợ bắt nạt. Nhi biết, cả hai thầy u tuy thế rất hợp tính nhau.

- U bảo thầy dọn cơm rồi hai u con mình ra ăn cơm... Nghe u đi nào!
- Thôi, con không ăn đâu, con không đói...
- Cha bố cô! - Bà Hân kéo con gái dậy - Định nhịn à? Tương tự thì cũng phải ăn phải uống... Lão già kia! Bỏ đấy rồi đi dọn cơm đi chứ! Cứ dỏng tai ra nghe trộm cái gì?
- Ai nghe? Ai nghe? - Ông Hân vội bỏ cái sọt đan dờ, vội vội vàng vàng lúm cùm xuống bếp, vừa đi vừa lẩm bẩm - Nóng như lửa! Đúng là cái đồ giặc cái!

II

Bà Hân với Nhi vừa ra khỏi nhà một lúc thì gió bắc về. Tiếng gió thổi sáo ở đầu cột hiên thảo thảo. Ông Hân sốt ruột đi ra đi vào:

- Bảo mặc thêm cái áo bông thì cứ đẩy ra... Lại còn mưa phùn nữa chứ! Con bé tong teo chỉ thổi một cái là bay... Đêm hôm thế này mà đi đường đê thì có rồ không?

Ông Hân đẩy cửa ra ngoài để đóng chuồng gà thì con chó mực sủa nhặng cả lên. Ông Hân xô phải một bóng đen lù lù trước mặt. Sợ hãi, ông định kêu lên thì người kia xua tay, đẩy ông lùi lại.

Trước mặt ông Hân là một người cao lớn, mặc bộ đồ chàm như ở mạn ngược, ông ta đội chiếc nón dẫu rộng vành sụp mặt, chéo lưng là cái tay nải với chiếc đao ngắn bên trong, chỉ thò ra cái chuôi đao bịt đồng xin bóng.

- Xin đừng sợ! - Người kia thì thảo - Tôi là Cả Giao ở bên Hải Thịnh! Tôi đến vì chuyện cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi...

Ông Hân thở phào, khêu ngọn đèn dầu cho sáng. Ông Cả Giao cởi tay nải, cởi đao đặt lên chõng, hai tay ôm ngực. Ông cởi cúc áo để lộ ra một vết chém máu đã đông lại.

Nằm vật xuống, ông Cả Giao bảo:

- Phiền ông lấy cho cái gì băng giùm vết thương, mỗ xin đa tạ...

Ông Hân cuống quýt lấy nước nóng, lấy muối rửa vết thương rồi băng bó lại. Vị khách thều thảo:

- Tôi đi suốt ngày suốt đêm đã mấy hôm rồi, không có một hột cơm nào vào bụng. Tôi ở tận trên Móng Cái...

Vị khách nói xong thì cứ thế ngủ thiếp đi, có lẽ không làm sao chế ngự được mình. Ông Hân thương hại, lấy tấm dạ mỏng đắp cho khách rồi kéo cái tay nải kê đầu, để thanh đoản đao bên cạnh. Xong xuôi, ông đi xuống bếp bắt gà làm thịt, nấu cho ông khách nồi cháo để chờ khi dậy thì ăn.

Khoảng sang giờ Hợi thì bà Hân về. Cả hai mẹ con rét run cầm cập. Ông Hân ra tận ngoài ngõ đón vào.

- Khổ! - Ông Hân rên rẩm - Bói toán có được gì không?

Bà Hân xuyt xoa vì lạnh, răng đánh vào nhau lập cập:

- Hay quá ông ơi, con Nhi nhà này phúc lộc như giời như biển... Vào nhà rồi tôi kể cho mà nghe...

- Nhà đang có khách - Ông Hân kéo hai mẹ con xuống bếp, sung sướng, đặc ý - Có biết ai không? Ông Cả Giao đấy!

- Cả Giao nào? - bà Hân ngẩn ra ngờ vực.

- Cả Giao chứ Cả Giao nào! Cả Giao ở bên Hải Thịnh!

Nhi giật mình, mắt long lanh sáng. Ông Cả Giao là thầy anh Bằng, chắc là có chuyện...

Ba người xuống bếp. Ông Hân chất rơm để lửa bùng lên cho hai mẹ con sưởi ấm. Ông Hân kể chuyện, chằng câu nào vào với câu nào:

- Cái con chó mực cứ sủa nhặng lên, nó đi giật lùi ra ngõ... Nó biết nó gặp anh hùng nó phải biết thân...

- Nào, nào! - Bà Hân diên tiết - Đầu đuôi xuôi ngược làm sao? Ông ấy nói gì?

Chẳng nói gì! Tí nữa bà cứ lên cầm cái đao ông ấy mà xem, nặng ơi là nặng... Sức tôi mà cũng phải cử bằng cả hai tay... Như đao Quan Công...

Mùi cháo gà thơm sực. Bà Hân nhìn quanh quất:

- Thôi chết! Cái lão già này mất nết! U con tôi vừa đi vắng là bắt trộm gà làm thịt đánh chén tì tì... Con cái Nhi! Mày thử mở vung xem còn cái xương nào không?
Ông Hân khỏ sờ, giấu hai bàn tay to tướng sau lưng:
- Con mẹ này! Chỉ tuyền vu oan giá họa... Ông ấy bị thương, đã mấy ngày rồi không ăn uống gì...
- Sao lại bị thương? Con mực nhà này có cắn người bao giờ đâu? Thế ông ở đâu mà để nó cắn người ta hờ giờ?
- Không phải chó cắn! - Ông Hân dỗi vợ, bỏ đi ra ngoài - Cứ sồn sồn lên! Đã thế tôi chẳng nói nữa cho xong!
Bà Hân lấy thìa ném thử nồi cháo, cười:
- Cái lão già này! Nấu ngon ra phết! Chỉ được mỗi cái ăn chơi là giỏi! Con cái Nhi! mày ra ngoài vườn nhổ ít hành vào đây cho u!
- Hành đây! - Ông Hân cầm nắm hành đi vào, người ướt lướt thướt - Chỉ được cái hay sai vặt! Càng già tính khí càng ác.

III

Ông Cả Giao ngồi dậy. Bà Hân bưng nồi cháo gà thơm phức lên mời khách. Nhi múc cháo ra bát, hay tay bưng lên. Ông Cả Giao chẳng khách khí gì, húp một lúc hết ba bát cháo nóng hổi rồi khà một tiếng. Dọn dẹp xong xuôi, ông Hân định đốt thêm ngọn đèn dầu nữa cho sáng thì ông Cả Giao gạt đi:

- Đa tạ ông, mổ đang rất vội. Xin mời ông bà ngồi đây mổ xin thưa chuyện.

Ông Cả Giao mở tay nải, lấy ra một vuông vải điều đặt lên bàn, trong đó đựng đầy vàng bạc. Xong xuôi, ông quỳ xuống đất trước mặt hai ông bà Hân, tay chấp vào nhau cung kính:

- Xin nhị vị nhận của mổ này một lạy!

Ông Hân luống cuống, đỡ khách:

- Không dám! Không dám! Sao ngài làm thế?

Ông Cả Giao đứng lên, đĩnh đạc ngồi xuống rồi nói:

- Thưa ông bà, chẳng là cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi hai đứa vốn có duyên phận với nhau. Nhẽ ra nhà tôi phải sang hầu chuyện với hai ông bà đã từ lâu rồi. Chẳng may nhà tôi gặp hạn, bọn cướp đốt nhà, cướp của, người còn người mất. Cháu Bằng bị thương, bây giờ vẫn đang lưu lạc ở xa. Cháu chỉ tâm niệm một điều làm sao có được cháu Nhi bên cạnh... Tôi phải phá vây về đây, cũng là thương con, đường đột dâng lễ, muốn đón cháu Nhi nhà ta đi ngay bây giờ. Nhà tôi có hơn mấy chục mạng người, kể cả người làm người ở, tất cả đều bị giặc kia chém sạch, nay còn có mỗi giọt máu này thôi! Xin hai ông bà với con cháu Nhi cứu nó! Cứu một mạng người phúc đặng hàng sa...

Nói xong ông Cả Giao lại sụp xuống lạy. Ông Hân, bà Hân không biết nói sao cứ lặng người đi. Ông Cả Giao phủ phục dưới đất, không hề nhúc nhích. Tiếng gà trong xóm bắt đầu gáy dạo canh tư.

Tiếng gà gáy! Thế nào là tiếng gà gáy ở một xóm nhỏ ven sông hả giờ? Này nhé:

Canh một là gà lên chuồng. Một ngày bận bịu đã qua. Những con gà trống nhảy lên cao ngó xuống những con gà mái đang lục cục dọn chỗ ngủ đêm. Nó đứng trông chừng mắt nhắm mắt mở. Con chó mực đi qua. Con gà trống cảnh giác đập cánh ào ào, gáy lên một tiếng lầy lẹ, báo hiệu bình yên. Canh hai thì cô chủ nhà lên ra ngoài ngõ đi chơi với bạn. Những con gà mái đã thiêm thiếp ngủ bỗng rộ cả lên, đảo chỗ cho nhau phành phạch. Con gà trống gáy một tiếng cộc cằn thiết lập kỷ luật trong chuồng. Nó đi đi lại lại trên cái gióng tre gù gù cho đến khi nào tất cả trở lại yên bình. Sang đến canh ba, con gà trống choàng tỉnh giấc vì nghe thấy ở bên sông bỗng có tiếng gáy hỗn hào của một chú gà trống choai mới lớn. Mặt trăng khuyết tỏa ra trên sông ánh trắng lặn tẩn như thể dát bạc. Có lẽ chú gà trống choai tưởng sáng? Giống như một sự ngộ nhận thiên tài, các chú gà trống choai khác cứ thế hòa theo gáy vang inh ỏi. Đến cả con gà trống cù

lắm cảm cũng bắt giọng cùng cục gáy theo. Bực mình, chú gà trống nhà ta, chú gà có bộ lông sặc sỡ với vẻ kiêu hãnh hiếm thấy, phành phạch vỗ cánh rồi cất lên tiếng gáy dữ dội, nao lòng, mê sảng, khinh bạc và buồn rầu, tiếng gáy sâu thẳm như thể ánh trăng sâu thẳm, như dòng sông kia sâu thẳm, như lòng người và cả bóng đêm kia nữa... Những con gà trống khác trong xóm thẹn thùng, gáy thêm vài tiếng đái bơi lầy lẹ rồi im thin thít. Thôn xóm chìm vào giấc ngủ mê man, nặng nhọc. Tiếng khóc của một đứa trẻ khát sữa ngàn ngạt cất lên. Bà mẹ trẻ vụng về vừa dỗ vừa mắng con. Tiếng chó sủa dồn dập ở mấy bụi tre cuối xóm. Những con đom đóm bay vụt trong ánh sáng lân tinh. Sang đến canh tư, đã thấy thấp thoáng nhà ai nổi lửa làm hàng. Tiếng dội nước, tiếng cối xay bột ở lò đậu phụ nghe như xa xăm ở tận đâu. Chú gà trống cất lên tiếng gáy đĩnh đạc bắt đầu cho dàn hợp xướng đón chào ngày mới. Vài ba bóng trắng của các cô hồn ở ngoài nghĩa địa vội vàng biến mất. Hơi sương xuống nặng, trĩu trên lá cây, ngọn cỏ. Tiếng gà gáy vang náo nức, giục giã. Dưới sông, oàm ọp những tiếng chèo thuyền của vài cái mủng đi đánh cá mò. Những chiếc đèn chai thấp thoáng lập loè rồi lịm dần tắt, tắt phụt lúc nào chẳng hay. Phía chân trời đằng đông, bắt đầu hừng lên một vầng sáng gắt gao. Sang đến canh năm, chú gà trống đứng ở cửa chuồng, ngó nghiêng, lựa thể bay vọt một cái ra tận hàng rào, đứng đấy gân cổ gáy vang một hồi lanh lảnh. Những con gà mái cũng bắt đầu lục tục đi ra khỏi chuồng rất là thú tợn. Chú gà trống dõi theo một ả mái tơ của nhà láng giềng rồi sà xuống ve vãn giống như một tên trai điếm đàng. Những con gà mái khác liếc mắt, khinh bỉ đàm tiếu với nhau: mới bảnh mắt ra đã thế, dù hấn gáy hay đến mấy cũng phải tìm ra một kẻ thay thế, không thể để cho phong hóa ngày một suy đồi... "Ồ ó o! Đời là thế!". Chú gà trống trừng mắt xua đám gà mái rồi gian manh dụ ả mái tơ ra góc đồng rơm vàng óng cuối vườn.

IV

Đến canh tư, khoảng đầu giờ Dần thì ông Cả Giao với ông bà Hân cũng đã bàn định xong xuôi mọi việc. Trong buồng, Nhi vừa sụt sịt khóc vừa xếp áo quần vào trong tay nải. Bà Hân khóc ròng, vừa dỗ dành con vừa than thở:

- Con mẹ đồng Xuyên nói cấm có sai! "Vội vàng như chẳng kịp". Nó bảo về nhà là có "hắc long tiếp dẫn" thì đúng còn gì! Ông ấy mặc quần áo đen... Thế là "hắc long" chứ còn gì nữa...

Bà hân cởi chiếc áo bông trần đang mặc trên người giúi vào tay Nhi:

- Mang cả đi! Ở nhà u sắm cái khác! Trên ấy rét lắm con ơi...

Nhi lắc đầu, ôm cái tay nải vào lòng:

- Không! Con có rồi. U cứ để nhà mà mặc!

Bà Hân méo máo:

- Phải! Cha bố cô! Cô chê chứ gì! Có chồng, chồng lo cho hết... thiết gì đến u...

Nhi nức nở, sà vào lòng mẹ:

- U ơi! Con đi rồi, chỉ còn thầy u ở lại... con biết lấy gì báo đáp thầy u?

Bà Hân khuyên nhủ:

- Đừng lo cho thầy u! Thầy con tuy thế nhưng còn mạnh chán... Con cứ đi đi, phụng sự nhà chồng. U thấy cốt cách bên ấy khác người u cũng mừng thầm, chỉ hiềm cái hạn người ta lớn quá, chẳng biết thế nào... Con đi đi, dăm bữa nửa tháng phải đánh tin về cho thầy u biết...

Bên ngoài, ông Cả Giao đã nai nịt xong xuôi gọn gàng, bồn chồn giông tai lắng nghe động tĩnh. Có tiếng cú rúc ba lần giục giã. Ông Cả Giao đứng lên, cầm chắc đoản đao trong tay. Ông Hân vội vội vàng vàng ngó vào cửa buồng:

- U con may đã xong chưa? Làm gì lâu thế?

Bà Hân khép hờ cửa buồng, quát khế:

- Đi ra! Đi ra! Tôi còn cho nó cái này!

Bà Hân đi vào góc buồng, chỗ để mấy cái nồi đất chõng chơ, vớ ta lên xà nhà lấy ra một cái gói nhỏ giúi vào tay con gái:

- Đây là đôi hoa tai bạc bà ngoại cho u hồi u mới đi lấy chồng - Bà Hân cười - U giấu ở ngay dưới mũi lão già mà lão ấy chẳng biết gì. Con cầm lấy, nó là hồi môn của u cho con. Nhớ nhé! Lên đây thế nào con phải đánh tin về ngay cho thầy u biết.

Bà Hân đưa con gái ra khỏi cửa buồng. Nhi đội khăn vuông, mặc áo bông, khoác tay nải, rục rịch như một đóa quỳnh trong đêm. Bà Hân gói cả gói vàng bạc sinh lễ mà ông Cả Giao mang đến giúi vào tay nải cho cô con gái. Nhi òa khóc, quỳ xuống trước mặt hai ông bà Hân:

- Con lạy thầy u... con bất hiếu... Thầy u ở lại giữ gìn... tha lỗi cho con...

Ông Hân bỗng khóc tu tu. Tiếng khóc vỡ òa ra đột ngột khiến con chó mực ngoài sân cũng giật thót mình, sủa lên mấy tiếng ai oán. Ông Cả Giao xốc Nhi đứng dậy, gỡ tay bà Hân. Mấy người dất dứ nhau ra bên sông. Ông Cả Giao bắt chước tiếng cú rúc. Một chiếc thuyền nhỏ neo ở giữa sông sáp vào đón họ. Ông Cả Giao đỡ Nhi lên thuyền rồi quay lại chấp tay chào ông bà Hân. Mặt sông lạnh. Gió bắc cứ hun hút thổi. Tiếng chèo khua mạnh lạnh lùng. Vàng trắng khuyết cuối trời nhoè đi trong dòng nước mắt.

Thuyền ai trôi, thuyền ai trôi rồi?

Kìa con thuyền trôi, con ơi, nước trôi

Kìa con sông đời, lạnh toát, xa vời

Mênh mông bể cả mưa nguồn xa xôi

Ngẫm sự đời...

Tang thương ngẫm những sự đời

Phù hoa muôn nẻo phương trời

Ai luống ngậm ngùi

Thế gian ai luống ngậm ngùi tình si?

Cái đêm hôm ấy đêm gì,

Để cho ai nhớ khắc ghi trong lòng?

Chân trời góc biển mênh mông

Hỏi ai, ai biết cho không

Não ruột trong lòng

Mẹ cha não ruột trong lòng năm canh

Đêm năm canh, giấc ngủ chẳng thành

Con lấy chồng gần, con lấy chồng xa

Xót lòng nấu ruột mẹ cha

Những muốn khóc òa

Thương con những muốn khóc òa đêm nay

Nơi xa con hỡi có hay

Thấu gan ruột này?

Trăm đắng ngàn cay

Sầu đông càng lác càng đầy

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê

Xứ người trăm nỗi tái tê

Nào ai biết được đường về nông sâu?

Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều...

V

Nhi đi rồi, ngôi nhà tranh vách đất bên sông tiêu điều như thể không có hồn vía. Bà Hân ốm lử khử đến mấy tháng ròng. Lúc đầu, hai ông bà còn hay nói chuyện với nhau:

- Con mẹ đồng Xuyên nó bảo số của con Nhi phải lấy chồng xa. Tương nó ích phu, lợi

tử, tiền của đầy nhà...

- Ủ - Ông Hân ngậm ngùi - Tôi chỉ sợ nó dạt nước mà nhà người ta làm nghề sông nước...

Bà Hân lặng đi, bùi ngùi:

- Hồi nó ba tuổi, ông còn nhớ đận di Thảo bị trâu húc chột mắt không, nó lên sồi, chỉ bị tí nước té vào mà người đỡ rục như than hồng, nó sốt đến bốn năm ngày...

- Cũng chỉ tại bà để cái gáo nước thèo đánh mới ra cơ sự thế chứ?

- Vâng! Tôi vụng, tôi ngu, tôi dại!

Hai ông bà ngồi ôn lại ký ức về cô con gái. Họ cãi cọ nhau, hờn dỗi...

Ba tháng trôi qua, không hề có tin tức gì của Nhi.

- Thôi chết! - Một hôm bà Hân bảo chồng - Hóa ra mình cho không con gái người ta.

Chẳng cưới cheo gì, có tử không? Bây giờ chẳng biết ở phương trời nào.

- Thì cứ bảo số nó tốt mãi đi! Cứ nghe con mụ đồng Xuyên rồi bán cả nhà...

- Hay là ông đi Hải Thịnh một chuyến xem sao - Bà Hân dụ chồng - đi ngóng tin tức nó xem thế nào?

- Nhưng bà đang ốm, tôi đi làm sao được?

- Ốm đau gì? Ông cứ đi đi. Tôi mạng lớn, không chết được đâu...

Hai hôm sau, ông Hân tìm đường đi sang Hải Thịnh. Đây là lần đầu ông lão xa nhà. Bà Hân nằm trên ổ rơm, đắp chiếu, ngóng từng giờ một. Con chó mực nhện đói, nằm ở gốc hè cứ rên ư ử. Sang ngày thứ sáu thì ông Hân về, phờ phờ phạc phạc, hai con mắt lồm sồm vào ở trong hốc mắt, trông lạ hẳn đi.

Bà Hân hốt hoảng, chỉ thốt ra được một tiếng hỏi chồng:

- Sao?

Ông Hân ngồi im, thẫn thờ, không nói câu gì. Bà Hân đâm sợ, cũng không dám hỏi.

Ông Hân ngồi im một lúc, bỗng òa lên khóc:

- Bà nó ơi, mình mất con bé Nhi rồi...

Bà Hân căn vặn một lúc, chấp nối những câu rời rạc trong tiếng nấc nghẹn của chồng, cuối cùng hiểu ra được đầu đuôi câu chuyện. Ông Hân đi khắp cả vùng Hải Thịnh hỏi han nhưng không ai biết về ông Cả Giao. Ông Hân đi sang Cát hải, người ta cũng nói đến một ông Cả Giao nào đó chuyên cất mắu cốt nhưng nửa năm nay bật không thấy đến.

Hai ông bà gia bàn định, bán tín bán nghi. Ông Hân tính đi Móng Cái nhưng không đủ tiền, đủ sức.

Rồi một năm nữa trôi qua, cũng không có tin tức gì của Nhi. Ông Hân, bà Hân gia sòm hẳn đi, mọi việc trong nhà bỏ hết. Cuối năm đó, con chó mực bỗng lăn ra chết trước hiên nhà. Tết năm đó là một cái tết hiu quạnh buồn thiu ở trong ngôi nhà trống vắng, nơi mà ngày xưa dù có nghèo túng đến mấy nhưng không hề dứt tiếng cười.

Bà Hân mắt đã mờ đi vì khóc. Ông Hân trở nên lẫn lộn, cứ hay ra ngồi bên sông một mình, lúc nhớ lúc quên.

Sang năm dậu, nạn dịch tả lan tràn khắp nơi, có nhiều người chết. Nạn dịch lan đến làng Cổ Am, lan sang làng Hạ. Ông bà Hân cũng chết về dịch tả, ông đi trước, bà đi sau, chỉ trong một ngày. Khi còn sống, bà Hân vẫn hay đùa chồng:

- Thế nào lão cũng chết trước cho xem? Số lão vẫn sướng, chẳng là vẫn quen có người hầu hạ ngồi mát ăn bát vàng. Chỉ có tôi đây là khổ! Giời không có mắt, những người gàn dở thì giời lại cứ bênh vực là nghĩa lý gì?

Những khi ấy, ông Hân chỉ cười tủm tỉm. Chắc là ông nghĩ:

- Cái con mẹ này quái ác! Đã chết thì còn sướng nổi gì mà còn phân biệt trước sau. Đã gàn dở lại mắng người ta gàn dở!

VI

Tôi sẽ là một người kể chuyện nhẩn tâm nếu tôi không thêm vào một cái kết ra trò cho câu chuyện ấy. "Đa tình kiếm khách, vô tình kiếm". Nhiều khi ngòi bút vẫn cứ lạnh lùng không theo ý của chủ nhân, dẫu rằng thực ra có hậu hay không có hậu với một kiếm khách hay một văn nhân đôi khi cũng không có ý nghĩa gì quan trọng. Khi lưỡi kiếm đã vung lên rồi cũng như khi ngòi bút đã vung lên thì ai đó trách rằng vô tình cũng đành chịu vậy. Nhưng mà thôi, đây là một câu chuyện giản dị và tôi cũng muốn có một nụ cười giản dị để dành cho bạn khi kết thúc câu chuyện này.

Khoảng mười năm sau, sau khi hai ông bà Hân chết thì một hôm có một chiếc thuyền buồm nâu ghé vào bến sông giữa làng Cổ Am và làng Hạ. Hôm ấy đang có hội làng. Người ta rước kiệu từ đình làng Cổ Am xuống làng Hạ rồi lại quay về. Khách thập phương kéo đến xem hội đông như kiến cỏ.

Lúc đầu, cũng không có ai chú ý đến người thiếu phụ với sáu đứa con bụi bặm vừa trai vừa gái ở trên thuyền vừa bước lên bờ. Hai cô hầu gái loay hoay với lũ trẻ con nghịch như quỷ sứ. Thiếu phụ bẽn lẽn, chân như ríu lại. Thiếu phụ hỏi thăm mấy người đi hội:

- Thừa các bác, ở đây có ai người làng Hạ không? Có ai biết nhà ông bà Hân không?
- Có tôi đây! - Một bà cụ già đang ngồi bán củ ấu cho bọn trẻ con vồn vã - Ai hỏi ông bà Hân đấy? Có đúng bà Hân tính hay đùa nhà nhà gần cây gạo phải không?

Thiếu phụ reo lên mừng rỡ:

- Phải! Cụ ơi, cụ biết ông bà Hân chứ? Cháu là Nhi đây, cháu là con gái ông bà Hân đây?

Bà cụ dừng tay gói nắm củ ấu cho một người đàn ông có vẻ như người mới ở tỉnh về, ngạc nhiên:

- Con cái Nhi! Con nỡm! Thế mày không nhận ra dì mày à? Dì Thảo mày đây!

Nhi như quy xuống trước mặt bà cụ. Người đàn ông mặc bộ vét-tông màu trắng đã ngả vàng đang mua củ ấu vội vã đỡ lấy cô.

Bà cụ Thảo kể cho cô cháu nghe chuyện cũ. Mọi người xúm xít lại nghe. Nhi òa lên khóc nức nở khi biết tin thầy u mình mất đã chục năm rồi. Cô xua hai người hầu gái với mấy đứa con đi vào xem hội rồi một mình đi về nền ngôi nhà cũ. Người ta chỉ đường cho cô ra mộ hai ông bà Hân. Người đàn ông trên tỉnh lững thững đi phía sau cô, vừa đi vừa lơ đãng nhìn xuống dòng sông nơi có chiếc thuyền buồm nâu neo đợi.

Nhi loay hoay bên hai ngôi mộ, cô ngồi nhỏ cỏ rồi phủ phục ở đấy rất lâu. Người đàn ông lạ lùng kia lặng lẽ mang đến cho cô thẻ hương và đặt nắm củ ấu vừa mua lên mộ.

- Cám ơn ông! Nhi lau nước mắt - Thế ông cũng có người thân chôn ở nghĩa địa này à? Người ấy gặt đầu.

- Thừa ông, ông đã nghe câu chuyện của tôi, vậy ông có khinh tôi là đứa con bất hiếu, phụ bạc cha mẹ mình không?

- Sao cô nghĩ thế? - Người đàn ông tỏ vẻ không vui - Cô nghĩ sai rồi! Cô hạnh phúc, thế là thầy u cô dưới suối vàng mừng lắm còn gì!

- Cám ơn ông... Được ông nói thế, thật tình tôi như trút được gánh nặng trong lòng.

Người đàn ông quay ra đứng ở ngoài đường. Nhi thấp hương, khấn vái một lúc rất lâu rồi về. Cô ngạc nhiên khi thấy người đàn ông kia đứng đó.

- Phong cảnh ở đây rất tuyệt - Người ấy nói - Những cánh buồm nâu là thứ mà tôi thích nhất.

- Tôi phải về thuyền - Nhi nói - Mấy mẹ con tôi phải về Móng Cái. Chồng tôi là chủ hãng buôn ở đó. Khi nào ông lên Móng cái mời ông ghé chơi. Tôi tên là Nhi, chồng tên là Bằng, hỏi ai cũng biết.

- Có phải Bằng là chữ bằng trong câu "chim bằng bay rợp trời xanh không cùng" không?

- Thừa ông, tôi không biết, tôi dốt lắm. Thừa ông, tôi khó nghĩ quá, việc này tôi không muốn nhờ cậy ai, tôi muốn đường đột nhờ cậy ông liệu có được không?

- Được!

- Thừa ông, ông còn ở đây, tôi muốn nhờ ông khắc giùm cái bia đặt lên trên mộ thầy u

của tôi để mà đánh dấu, như thế liệu tôi có phiền ông quá hay không?

- Không sao! Tôi cũng muốn có bia ở vùng đất này.

- Đa tạ ông nhiều. Thầy tôi tên Hân, u tôi tên Lành, cả hai mất vào năm Dậu.

Nhi và người đàn ông kia trở về đám hội. Nhi vào đình làng gửi tiền công đức rồi mấy mẹ con riu rít xuống thuyền. Cánh buồm nâu quay đầu, lặng lẽ xuôi dòng tìm đường ra biển.

Nhi không biết người đàn ông lạ lùng mà Nhi nhớ cây hôm ấy là một nhà thơ nổi tiếng. Người ấy đã tìm được một tấm đá khắc bia. Chỉ có điều, người ấy không làm sao nhớ nổi tên hai ông bà già xấu số. Cuối cùng, người ấy đã khắc lên tấm bia đá hình một cánh buồm làm dấu. Bây giờ, nếu ai đến nghĩa địa của làng Cổ Am và làng Hạ, nhìn chếch phía bên phải cây gạo ven sông, vẫn thấy ở đấy có một ngôi mộ đôi trên gắn tấm bia đá sứt sẹo. Trên tấm bia ấy có một cánh buồm. Dưới cánh buồm sau này bọn trẻ chần trâu nghịch ngợm có khắc thêm hình mấy cái mũi tên xuyên qua trái tim. Người ta gọi đó là mộ "trái tim tan nát". Bài thơ về những cánh buồm vẫn được lưu truyền ở trong dân gian như một chuyện kể về tình yêu trai gái. Mà tình yêu, bạn biết không - cái món quà tuyệt vời mà Thượng đế hào phóng ban tặng cho con người đời ấy, bao giờ cũng phải trả giá bằng những giọt nước mắt nghẹn ngào, dù muốn hay không cũng vậy.

Cánh buồm nâu

Cứ chừng dăm ngày một bận là chiếc thuyền chở hàng của ông Cả Giao lại ngược sông. Được gió là thuyền căng buồm lướt sóng. Bọn trẻ xóm chài chạy ùa ra hò reo. Dù bận thế nào, Nhi cũng chạy theo chúng đến đứng ở gốc cây gạo trên đê ngắm nhìn. Cánh buồm nâu lừ lừ trôi ngược. Đến chỗ ngoặt sang làng Cổ Am thì nó mất dạng vào sau lũy tre, rặng nhãn. Nhi ngơ ngẩn quay về.

Bà Hân nhìn con gái, thương, bảo con:

- Nhi này, đàn ông bạc lắm, con ơi...

Ông Hân mắng:

- Cái bà này! Đàn ông có dăm bảy loại chứ!

Nhi chạy vào buồng, úp mặt vào đồng mền chần, nước mắt ứa ra ràn rụa.

Thuyền chở mắm của ông Cả Giao cất từ những lò nấu cốt ở tận Cát Hải. Khi nào gió bắc về, cánh buồm nâu no gió, mùi mắm cốt sực nức bay là là ở trên mặt sông, len vào ngõ. Nhi đứng ở bên cửa tò vò trông ra, thấy tấm lưng trần của Bằng quẩy ở trước mặt. Bằng gác sào, giơ tay lên vẫy. Nhi chạy dọc triền đê. Bằng nhảy tùm xuống nước bơi vào.

- Dại giai thì khổ con ơi... - Bà Hân ngồi bên cạnh vỗ về con gái - Nó đi, nó lại về. Dăm bữa nửa tháng chứ lâu la gì...

- Nó bảo lần này nó đi Thổ Hà chở hàng cho ông Tị phải không?

Ông Hân thập thò ở cửa, vọng vào.

- Tị nào? Làm gì có Tị nào? - Bà Hân quát.

- Thì ông Tị Ngoám chứ còn Tị nào?

Ông Tị vẫn bán hàng nước ở chợ Cổ Am. Trẻ con gọi đùa Tị Ngoám tức là "ngoạm tí"(!)

- Nhà Tị Ngoám làm gì có tiền mà hàng với họ! - Bà Hân mắng chồng - Đã không biết gì lại còn hay nói!

Ông Hân lụi cụi quay lưng ra ngồi ở hè đan sọt.

- Ừ... Mà thuyền của ông Cả Giao từ xưa chở tuyền mắm cốt chứ chở gì đâu?

Ông Hân nghĩ bụng. Ông Hân chỉ nghe tiếng ông Cả Giao chứ chưa gặp mặt bao giờ.

Ông ấy ở bên Hải Thịnh, có tiếng là người nghĩa khí. Bằng là con út, chẳng hiểu thế nào đi lại với Nhi.

- Số con khổ lắm u ơi...

- Phi phui! - Bà Hân mắng con - Cô thử xem thầy u nuôi cô thế nào? Có đói không? Có rét không? Chị em trong xóm có ai bằng cô không nào?

Nhi nức nở:

- Con lạy u...

Bà Hân dỗ dành:

- Mới tí tuổi đầu đã than khổ người ta cười cho... Nghe lời u, dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyên ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần.

Ông Hân nghe thấy tiếng được tiếng mất cần nhân:

- Đào ôi... già rồi còn dại, bói với toán gì!

- Thì mặc u con chúng tôi! - Bà Hân làm ra vẻ giận - Ông thì biết gì, cái đồ gàn dở kia!

- Ừ thì tôi gàn! Tiền mất tật mang. Không khéo mua lo vào mình.

- Thì ai lấy tiền của ông! Đồ keo kiệt... Mà cái ngữ ấy làm gì có nổi được đồng các nào trong người.

- Thì có đồng nào bà đều lột sạch lại còn già mồm gì nữa.

Bà Hân cười chảy nước mắt. Nhi nghe hai thầy u cãi nhau cũng thấy buồn cười. Ông Hân nổi tiếng thật thà, hiền lành, lúc nào cũng bị bà vợ bắt nạt. Nhi biết, cả hai thầy u tuy thế rất hợp tính nhau.

- U bảo thầy dọn cơm rồi hai u con mình ra ăn cơm... Nghe u đi nào!

- Thôi, con không ăn đâu, con không đói...

- Cha bố cô! - Bà Hân kéo con gái dậy - Định nhịn à? Tương tự thì cũng phải ăn phải uống... Lão già kia! Bỏ đấy rồi đi dọn cơm đi chứ! Cứ dỏng tai ra nghe trộm cái gì?

- Ai nghe? Ai nghe? - Ông Hân vội bỏ cái sọt đan dở, vội vội vàng vàng lồm cồm xuống bếp, vừa đi vừa lẩm bẩm - Nóng như lửa! Đúng là cái đồ giặc cái!

Bà Hân với Nhi vừa ra khỏi nhà một lúc thì gió bắc về. Tiếng gió thổi sáo ở đầu cột hiên thào thào. Ông Hân sốt ruột đi ra đi vào:

- Bảo mặc thêm cái áo bông thì cứ đẩy ra... Lại còn mưa phùn nữa chứ! Con bé tong teo chỉ thổi một cái là bay... Đêm hôm thế này mà đi đường đê thì có rò không?

Ông Hân đẩy cửa ra ngoài để đóng chuồng gà thì con chó mực sủa nặng cả lên. Ông Hân xô phải một bóng đen lù lù trước mặt. Sợ hãi, ông định kêu lên thì người kia xua tay, đẩy lùi ông lại.

Trước mặt ông Hân là một người cao lớn, mặc bộ đồ chàm như ở mạn ngược, ông ta đội chiếc nón dẫu rộng vành sụp mặt, chéo lưng là cái tay nải với chiếc đao ngắn bên trong, chỉ thò ra cái chuôi đao bịt đồng xỉn bóng.

- Xin ông đừng sợ! - Người kia thì thào - Tôi là Cả Giao ở bên Hải Thịnh! Tôi đến vì chuyện cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi...

Ông Hân thờ phào, khêu ngọn đèn dầu cho sáng. Ông Cả Giao cời tay nải, cời đao đặt lên chõng, hai tay ôm ngực. Ông cời cúc áo để lộ ra một vết chém máu đã đông lại.

Nằm vật xuống, ông Cả Giao bảo:

- Phiền ông lấy cho cái gì băng giùm vết thương, mỗ xin đa tạ...

Ông Hân cuống quýt lấy nước nóng, lấy muối để rửa vết thương rồi băng bó lại. Vị khách thều thào:

- Tôi đi suốt ngày suốt đêm đã mấy hôm rồi, không có một hột cơm nào vào bụng. Tôi ở tận trên Móng Cái...

Vị khách nói xong thì cứ thế ngủ thiếp đi, có lẽ không làm sao chế ngự được mình. Ông Hân thương hại, lấy tấm dạ mỏng đắp cho ông khách rồi kéo cái tay nải kê đầu, để thanh đoản đao bên cạnh. Xong xuôi, ông đi xuống bếp bắt gà làm thịt, nấu cho ông

khách nời cháo để chờ khi dậy thì ăn.

Khoảng sang giờ Hợi thì bà Hân về. Cả hai mẹ con rét run cầm cập. Ông Hân ra tận ngoài ngõ đón vào.

- Khổ! - Ông Hân rên rẩm - Bói toán có được gì không?

Bà Hân xuyt xoa vì lạnh, răng đánh vào nhau lập cập:

- Hay quá ông ơi, con Nhi nhà này phúc lộc như giời như biển... Vào nhà rồi tôi kể cho mà nghe...

- Nhà đang có khách - Ông Hân kéo hai mẹ con xuống bếp, sung sướng, đặc ý - Có biết ai không? Ông Cả Giao đấy!

- Cả Giao nào? - Bà Hân ngăn ra ngờ vực.

- Cả Giao chứ Cả Giao nào! Cả Giao ở bên Hải Thịnh!

Nhi giật mình, mắt long lanh sáng. Ông Cả Giao là thầy anh Bằng, chắc là có chuyện...

Ba người xuống bếp. Ông Hân chất rơm để lửa bùng lên cho hai mẹ con sưởi ấm. Ông Hân kể chuyện, chẳng câu nào vào với câu nào:

- Cái con chó mực cứ sủa nặng lên, nó đi giật lùi ra ngõ... nó biết nó gặp anh hùng nó phải biết thân...

- Nào, nào! - Bà Hân điên tiết - Đầu đuôi xuôi ngược làm sao? Ông ấy nói gì?

- Chẳng nói gì! Tí nữa bà cứ lên cầm cái dao ông ấy mà xem, nặng ơi là nặng... Sức tôi mà cũng phải cữ bằng cả hai tay... Như dao Quan Công...

Mùi cháo gà thơm sực. Bà Hân nhìn quanh nhìn quất:

- Thôi chết! Cái lão già này mất nét! U con tôi vừa đi vắng là bắt trộm gà làm thịt đánh chén tì tì... Con cái Nhi! Mà thử mở vung xem còn cái xương nào không?

Ông Hân khổ sở, giấu hai bàn tay to tướng sau lưng:

- Con mẹ này! Chỉ tuyên vu oan giá hoạ... Ông ấy bị thương, đã mấy ngày rồi không ăn uống gì...

- Sao lại bị thương? Con mực nhà này có cắn người bao giờ đâu? Thế ông ở đâu mà để nó cắn người ta hờ giờ?

- Không phải chó cắn! - Ông Hân dỗi vợ, bỏ đi ra ngoài - Cứ sồn sồn lên! Đã thế tôi chẳng nói nữa cho xong!

Bà Hân lấy thìa ném thử nời cháo, cườì:

- Cái lão già này! Nấu ngon ra phết! Chỉ được mỗi cái ăn chơi là giỏi! Con cái Nhi! Mà ra ngoài vườn mà nhỏ ít hành vào đây cho u!

- Hành đây! - Ông Hân cầm nắm hành đi vào, người ướt lướt thướt - Chỉ được cái hay sai vật! Càng già tính khí càng ác!

Ông Cả Giao đã ngồi dậy. Bà Hân bưng nời cháo gà thơm phức lên mời khách. Nhi múc cháo ra bát, hai tay bưng lên. Ông Cả Giao chẳng khách khí gì, húp một lúc hết ba bát cháo nóng hổi rồi khà một tiếng. Dọn dẹp xong xuôi, ông Hân định đốt thêm ngọn đèn dầu nữa cho sáng thì ông Cả Giao gạt đi:

- Đa tạ ông, mổ đang rất vội. Xin mời ông bà ngồi đây mổ xin thưa chuyện.

Ông Cả Giao mở tay nải, lấy ra một vuông vải điều đặt lên bàn, trong đó đựng đầy vàng bạc. Xong xuôi, ông quỳ xuống đất trước mặt hai ông bà Hân, tay chấp vào nhau cung kính:

- Xin nhị vị nhận của mổ đây một lạy!

Ông Hân luống cuống, đỡ khách:

- Không dám! Không dám! Sao ngài làm thế?

Ông Cả Giao đứng lên, đĩnh đạc ngồi xuống rồi nói:

- Thưa ông bà, chẳng là cháu Bằng nhà tôi với con cháu Nhi hai đứa vốn có duyên phận với nhau. Nhẽ ra nhà tôi phải sang hầu chuyện với hai ông bà đã từ lâu rồi. Chẳng may

nhà tôi gặp hạn, bọn cướp đốt nhà, cướp cửa, người còn người mất. Cháu Bằng bị thương, bây giờ vẫn đang lưu lạc ở xa. Cháu chỉ tâm niệm một điều làm sao có được cháu Nhi bên cạnh... Tôi phải phá vây về đây, cũng là thương con, đường đột dâng lễ, muốn đón cháu Nhi nhà ta đi ngay bây giờ. Nhà tôi có hơn mấy chục mạng người, kể cả người làm người ở, tất cả đều bị giặc kia chém sạch, nay còn có mỗi giọt máu này thôi! Xin hai ông bà với con cháu Nhi cứu nó! Cứu một mạng người phúc đặng hà sa... Nói xong, ông Cả Giao lại sụp xuống lạy. Ông Hân, bà Hân không biết nói sao cứ lặng người đi. Ông Cả Giao phủ phục dưới đất, không hề nhúc nhích. Tiếng gà trong xóm bắt đầu gáy dạo canh tư.

Tiếng gà gáy! Thế nào là tiếng gà gáy ở một xóm nhỏ ven sông hả giờ? Này nhé: Canh một là gà lên chuồng. Một ngày bận bịu đã qua. Những con gà trống nhảy lên trên cao ngó xuống những con gà mái đang lục cục dọn chỗ ngủ đêm. Nó đứng trông chừng mắt nhắm mắt mở. Con chó mực đi qua. Con gà trống cảnh giác đập cánh ào ào, gáy lên một tiếng lầy lẹ, báo hiệu bình yên. Canh hai thì cô chủ nhà lên ra ngoài ngõ đi chơi với bạn. Những con gà mái đã thiêm thiếp ngủ bỗng rộ cả lên, đảo chỗ cho nhau phành phạch. Con gà trống gáy một tiếng cộc cằn thiết lập kỷ luật trong chuồng. Nó đi đi lại lại trên cái giồng tre gù gù cho đến khi nào tất cả trở lại yên bình. Sang đến canh ba, con gà trống choàng tỉnh giấc vì nghe thấy ở bên sông bỗng có tiếng gáy hỗn hào của một chú gà trống choai mới lớn. Mặt trăng khuyết tỏa ra trên sông ánh sáng lặn tẩn như thể dát bạc. Có lẽ chú gà trống choai tưởng sáng? Giống như một sự ngộ nhận thiên tài, các chú gà trống choai khác cứ thế hòa theo gáy vang inh ỏi. Đến cả mấy con gà trống cụ lắm cầm cũng bắt giọng cùng cục gáy theo. Bực mình, chú gà trống nhà ta, chú gà có bộ lông sặc sỡ với vẻ kiêu hãnh hiếm thấy, phành phạch vỗ cánh rồi cất lên tiếng gáy dữ dội, nao lòng, mê sảng, khinh bạc và buồn rầu, tiếng gáy sâu thẳm như thể ánh trăng sâu thẳm, như dòng sông kia sâu thẳm, như lòng người và cả bóng đêm kia nữa... Những con gà trống khác trong xóm then thùng, gáy thêm vài tiếng đái bôi lầy lẹ rồi im thin thít. Thôn xóm chìm vào giấc ngủ mê man, nặng nhọc. Tiếng khóc của một đứa trẻ khát sữa ngằn ngặt cất lên. Bà mẹ trẻ vụng về vừa dỗ vừa mắng con. Tiếng chó sủa dồn dập ở mấy bụi tre cuối xóm. Những con đom đóm bay vụt trong ánh lân tinh. Sang đến canh tư, đã thấy thắp thoáng nhà ai nỏ lửa làm hàng. Tiếng dội nước, tiếng cối xay bột ở lò đậu phụ nghe xa xăm như ở tận đâu. Chú gà trống cất lên tiếng gáy đỉnh đạc bắt đầu cho dàn hợp xướng đón chào ngày mới. Vài ba bóng trắng của các cô hồn ở ngoài nghĩa địa vội vàng biến mất. Hơi sương xuống nặng, trĩu trên lá cây, ngọn cỏ. Tiếng gà gáy vang náo nức, giục giã. Dưới sông, oàm oạp những tiếng chèo thuyền của vài cái mủng đi đánh cá mò. Những chiếc đèn chai thắp thoáng lập lòe rồi lịm dần bắc, tắt phụt lúc nào chẳng hay. Phía chân trời đằng đông, bắt đầu hừng hừng một vầng ánh sáng gắt gao. Sang đến canh năm, chú gà trống đứng ở cửa chuồng, ngó nghiêng, lựa thể bay vọt một cái ra tận hàng rào, đứng đấy gân cổ gáy vang một hồi lanh lảnh. Những con gà mái cũng bắt đầu lục tục đi ra khỏi chuồng rất là thú tợ. Chú gà trống dõi theo một ả mái tơ của nhà láng giềng rồi sà xuống ve vãn giống như một tên trai điếm. Những con gà mái khác liếc mắt, khinh bỉ đàm tiếu với nhau: mới bảnh mắt ra đã thế, dù hấn gáy hay đến mấy cũng phải tìm ra một kẻ thay thế, không thể để cho phong hóa ngày một suy đồi... "Ồ ó o! Đờ là thế!". Chú gà trống trừng mắt xua đám gà mái rồi gian manh dụ ả mái tơ ra góc đồng rơm vàng óng cuối vườn.

Đến canh tư, khoảng đầu giờ Dần thì ông Cả Giao với ông bà Hân cũng đã bàn định xong xuôi mọi việc. Trong buồng, Nhi vừa sụt sịt khóc vừa xếp áo quần vào trong tay nải. Bà Hân khóc ròn, vừa dỗ dành con vừa than thở:

- Con mẹ đồng Xuyên nói cấm có sai! "Vội vàng như chẳng kịp". Nó bảo về nhà là có

"hắc long tiếp dẫn" thì đúng còn gì! Ông ấy mặc áo quần đen... Thế là "hắc long" chứ còn gì nữa...

Bà Hân cởi chiếc áo bông trần đang mặc trên người giúi vào tay Nhi:

- Mang cả đi! Ở nhà u sắm cái khác! Trên ấy rét lắm con ơi...

Nhi lắc đầu, ôm cái tay nải vào lòng:

- Không! Con có rồi. U cứ để nhà mà mặc!

Bà Hân méo máo:

- Phải! Cha bố cô! Cô chê chứ gì! Có chồng, chồng lo cho hết... thiết gì đến u...

Nhi nức nở, sà vào lòng mẹ:

- U ơi! Con đi rồi, chỉ còn thầy u ở lại... con biết lấy gì báo đáp thầy u?

Bà Hân khuyên nhủ:

- Đừng lo cho thầy u! Thầy con tuy thể nhưng còn mạnh chán... Con cứ đi đi, phụng sự nhà chồng. U thấy cốt cách bên ấy khác người u cũng mừng thầm, chỉ hiềm cái hạn người ta lớn quá, chẳng biết thế nào... Con đi đi, dăm bữa nửa tháng phải đánh tin về cho thầy u biết...

Bên ngoài, ông Cả Giao đã nai nịt xong xuôi gọn gàng, bồn chồn giông tai lắng nghe động tĩnh. Có tiếng cú rúc ba lần giục già. Ông Cả Giao đứng lên, cầm chắc đoản đao trong tay. Ông Hân vội vội vàng vàng ngó vào cửa buồng:

- U con mày đã xong chưa? Làm gì lâu thế?

Bà Hân khép hờ cửa buồng, quát khế:

- Đi ra! Đi ra! Tôi còn cho nó cái này!

Bà Hân đi vào góc buồng, chỗ để mấy cái nôi đất chõng chơ, với tay lên xà nhà lấy ra một cái gói nhỏ giúi cho con gái:

- Đây là đôi hoa tai bạc của bà ngoại cho u hồi u mới đi lấy chồng - Bà Hân cười - U giấu ở ngay dưới mũi lão già mà lão ấy chẳng biết gì. Con cầm lấy, nó là hồi môn của u cho con. Nhớ nhé! Lên đây thế nào con phải đánh tin về ngay cho thầy u biết.

Bà Hân đưa con gái ra khỏi cửa buồng. Nhi đội khăn vuông, mặc áo bông, khoác tay nải, rục rịch như một đóa quỳnh trong đêm. Bà Hân gói cả gói vàng bạc sinh lễ mà ông Cả Giao mang đến giúi vào tay nải cho cô con gái. Nhi òa khóc, quỳ xuống trước mặt hai ông bà Hân:

- Con lạy thầy u... con bất hiếu... Thầy u ở lại giữ gìn... tha lỗi cho con...

Ông Hân bỗng khóc tu tu. Tiếng khóc vỡ ra đột ngột khiến con chó mực ngoài sân cũng giật thót mình, sủa lên mấy tiếng ai oán. Ông Cả Giao xúc Nhi dậy, gỡ tay bà Hân. Mấy người dắt díu nhau ra bến sông. Ông Cả Giao bắt chước tiếng cú rúc. Một chiếc thuyền nhỏ neo ở giữa sông sáp vào đón họ. Ông Cả Giao đỡ Nhi lên thuyền rồi quay lại chấp tay chào ông bà Hân. Mặt sông lạnh. Gió bắc cứ hun hút thổi. Tiếng chèo khua mạnh lạnh lùng. Vàng trắng khuyết cuối trời nhòe đi trong dòng nước mắt.

Thuyền ai trôi, thuyền ai trôi rồi?

Kìa con thuyền trôi, con ơi, nước trôi

Kìa con sông đời, lạnh toát, xa vời

Mênh mông bể cả mưa nguồn xa xôi

Ngẫm sự đời...

Tang thương ngẫm những sự đời.

Phù hoa muôn nẻo phương trời

Ai luống ngậm ngùi

Thế gian ai luống ngậm ngùi tình si?

Cái đêm hôm ấy đêm gì,

Để cho ai nhớ khắc ghi trong lòng?

Chân trời góc biển mênh mông

Hỏi ai, ai biết cho không

Não nuốt trong lòng

*Mẹ cha nẫu ruột trong lòng năm canh
Đêm năm canh, giấc ngủ chẳng thành
Con lấy chồng gần, con lấy chồng xa
Xót lòng nấu ruột mẹ cha
Những muốn khóc òa
Thương con những muốn khóc òa đêm nay
Nơi xa con hỡi có hay
Thấu gan ruột này?
Trăm đắng ngàn cay
Sầu đông càng lác càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê
Xứ người trăm nỗi tái tê
Nào ai biết được đường về nông sâu?
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ lòng đau chín chiều...*

Nhi đi rồi, ngôi nhà tranh vách đất bên sông tiêu điều như thể không có hồn vía. Bà Hân ốm lử khử đến mấy tháng ròng. Lúc đầu, hai ông bà còn hay nói chuyện với nhau:

- Con mẹ đồng Xuyên nó bảo số của con Nhi phải lấy chồng xa. Tương nó ích phụ lợi tử, tiền của đầy nhà...

- Ủ - Ông Hân ngậm ngùi - Tôi chỉ sợ nó dạt nước mà nhà người ta làm nghề sông nước...

Bà Hân lặng đi, bùi ngùi:

- Hồi nó ba tuổi, ông còn nhớ đạn di Thảo bị trâu húc chột mắt không, nó lên sởi, chỉ bị tí nước té vào mà người đỏ rực như than hồng, nó sốt đến bốn năm ngày...

- Cũng chỉ tại bà để cái gáo nước theo đánh mới ra cơ sự thế chứ?

- Vâng! Tôi vụng, tôi ngu, tôi dại!

Hai ông bà già ngồi ôn lại ký ức về cô con gái. Họ cãi cọ nhau, hờn dỗi...

Ba tháng trôi qua, không hề có tin tức gì của Nhi.

- Thôi chết! - Một hôm bà Hân bảo chồng - Hóa ra mình cho không con gái người ta.

Chẳng cưới cheo gì, có tử không? Bây giờ chẳng biết ở phương trời nào?

- Thì cứ bảo số nó tốt mãi đi! Cứ nghe con mẹ đồng Xuyên rồi bán cả nhà...

- Hay là ông đi Hải Thịnh một chuyến xem sao - Bà Hân dụ chồng - đi ngóng tin tức nó xem thế nào?

- Nhưng bà đang ốm, tôi đi sao được?

- Ốm đau gì? Ông cứ đi đi. Tôi mạng lớn, không chết được đâu...

Hai hôm sau, ông Hân tìm đường đi sang Hải Thịnh. Đây là lần đầu ông lão xa nhà. Bà Hân nằm trên ổ rơm, đắp chiếu, ngóng từng giờ một. Con chó mực nhện đói, nằm ở góc hè cứ rên ư ử. Sang ngày thứ sáu thì ông Hân về, phờ phờ phạc phạc, hai con mắt lồm sồm vào ở trong hốc mắt, trông lạ hẳn đi.

Bà Hân hốt hoảng, chỉ thốt ra được một tiếng hỏi chồng:

- Sao?

Ông Hân ngồi im, thẫn thờ, không nói câu gì. Bà Hân đâm sợ, cũng không dám hỏi.

Ông Hân ngồi im một lúc, bỗng òa lên khóc:

- Bà nó ơi, mình mất con bé Nhi rồi...

Bà Hân căn vặn một lúc, chấp nối những câu nói rời rạc trong tiếng nấc nghẹn của chồng, cuối cùng cũng hiểu được ra đầu đuôi câu chuyện. Ông Hân đi khắp cả vùng Hải Thịnh hỏi han nhưng không ai biết về ông Cả Giao. Ông Hân đi sang Cát Hải, người ta cũng nói đến một ông Cả Giao nào đó chuyên cất mắm cốt nhưng nửa năm nay bật không thấy đến.

Hai ông bà già bàn định, bán tín bán nghi. Ông Hân tính đi Móng Cái nhưng không đủ

tiền, đủ sức.

Rồi một năm nữa trôi qua, cũng không có tin tức gì của Nhi. Ông Hân, bà Hân già sọm hẳn đi, mọi việc trong nhà bỏ hết. Cuối năm đó, con chó mực bỗng lẫn ra chết ở trước hiên nhà. Tết năm đó là một cái tết hiu quạnh buồn thiu ở trong ngôi nhà trống vắng, nơi mà ngày xưa dù có nghèo túng đến mấy nhưng không hề dứt tiếng cười.

Bà Hân mắt đã mờ đi vì khóc. Ông Hân trở nên lẫn lộn, cứ hay ra ngồi bên sông một mình, lúc nhớ lúc quên.

Sang năm Dậu, nạn dịch tả tràn lan khắp nơi, có nhiều người chết. Nạn dịch lan đến làng Cổ Am lan sang làng Hạ. Ông bà Hân cũng chết về dịch tả, ông đi trước, bà đi sau, chỉ trong một ngày. Khi còn sống, bà Hân vẫn hay đùa chồng:

- Thế nào lão cũng chết trước cho xem! Số lão vẫn sướng, chẳng là vẫn quen có người hầu hạ ngồi mát ăn bát vàng. Chỉ có tôi đây là khổ! Giời không có mắt, những người gàn dở thì giời lại cứ bênh vực là nghĩa lý gì?

Những khi ấy, ông Hân chỉ cười tủm tỉm. Chắc là ông nghĩ:

- Cái con mẹ này quái ác! Đã chết thì sướng nỗi gì mà còn phân biệt trước sau. Đã gàn dở lại mắng người ta gàn dở!

Tôi sẽ là một người kể chuyện nhảm tâm nếu tôi không thêm vào một cái kết ra trò cho câu chuyện ấy. "Đa tình kiếm khách, vô tình kiếm". Nhiều khi ngồi bút vẫn cứ lạnh lùng không theo ý của chủ nhân, dẫu rằng thực ra có hậu hay không có hậu với một kiếm khách hay một văn nhân đôi khi cũng không có ý nghĩa gì quan trọng. Khi lưỡi kiếm đã vung lên rồi cũng như khi ngồi bút đã vung lên thì ai đó trách rằng vô tình cũng đành chịu vậy. Nhưng mà thôi, đây là một câu chuyện giản dị và tôi cũng muốn có một nụ cười giản dị để dành cho bạn khi kết thúc câu chuyện này.

Khoảng 10 năm sau, sau khi hai ông bà Hân chết thì một hôm có một chiếc thuyền buồm nâu ghé vào bến sông giữa làng Cổ Am và làng Hạ. Hôm ấy đang có hội làng. Người ta rước kiệu từ đình làng Cổ Am xuống làng Hạ rồi lại quay về. Khách thập phương kéo đến xem hội đông như kiến cỏ.

Lúc đầu, cũng không có ai chú ý đến người thiếu phụ với sáu đứa con bụi bặm vừa trai vừa gái ở trên thuyền vừa bước lên bờ. Hai cô hầu gái loay hoay với lũ trẻ con nghịch như quỷ sứ. Thiếu phụ bẽn lẽn, chân như ríu lại. Thiếu phụ hỏi thăm mấy người đi hội:

- Thưa các bác, ở đây có ai người làng Hạ không? Có ai biết nhà ông bà Hân không?
- Có tôi đây! - Một bà cụ già đang ngồi bán củ ấu cho bọn trẻ con vồn vã - Ai hỏi ông bà Hân đấy? Có đúng bà Hân tính hay đùa nhà nhà gần cây gạo phải không?

Thiếu phụ reo lên mừng rỡ:

- Phải! Cụ ơi, cụ biết ông bà Hân chứ? Cháu là Nhi đây, cháu là con gái ông bà Hân đây!

Bà cụ dừng tay gói nắm củ ấu cho một người đàn ông có vẻ như người mới ở tỉnh về, ngạc nhiên:

- Con cái Nhi! Con nỡm! Thế mày không nhận ra dì mày à? Dì Thảo mày đây!

Nhi như quy xuống trước mặt bà cụ. Người đàn ông mặc bộ vét-tông màu trắng đã ngả vàng đang mua củ ấu vội vã đỡ lấy cô.

Bà cụ Thảo kể cho cô cháu nghe chuyện cũ. Mọi người xúm xít lại nghe. Nhi òa lên khóc nức nở khi biết tin thầy u mình mất đã chục năm rồi. Cô xua hai người hầu gái với mấy đứa con đi vào xem hội rồi một mình đi về nền ngôi nhà cũ. Người ta chỉ đường cho cô ra mộ hai ông bà Hân. Người đàn ông trên tỉnh lững thững đi phía sau cô, vừa đi vừa lơ đãng nhìn xuống dòng sông nơi có chiếc thuyền buồm nâu neo đợi.

Nhi loay hoay bên hai ngôi mộ, cô ngồi nhỏ cỏ rồi phủ phục ở đấy rất lâu. Người đàn ông lạ lùng kia lặng lẽ mang đến cho cô thẻ hương và đặt nắm củ ấu vừa mua lên mộ.

- Cám ơn ông! - Nhi lau nước mắt - Thế ông cũng có người thân chôn ở nghĩa địa này

à?

Người ấy gật đầu.

- Thưa ông, ông đã nghe câu chuyện của tôi, vậy ông có khinh tôi là đứa con bất hiếu, phụ bạc cha mẹ mình không?

- Sao cô nghĩ thế? - Người đàn ông tỏ vẻ không vui - Cô nghĩ sai rồi! Cô hạnh phúc, thế là thầy u cô dưới tuổi vàng mừng lắm còn gì!

- Cám ơn ông... Được ông nói thế, thật tình tôi như trút được gánh nặng trong lòng.

Người đàn ông quay ra đứng ở ngoài đường. Nhi thấp hương, khăn vái một lúc rất lâu rồi về. Cô ngạc nhiên thấy người đàn ông kia đứng đó.

- Phong cảnh ở đây rất tuyệt - Người ấy nói - Những cánh buồm nâu là thứ mà tôi thích nhất.

- Tôi phải về thuyền - Nhi nói - Mấy mẹ con tôi phải về Móng Cái. Chồng tôi là chủ hãng buôn ở đó. Khi nào ông lên Móng Cái mời ông đến chơi. Tôi tên là Nhi, chồng tên là Bằng, hỏi ai cũng biết.

- Có phải Bằng là chữ bằng trong câu "chim bằng bay rợp trời xanh không cùng" không?

- Thưa ông, tôi không biết, tôi dốt lắm. Thưa ông, tôi khó nghĩ quá, việc này tôi không muốn nhờ cậy ai, tôi muốn đường đột nhờ cậy ông liệu có được không?

- Được!

- Thưa ông, ông còn ở đây, tôi muốn nhờ ông khắc giùm cái bia đặt lên trên mộ thầy u của tôi để mà đánh dấu, như thế liệu tôi có phiền ông quá hay không?

- Không sao! Tôi cũng muốn có bia ở vùng đất này.

- Đa tạ ông nhiều. Thầy tôi tên Hân, u tôi tên Lành, cả hai mất vào năm Dậu.

Nhi và người đàn ông kia trở về đám hội. Nhi vào đình làng gửi tiền công đức rồi mấy mẹ con riu rít xuống thuyền. Cánh buồm nâu quay đầu, lặng lẽ xuôi dòng tìm đường ra biển.

Nhi không biết người đàn ông lạ lùng mà Nhi nhờ cậy hôm ấy là một nhà thơ nổi tiếng. Người ấy đã tìm được một tấm đá khắc bia. Chỉ có điều, người ấy đã không làm sao nhớ nổi tên hai ông bà già xấu số. Cuối cùng, người ấy đã khắc lên tấm bia đá hình một cánh buồm làm dấu. Bây giờ, nếu ai đến nghĩa địa của làng Cổ Am và làng Hạ, nhìn chéch phía bên phải cây gạo ven sông, vẫn thấy ở đấy có một ngôi mộ đôi trên gắn tấm bia đá sứt sẹo. Trên tấm bia ấy có một cánh buồm. Dưới cánh buồm sau này bọn trẻ chẵn trâu nghịch ngợm có khắc thêm hình mấy cái mũi tên xuyên qua trái tim. Người ta gọi đó là mộ "trái tim tan nát". Bài thơ về những cánh buồm vẫn được lưu truyền ở trong dân gian như một chuyện kể về tình yêu trai gái. Mà tình yêu, bạn biết không - cái món quà tuyệt vời mà Thượng đế hào phóng ban tặng cho người đời ấy, bao giờ cũng phải trả giá bằng những giọt nước mắt nghẹn ngào, dù muốn hay không cũng vậy.

Con đường văn học

Khi tôi nhận ra rằng văn học là một thế giới hoang tưởng của người viết thì không có nghĩa là tôi hạ thấp giá trị văn học. Tôi chỉ vạch ra khía cạnh vô bổ, vô nghĩa của văn học mà thôi. Tôi cũng đã cảnh tỉnh để người viết dè chừng khả năng bị tha hoá về mặt tinh thần, đạo đức khi cầm bút viết.

Văn học có khả năng thôi miên. Thôi miên bạn đọc, nó còn thôi miên chính người viết. Những bi kịch đầy rẫy trong cuộc đời các nhà văn chứng minh điều ấy. Tôi không muốn dẫn chứng bởi vì không phải ai cũng thông cảm được.

Khi phân tích về bản chất con người, Nitsơ rất có lý khi chỉ ra rằng cái khuynh hướng lười biếng, rụt rè, sợ sệt đã ngự trị tất cả. Chỉ có ít nhà văn thành công mới dám đương nhiên công nhận rằng bản thân họ cũng hèn hạ, nhăng nhố, đôi khi bợm bãi. Họ công nhận điều ấy không phải để cầu xin sự cảm thông của người đời. Những nhà văn ấy với

lòng tự trọng và sự lịch lãm sẵn có, dám đứng ra trả giá cho những đam mê của mình, quá hiểu rằng con người làm sao có thể cảm thông cho nhau được? Ai cũng là người khác. Mỗi người là một hiện hữu, một vật thể, một linh hồn, một bản ngã, một duy nhất không lặp lại. Việc công nhận những khuyết tật của mình chỉ là một hình thức tự phê phán, tự trực độc, một lối phân thân u sầu nhằm cảm nhận hết nỗi nhục mà nhà văn phải trải qua, phải chịu đựng, đã thấy được.

Tôi có đọc ở đâu đó một giai thoại về Tú Xương. Chuyện rằng Tú Xương làm thơ, nhiều người quý mến, trong số ấy có Phan Bội Châu. Cụ Phan đến chơi, rủ Tú Xương lên Yên Thế gặp Hoàng Hoa Thám. Tú Xương nhận lời. Hai người đến Bắc Giang thì Tú Xương nghĩ lại, bỏ ra về. Sau đấy, hình như Phan Bội Châu không bao giờ gặp Tú Xương nữa. Chuyện đi Bắc Giang là chuyện đi xa nhất trong cuộc đời nhà thơ tuyệt vời của đất Nam Định. Sau này Tú Xương có làm bài thơ Sông Lấp phần nào nghĩ đến nhà chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu:

Sông kia rày đã nên đồng

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò...

Giai thoại trên thực hư không biết nhưng thấp thoáng ở đây bản tính con người nghệ sĩ Tú Xương. Ông hiện ra trước mắt tôi vừa đáng yêu, vừa thê thảm, vừa đau đớn lại vừa hài hước. Rõ ràng ở đây, với bản tính lười biếng, rụt rè, sợ sệt, sâu trong thâm tâm Tú Xương đã nhận ra nguy cơ vô vọng, vô nghĩa, nguy cơ thất bại trong cách cảm nhận và hành động của cụ Phan. Sau này chính Phan Bội Châu cho rằng cuộc đời của mình là 100% thất bại. Tôi không tin Tú Xương coi mọi hành động cách mạng sẽ chẳng có ý nghĩa gì so với một cuộc đời ả đào, nhưng biết chắc chắn Tú Xương yêu nước theo cách khác của riêng ông, nó cô đơn, cá nhân, âm thầm, thê lương, sang trọng và dững dưng lược. Cụ Phan là nhân vật anh hùng của đám đông, của số nhiều. Ngọn cờ lý tưởng của cụ giương lên hình như không có chỗ đứng chân cho ai phóng đảng lại nhiều ràng buộc. Tú Xương rụt rè tránh sang bên cạnh, ngơ ngác nhìn, ánh mắt thành kính, bản khoán tự hỏi không hiểu mình xử như vậy có đúng lẽ đời hay không? Dĩ nhiên sau đó, với thói vô tâm nông nổi thường trực, Tú Xương sẽ quên phắt chuyện ấy như bao chuyện khác. Tôi rất sợ cách quan niệm thô sơ về nhân cách nhà văn, đánh đồng nhân cách với đạo đức và phép nước. Ta không thể coi nhân cách Tú Xương tầm thường được dù ông nói thẳng:

Một trà, một rượu, một đàn bà

Ba cái lằng nhằng nó quấy ta

Dĩ nhiên không ai cho rằng bản tính lười biếng, rụt rè, sợ sệt là hay ho ở con người. Tuy nhiên những bản tính ngược lại với nó như háng hái, phiêu lưu, cố gắng biểu hiện điều gì đó thật ra cũng đáng ghê tởm, càng ghê tởm hơn khi nó được nguy trang bằng một vài lý tưởng mù mờ.

Trong văn học, thế giới hoang tưởng nhà văn dựng nên có thể như thực, giống thực, khác thực, siêu thực v.v... chẳng ai giống ai, mỗi người một cách nhưng tựu trung có lẽ không ra ngoài cái mà Gớt gọi là nghệ thuật trình diễn kịch. Điều ấy thật khó chịu nhưng biết làm sao. Ở đây cần hiểu nghệ thuật trình diễn kịch bao gồm toàn bộ: cả tác phẩm, cả tác giả lẫn hoàn cảnh thời đại tạo nên những thứ ấy.

Ta biết rằng thiên nhiên và tạo hoá cũng có một thứ nghệ thuật trình diễn kịch, điều mà ta vẫn gọi là hiện thực thứ hiện thực dai dẳng xen cả có lý lẫn vô lý, nhìn chung là tàn nhẫn vô thủy vô chung. Vậy ta nên quan niệm về hiện thực ra sao trong cái thế giới hoang tưởng mà nhà văn dựng lên, sáng tác? Tôi cho rằng cái nghệ thuật trình diễn kịch mà nhà văn quan niệm có vẻ như sự mô phỏng lại thiên nhiên và tạo hoá để người ta chịu nói chơi được. Thứ nghệ thuật trình diễn kịch của thiên nhiên và tạo hoá có phạm vi rộng lớn quá, với mục đích vô vọng quá, người ta không tải hết, không sao chơi

được, không kham nổi, buộc phải chịu thua. ở đây, về mặt nào đấy, ta có thể ví văn học với nghệ thuật chơi cây cảnh, với nghệ thuật bôn sai, một kiểu chơi thế nào đấy nhằm nhại lại thiên nhiên và tạo hóa. Song, so sánh như thế chỉ là một mặt nào đấy của hình thức mà thôi, nó không có ý nghĩa gì lớn. Văn học thật sự phức tạp hơn nhiều, nhất là khi nó đụng đến những vấn đề của thượng tầng kiến trúc.

Cũng cần lưu ý thêm bản thân nhà văn cũng buộc phải tham gia trình diễn vở kịch của thời đại mình.

Tìm hiểu văn học sử, chúng ta thấy đa số nhà văn đều mang nỗi đau đời. Nét ưu tư hiện rõ trên đôi mắt và gương mặt các nhà văn là dấu vết của những trận đòn mà số phận giáng lên họ. Cảm nhận cái đau của thứ nghệ thuật trình diễn kịch mà thiên nhiên và tạo hóa bịa đặt nên, nhà văn có ý định điều chỉnh gì đó cho vừa tầm chơi của con người chăng? Tôi không biết. Nhà văn viết bởi một sự định hướng mù mờ nào đó từ tâm thức và đạt được nó khi đã thỏa mãn tinh thần. Văn học cũng có vẻ na ná như một cuộc chơi tinh thần, một sự tiến tới độ cực khoái tinh thần. Tuy nhiên, nó cũng có vẻ na ná như một bài học luân lý, một bài học nhận thức gì đó.

Thế nào là thứ văn học có giá trị?

Xét về điều này, có lẽ cần phải gác văn bản sang một bên mà ta hãy tìm thẳng tới tác giả, sau đó hình dung tưởng tượng về hắn qua thấu kính văn bản. Có câu nói vui rằng: Các cô gái tốt thì tìm đọc những cuốn sách hay, còn các bậc nữ thánh thì tìm cách ngủ với tác giả của nó. Ta hãy theo dấu chân các bậc thánh nữ và nghiền ngẫm theo cách của ta.

Lê Quý Đôn cho rằng: Văn học không phải là trò chơi, là câu chuyện phiếm. Muốn văn hay phải hiểu biết và từng trải nhiều. Văn chương chữ nghĩa không phải là lời nói suông. Trong bụng không có ba vạn quyển sách, trong mắt không có núi sông kỳ lạ của thiên hạ thì không thể làm văn được. Trong lời nói ấy của Lê Quý Đôn, mặc nhiên nhà văn đã được đặt vào vị trí trí thức, thậm chí phải là người trí thức nhất trong cộng đồng. Sự hiểu biết thấu các lẽ đời là yêu cầu số một của các nhà văn. Anh ta buộc phải học hành tử tế và tìm cách trang bị cho mình càng nhiều tri thức càng tốt. Trong các tri thức ấy thì việc làm chủ ngôn ngữ, việc nắm bắt chắc ngôn từ là yếu tố hàng đầu. Không phải tự dưng mà các nhà văn lớn đều khuyên chúng ta biết học ở tục ngữ, ca dao, dân ca bởi đây thực sự là một kho tàng kinh nghiệm đời sống và kinh nghiệm tu từ.

Cũng phải nói thêm hình như cách học hành của các nhà văn cũng tựa tựa cách đào tạo các nhà chính trị. Tôi không dám coi các nhà chính trị là các nhà văn không thành đạt hoặc các nhà văn là các nhà chính trị không thành đạt. Tôi chỉ lưu ý rằng các nhà chính trị và các nhà văn đều đã luyện tập chung một kiểu tư duy, một thứ vũ khí. Điều ấy gây hiểu lầm và bất lợi cho nhà văn vô cùng. Cần thấy rằng thứ văn hóa tinh thần do nhà văn gây ra chỉ có lợi cho nhà chính trị mà thôi. Đây là tôi muốn nói đến những nhà chính trị thực sự. Nó góp phần thúc đẩy lịch sử và sự tiến bộ trí tuệ, điều ấy nhà chính trị không dùng quyền lực tạo ra hoặc dùng tiền mua được. Văn chương cũng là con người. Văn chương quân tử, cũng như người quân tử là thứ mà Văn Trung Tử cho rằng chỉ mời được nhưng không dụ được, bỏ được nhưng không khinh được. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà văn xuất sắc đều có chung đặc điểm là họ nhạy cảm khủng khiếp với sự nhục mạ nhân phẩm. Đây cũng là một phẩm chất thánh nhân. Về các thánh nhân, đoạn sau sẽ đề cập đến.

Trở lại giai thoại về Tú Xương và Phan Bội Châu, tôi ngỡ rằng trong cuộc đời các nhà văn, ở một khúc quanh nào đấy đều có một cụ Phan đứng lấp ló, rủ rê theo một lý tưởng cộng đồng mà ở đấy người ta đánh nhau thật chứ không chú ý nhiều lắm đến việc trau dồi văn chương chữ nghĩa. Ai ai cũng là người khác. Nhà văn cần hiểu rõ điều ấy để tỉnh ngộ. Văn chương khác với chính trị. Nó cứu cuộc đời theo cách riêng của nó.

Tôi rất ngạc nhiên khi các nhà nghiên cứu phê bình văn học tìm hiểu về các nhà văn lớn đều coi việc họ tự mâu thuẫn là việc kinh khủng lạ lùng. Điều này có vẻ phi lý vì các nhà nghiên cứu phê bình văn học thâm tâm đều muốn mỗi nhà văn là một mặt bằng, là một con vật không cựa quậy để họ dễ thọc dao. Nếu ta coi các nhà văn là những con nhộng hoàn toàn không có vỏ bọc, không có áo giáp che chắn thì ta mới thông cảm được hết việc tự mâu thuẫn trong họ, thì ta mới thông cảm tình cảnh đáng thương trong việc họ buộc phải tự mâu thuẫn ấy. Thiên nhiên đã phú cho nhà văn khả năng nhạy cảm quá mức, đôi khi quá quắt thì thiên nhiên cũng tước của hắn mọi sức đề kháng rồi.

Khi Nitsơ phân tích về bản chất con người, ông đã thật sự dũng cảm, thật bác ái khi chỉ cho chúng ta rằng thực chất tình trạng sống của chúng ta vẫn là súc vật, chỉ là súc vật. Chỉ khi nào chúng ta cảm nhận hết sự nhục nhã và đau đớn trước tình trạng súc vật ấy, chúng ta mới có cơ may vươn lên thành người. Công việc của nhà văn phần nào giống công việc của các bậc thánh tức là sản xuất ra những người cao thượng, những tình cảm cao thượng. Đây là lý tưởng cao cả của người cầm bút. Văn học có giá trị là thứ văn học có khả năng sản xuất ra những người cao thượng và những tình cảm cao thượng. Tóm lại nó là văn hóa. Một mặt khác, văn học còn là thước đo trình độ trí tuệ, trình độ học vấn của giới trí thức trong thời đại đó. Một tác phẩm văn học gây nên một sự khó hiểu nào đó không có nghĩa là không giải thích được mà là chưa giải thích được. Ta hãy nhớ rằng khi Anbe Anxxtanh đưa ra thuyết tương đối thì hầu như chẳng ai hiểu cả. Điều ấy cũng đã từng xảy ra với hình học phi Ơ-clit của Lôbasépki. Trong văn học người ta cũng từng rẻ rúng Xtăngđan và Anbe Camuy. Trong thời chúng ta, ở Việt Nam, người ta đã từng đánh giá thấp Vũ Trọng Phụng.

Tôi không nghĩ rằng mục đích cuộc sống của các nhà văn là tiến tới thành bậc thánh nhân. Đa số đều ưa một khuôn mẫu trường giả mang tinh thần philistanh. Đây là một môi trường hết sức an toàn, không phải cố gắng gì lớn, chẳng phải chuẩn bị gì, chẳng phải tốn công tổ chức... Điều thiện bao giờ cũng phải được chuẩn bị và tổ chức công phu. Đây cũng là một điều cay đắng trong thời đại văn minh hiện đại. Chỉ có điều ác mới hồn nhiên và dễ dàng như thò tay vào túi lấy đồ vật.

Luôn luôn có những trở ngại trong việc hóa thánh mà trong đó nhà văn là một sức ỳ, môi trường xã hội dung tục cũng lại là một sức ỳ khác. Câu nói nổi tiếng được nhiều kẻ thích thú: Những gì của con người đều không xa lạ gì với tôi xét cho kỹ cũng cực kỳ ghê tởm. Đây cũng là một lối nói biện minh nhằm tránh sự lố bịch, một thứ dầu nhờn bôi trơn cho trò chơi xấu.

Cô đơn, cô đơn, cô đơn hơn nữa - đây là lối mòn bậc thánh nhân. Họ tách mình ra theo đuổi lý tưởng vô vọng của họ, không màng đến sự thông cảm hay không thông cảm. Bao giờ họ cũng tiến về phía trước.

Hình như đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở bậc thánh nhân là tính ưa nhàn. Khả năng thu mình, hạn chế biểu hiện của họ trái ngược với tinh thần hăng say của kẻ phàm tục.

Nhàn ở đây chứa ẩn một nỗi đau đời sâu sắc và ở đây cũng nén thềm một tiếng thở dài về sự vô nghĩa của dòng luân thế. Thời gian chẳng thương ai cả, đây là chân lý.

Lối mòn cô đơn của bậc thánh nhân có phần hào hứng của một lối sống giang hồ.

Giang hồ sót lại mình tôi câu thơ của Nguyễn Bính xưa cay cú với bạn văn đương thời đã thoát hiểm về được môi trường an toàn trong cảnh sống trường giả và tinh thần philistanh chẳng?

Không biết. Nhưng giang hồ cũng là một ước mơ thầm kín của biết bao người viết. Họ ghê tởm thứ trật tự cổ truyền, khao khát tự do, dầu biết rằng trước sau cũng chẳng thể nào thoát khỏi thiên la địa võng.

Tôi vẫn nghĩ rằng ngay cả các thiên tài hiện minh nhất cũng không tự mình lột xác hóa thánh được, nếu không bị buộc phải rơi vào cái bẫy của một trật tự thế giới nào đó

(hoặc là tinh thần hoặc là vật chất). Rất có thể chính Giêxu Crix đã dở khóc dở cười bởi người tự giác bị đẩy lên ngôi Chúa. Các tông đồ của Người đã luận bàn xong vị trí ngôi Chúa.

Đám đông vẫn thẳng cá nhân bởi sự an toàn của đám đông cần thiết hơn vạn lần sự tiến bộ của một trí tuệ. Đây là bi kịch chung của các cá nhân trí thức.

Nhà văn là gì? Chẳng là gì cả. Nó chỉ là một linh hồn nhỏ đầy lỗi lầm và luôn tìm cách sám hối vượt khỏi những lỗi lầm ấy. Nó là con vật nhạy cảm hết sức đáng thương với các thói xấu của cả bầy đoàn. Nó viết không phải vì nó, nó viết để cả bầy đoàn rút ra từ đấy một lợi ích công cộng, một lợi ích văn hóa.

Chúng ta đã quá tự tin, vô thần khi coi nhẹ mặt tâm linh trong đời sống con người. Điều ấy thật khủng khiếp: ô trọc và vô văn hóa sẽ ngự trị khắp nơi.

Từ thâm tâm tôi vẫn nghĩ là có các bậc thánh nhân. Trong những con người bình thường cũng có những tình cảm thánh nhân. Hình như nhà văn chỉ có thể khẳng định được mình khi anh trở nên chí thánh? Còn những trang viết, nó có ý nghĩa gì đâu.

Xác chết của các nhà văn đã chất thành núi trên thế gian này. Người ta vẫn bới tìm ở đấy những mẫu vụn của con người, về con người.

Văn học có nhiều con đường, nhiều con đường dẫn tới văn học. Tất cả vẫn còn đang đi trên đường.

Một thoáng Xuân Hương Nguyễn Huy Thiệp

chành ra ba góc da còn thiếu...

(Hồ Xuân Hương)

Truyện thứ nhất

Tổng Cóc nhìn ra ngoài cửa. Ông ngắm cái sân lát gạch Bát Tràng lâu ngày đã rỗ rạn. Do cống thoát nước đã mấy năm nay tắc nên mưa là nước tràn cả vào sân. Để thế, không những sân mà cả ngôi từ đường cũng hư nát. Thông cống thì sức nhà này không làm riêng được, cái cống đục chạm đến bao nhiêu nhà.

Tổng Cóc nghĩ ngợi, ông vợ lấy be rượu sành, mở nút lá chuối rót ra chén. Đây là thứ rượu Xuân Hương mang ở quê ngoại Kinh Bắc về nhà.

Tổng Cóc đăm đăm nhìn vào chén. Hơi rượu thơm sực làm ông hắt hơi rịn cả nước mắt. Ông bực mình lấy ống tay áo lau mắt rồi uống đại một hơi. Ông chẳng bao giờ có được phong độ lịch lãm như người. Trời sinh ra ông thô vụng xấu xí thì đành chịu. Ông có cái lỗ cái hiệp của ông, để gì ai có?

Tổng Cóc không chịu được cái vẻ sạch sẽ gớm ghiếc của người đời. Nó chán chết. Ông thích những gì ào ạt của cuộc sống thực trần tục. Ông không được học hành nhiều, việc nhà thì bận rộn. Ông sợ cái nghèo cái đói. Nhìn ra ông thấy một lũ vô học và vô lương tâm vẫn đang nhờn nhờn ăn sung mặc sướng. Như thế ông hoàng bà chúa. Ông điên người. Ông cũng lao động quần quật, ông cũng đã đổ mồ hôi nước mắt. Ông phải có quyền sung sướng theo cách sắp xếp của ông. Tổng Cóc rót chén rượu nữa. Ông biết thiên hạ coi ông chẳng ra gì. Thiên hạ coi ông là thô lậu. Ông chẳng cần.

Ông khinh những kẻ không dám sống thực, không dám lặn sâu xuống đáy cuộc đời.

Ông cũng khinh cả những kẻ lặn mình xuống đáy rồi ngộp ở đấy không sao lên được.

Ông hiểu sống cho giản dị là khó vô cùng. Thế nào là phải? Sống phải cho mình là đã sống phải cho thiên hạ. Làm điều gì đấy không phải với mình thì sao ép người khác phải? Thiên hạ uốn theo chiều gió, gió thổi bốn phương tám hướng thì biết sao được? Bản tính người Việt là hay trông ngóng, nhiều khi quên gốc ở ngay chính tim óc mình.

ăn cũng trông nòi trông hướng, nhưng cứ trông mãi mà quên mất ăn thì chết. Cha chung không ai khóc là thế, vì cứ ỷ nhau, ngóng nhau. Nhà này ông không tự lo mà cứ trông vào họ hàng thì cũng sạt nghiệp lâu rồi, đâu mà xây cất được cả dinh cơ như vậy? Thiên hạ làng nước ghét ông, nó thấy ông cứ trần lỵc, ông cóc cần gì ai cả, ông cứ làm lũi lạnh lùng xuyên lên như dao xuyên thịt. Nó nói xấu ông. Nếu chúng cứ sống như ông, liệu mặt chúng có nhàu đi như đùm váy rách?

Tổng Cóc thờ dài. Đã từ lâu khi ông ra đường ông đều râu theo vài ba chuỗi tiền Cảnh Hưng vào cạp quần, ông buộc nó cả vào bụng. Ông coi tiền như rác bùn nhưng cũng coi nó như vua chúa. Đồng tiền giúp ông hiểu rõ đời hơn theo cung cách riêng của nó. Hôm ở hội Gióng có bà quận chúa họ Trần nổi tiếng kiêu kỳ, vớng lọng nghênh ngang, coi người như rơm rác. Bà đánh bạc thua, sĩ diện muốn gỡ bạc nhưng chẳng có tiền, cũng chẳng dám vay các bậc công hầu. Ông thấy điều đó và giữa đám hội ông thần nhiên đi đến ghé vào tai bà nói nhỏ:

- Tâu lạy quận chúa, quận chúa sẽ đủ tiền đánh cho hết hội.

Quận chúa đưa đôi mắt sắc như dao nhìn kỹ Tổng Cóc, rồi kéo ông ra một góc:

- Nếu ông có cho ta vay thì ta cũng chẳng có tiền để trả! Chồng ta là quan thượng thư nhưng chẳng bao giờ cho ta tiền cả.

- Tâu lạy quận chúa, quận chúa có thứ bán được tôi mua.

Quận chúa đỏ mặt, bà im một lát rồi ồm ờ:

- Thế ông mua gì mà trả thế nào?

- Tâu lạy quận chúa, nụ cười quận chúa đáng trăm quan tiền. Tôi xin trả gấp hai lần số đó.

Đêm đó, Tổng Cóc lần đầu được ngủ với một bà lớn quyền thế nghiêng trời. Cành vàng lá ngọc cũng chẳng khác gì con đõ. Hôm sau hai người gặp nhau. Quận chúa nửa đùa nửa thật:

- Ta ngủ với ông mà cứ kinh hoàng tưởng như ông hiếp dâm ta!

Tổng Cóc đáp lại quận chúa:

- Tâu lạy quận chúa, việc mua bán đã xong rồi!

Tổng Cóc uống chén rượu nữa. Ông lấy cái tráp sơn đen đựng tiền dùng những ngón tay thô ráp lần từng đồng. Ông chán ghê gớm. Trong cuộc đời mình ông vất vả nhiều, ông đã buôn một bán mười, đã thu tô cấy rẽ, đã toan tính từng nước cờ đời nhưng trong mình vẫn cứ tê tái cảm giác thua cuộc thế nào. Ông thấy trong đời toàn những thằng ác, thằng hèn nhưng lại ranh khôn như cáo. Ông sợ nhất bọn nhỏ giả, sợ đám chiêu ám và bọn tập tọng văn chương. ở trong cuộc đời, chúng lấy lý đạo dòn ông vào bẫy thiện tâm tín nghĩa, làm cho ông loí cái sắc cái lạnh vốn có ở ông. Đúng lúc mà ông do dự thì chúng phỗng sạch, đôi khi đã dấm ba lần ông suýt trở nên tay trắng. Sợ thật, ông thấy gai người. Ông mà thất bại, ông mà ăn đất thì chết ráo hết cả nhà. Ông chịu Xuân Hương ở chỗ bà luôn thất bại ở trong cuộc đời mà vẫn thẳng bằng, mà vẫn không có cảm giác thua cuộc. Ông ngờ ngờ bà to lớn hơn ông, bà mạnh mẽ hơn, sống có dũng hơn. Trong cõi nhân gian, tất cả mọi sự nghiêm chỉnh cũng là khôi hài, nên có cơ hội cần phải cười ngay, thế nhưng không hiểu tại sao ông không cười được.

Tổng Cóc đứng dậy ra trước bàn thờ. Ông hài lòng thấy bàn thờ sạch sẽ. Nải chuối trụng cước bày trên đĩa sơn, một đĩa hoa trà cạnh bên tinh khiết. Hôm nay mồng Ba tháng Ba. Chắc là Xuân Hương đã dọn bàn thờ từ sáng sớm. Ông nhìn theo hút dải khói mồng mảnh. Ngoài ngõ bỗng có tiếng mõ vọng vào:

[Chiềng làng, chiềng chạ...](#)

[Trên ngược dưới xuôi](#)

[Làng ta có người](#)

[Không chòng mà chữa... ừa...](#)

Tiếng rao rất khó chịu. Chắc cánh hương lý bày trò gọt đầu bôi vôi dĩ Huệ dưới Đoài. Tổng Cóc cau trán nghĩ ngợi rồi chạy ra ngõ:

- ơi mõi! - ông đưa tay vẫy. - Mà đừng rao nữa mà chạy về bảo Lý Cờ lại đây tao bảo. Ông đóng sập cửa. Ông biết làng này đổ có thằng nào dám dây vào ông. Lý Cờ là hạng đàn em. Tất cả lề luật làng này đều trong tay nó. Nó cho mõ rao trước cửa nhà ông là nó nhằm gì không biết. Dĩ Huệ ngủ hết với cánh đàn anh trong tổng.

Ông thấy thương nó. Dĩ Huệ phải nuôi hai bố mẹ già, mảnh đất cắm dùi không có, nó không bán trôn thì nó lấy gì mà sống.

Ông ra trảng kỷ ngồi đợi Lý Cờ. Ông rót nước trong cái ấm đất nung ủ rơm ra chén chiêu từng ngụm. Nước nụ vối nóng, Xuân Hương đã bỏ vào đôi lát gừng nên có vị thơm là lạ. Rặng vối nhà ông năm nay nhiều nụ, một nửa làng này rồi sẽ phải mua nụ vối nhà ông. Đây là món tiền dành Tết.

Lý Cờ mặc áo the đen lật đặt đi vào, trên tay cầm chiếc roi song. Tổng Cóc cười thẳm. Ông bỗng chợt nhớ trò chơi ú òa khi ông còn nhỏ, ông, nấp một chỗ nhìn rõ địch quân hoang mang rón rén lại gần.

- Vào đây! - ông giơ tay vẫy. Không để cho khách ngồi yên ông đã phủ đầu.

- Chú làm việc công mà ngu như chó! Chú cho gọt đầu bôi vôi dĩ Huệ. Ra trước hàng tổng, nó khai hết bọn chú ra thì rồi có đẹp mặt không?

Lý Cờ há miệng, bộ ria mép khể động đậy. Tổng Cóc rót nước mời khách, ông nheo mắt nhìn khuôn mặt thẳng đuồn của hắn, ngạc nhiên nhận ra ở vành tai trái có nốt ruồi đỏ. Cái nốt ruồi này tướng lạ.

- Đây là của các cụ... - Lý Cờ đỡ lấy chén nước. - Không làm thì không giữ được lệ làng... Sợ thiên hạ cười...

Tổng Cóc cười khẩy:

- Chú ngu lắm! Các cụ cũng ngu như chú...

- Vậy ý quan bác thế nào? - Lý Cờ nén giận, mắt hắn lừ lừ nhìn theo bàn tay Tổng Cóc lần lần dưới áo - Quan bác thử nghĩ lại xem...

- Ta không bàn bạc với chú! - Tổng Cóc ném lên mặt bàn mấy chuỗi tiền đồng. - Chú cầm lấy chuỗi tiền này về làm bữa rượu bàn với các cụ! - ông nhìn Lý Cờ, đôi mắt nảy lửa nhưng giọng nói ông dịu lại. - Tha cho nó, cho nó ít tiền rồi bảo nó lấy thằng mõ làm chồng.

Tổng Cóc đứng dậy. Lý Cờ điên ruột nhưng vẫn phải cầm lấy mấy chuỗi tiền đồng giật lui ra cửa.

Tổng Cóc tiễn hắn ra ngoài ngõ. Ông bỗng bắt sang chuyện khác. Ông hỏi Lý Cờ:

- Thóc giống vụ này nhà chú khá không?

Lý Cờ bắt chuyện. Đi đến hết ngõ thì cả hai bên đều đã vui vẻ. Hai người biệt nhau thân tình.

Tổng Cóc lững thững đi vào. Ông nhìn rặng vối hai bên bờ ao thờ dài: vụ vối năm nay thế là chỉ đủ số tiền đưa cho Lý Cờ lúc nãy. Ông ngắt một bông hoa nhài đưa lên mũi ngửi rồi nhăn mặt. Ông bước lên bậc thềm nhà. Trên sập gụ, một mâm bánh trôi vừa làm xong bốc nóng. Ông ngờ ngác nhìn xung quanh ngôi từ đường tĩnh lặng để tìm bóng của Xuân Hương...

Truyện thứ hai

Ấm Huy đứng lẫn trong đám chiêu ẩm đang tùm ngoài sân công đường. Chàng chán ngấy chuyện khoe khoang nhà cửa, ngựa xe, áo quần của họ. Chốc chốc, vài ba nhóm người trịnh trọng mang câu đối phúng tử cổng đi vào, đàn ông mặc áo the đen, đàn bà mặc áo mớ ba mớ bảy. Chàng nhận ra được rất ít người quen.

Ấm Huy sửa lại vành khăn tang trắng trên đầu rồi đi lững thững. Mấy bác lính lệ đang

vội vã bắc thêm rạp. Chiếu hoa trải cả trên hè, trên sân mà vẫn không đủ chỗ ngồi. Máy bà già đang tằm trâu, đóng trâu ngồn ngộn đầy máy trapsơn. Đằng sau công đường âm ỉ tiếng lợn kêu. ở giữa công đường, hương khói mờ mịt. Câu đối phúng bằng vải, bằng giấy treo đầy trên cột, trên vách. ăm Huy thấy rất nhiều người đội khăn tang trắng, phải đến gần một chục người vận áo xô gai. Chàng hơi ngạc nhiên, chàng vẫn đi lại thường xuyên với anh họ mình sao không gặp những người này. Chàng biết ông phủ Vĩnh Tường giao du có chọn lọc lắm. Họ hàng đừng hòng nhờ vả gì ông, không làm quan cầu lợi. ăm Huy rất nể anh mình nhưng trong thâm tâm chàng thấy ông cầu kỳ. Chàng trọng Xuân Hương vì bà sáng suốt hơn chồng. Bà gieo ở lòng chàng một nỗi kính phục và sợ hãi.

ăm Huy nhìn quanh. Chàng không thích bầu không khí đầy đủ chĩnh chu của đám tang này. Chàng đã dự nhiều đám tang người khác, chính việc tang gia bối rối làm chàng thấy yên tâm hơn về người đã chết. Người ta lúng túng, công việc cứ lung tung, thiếu cái này, thừa cái nọ, ai cũng thấy mình làm được, giúp được dẫu rằng có khi chẳng giúp làm gì cho tang chủ cả. Người ta xích lại nhau hơn. Tất cả hướng vào một đích. Họ có thể nói về chuyện mùa màng, công danh, thua lỗ, được bạc, đủ tất cả chuyện thế thái nhân tình nhưng đều hướng về cái chết vô nghĩa hay có nghĩa đang chờ đón họ. Sự hướng nhận ấy vô thức, người chết nằm trong quan tài chỉ là cái cớ gợi ý hướng ấy trong mọi người thôi. ở đây không có điều ấy. ăm Huy ngạc nhiên hiểu rằng dù chàng có mặt hay không có mặt ở đám tang này đều không quan trọng. Thế mà ngoài Xuân Hương ra thì chàng là thân thiết nhất với người đã khuất. Không ai cần chàng. Có lẽ không cần cả Xuân Hương nữa. Tất cả đã sắp xếp rồi. Ai có công việc người nấy. Thời giờ đã được tính toán. Ngay cả tiếng kèn, tiếng. phách của phường bát âm cũng được tính toán, khúc khoan khúc nhặt cho từng người viếng ông phủ Vĩnh Tường. ăm Huy đã biết là Xuân Hương đã giao cho tri huyện Thặng đứng ra làm tang chủ lo toan công việc. Hình thức đám ma chỉ là một chuyện. Có chuyện gì đó liên quan đến cả ông phủ Vĩnh Tường, đến cả Xuân Hương và những người đứng xung quanh đây nữa.

ăm Huy vòng ra sau dinh công đường. Cách đây mấy tháng, ông phủ Vĩnh Tường đã vui Trung Thu với những người quen ở đây. Cột nhà Thủy Tạ vẫn còn vết xém do mấy đứa con của tri huyện Thặng đốt nến. Trong đám quan lại, Thặng thuộc lớp người kỳ cựu có nhiều thâm niên. Thặng không bon chen nhưng lão khét tiếng đục khoét dân lành, cũng lạ, trong hạt của lão không hề xảy ra loạn lạc, kiện cáo như bao huyện khác. Lão coi làm quan chỉ là một nghề. Lão bảo ông phủ Vĩnh Tường:

- Đệ phục quan bác không coi quan trường là nơi kiếm sống. Đệ không làm được - Lão lắc cái đầu múp míp và hỏn hỏn cười - Đệ chỉ ăn no ngủ kỹ, làm tròn bổn phận đối với triều đình. Lính đệ bắt đủ. Thuế đệ nộp đủ. Thặng nào chống lại đệ cùm.

- Nên phải lựa lời thuyết phục dân lành, - ông phủ Vĩnh Tường bảo Thặng. - Dân ta tốt lắm. Bậc cha mẹ dân phải nêu được nghĩa công bằng.

- Đệ có bảo dân xấu đâu... - Thặng cười ha hả. - Đệ chỉ không thích được nghĩa công bằng mâm cơm của đệ với chúng. Quan bác đã nhìn mâm cơm chúng chưa, đệ mà ăn thế đệ chết lâu rồi...

Ông Phủ Vĩnh Tường im lặng. Ông nể mặt Thặng lớn tuổi hơn. Thặng đã giúp ông từ thuở hàn vi, thuở ấy ông chỉ có những hoài bão dự định trong đầu và dăm cuốn sách thánh hiền.

- Dân ta cực khổ. Tôi trông vào đâu cũng thấy xót xa. Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình. - ông phủ Vĩnh Tường nói. - Tôi muốn sĩ phu và bậc cha mẹ con dân phải hiểu...

- Đệ chịu khí chí của quan bác vậy, - Thặng cười, - nhưng dân nó ghê gớm lắm, cứ bảo một đảng nó làm một nẻo. Trong hạt của đệ có lão Lý Hồng. Thặng ấy đệ phải phục nó. Đệ bảo gì nó cũng gặt nhưng mà về làng nó làm khác cả, nó dùng mình làm ngoáo ộp

để nó bóp hầu con đở. Dân kêu nó bảo hỏi huyện. Đệ biết đệ phải ngâm tằm, nhiều khi đệ phải học nó xử sự với đời...

- Ông phải cách cổ nó đi mà thay thằng khác - ông phủ Vĩnh Tường bực bội - Luật của triều đình thế còn thể thống cái gì?

- Đệ nghĩ chán rồi! Thay nó thì thằng khác lên cũng thế. Thực ra dân nó chỉ lo làm ăn nó có cần gì chúng ta bày vẽ... Đệ thấy trong hạt của đệ nơi nào mình cứ mặc kệ thì đâu vào đấy, nơi nào mình cứ xăng xái chỉ bảo nọ kia thì loạn...

- Tôi nghe đồn ông hách lắm phải không? - ầm Huy xen vào, chàng biết Thặng cũng là tay sâu mọt nhưng lão cũng có cái thực và sự hào hiệp mà chàng vị nể.

- Hách chứ! - Thặng giơ ngón tay như quả chuối mần ra trước ầm Huy. - Không hách thì để cho bọn văn chương các chú làm loạn cả à? Văn chương là miếng đất nghịch!

- Dân có nghịch không?

- Không nghịch. - Thặng nói thản nhiên như lão đã từng nghiền ngẫm điều này lâu lắm. - Dân quen nô lệ, luật cứ ngặt nghèo nghiêm khắc là xong. Không có bàn bạc gì cả...

Ông phủ Vĩnh Tường lo lắng nhìn Thặng:

- Cách làm của ông không ổn... Các bậc thánh hiền đều lấy nhân trị làm gốc. Phải lo cho đến từng người...

- Đây là các thánh. - Thặng không chịu thua. - Đệ nghĩ nhân cũng ba bảy đường nhân. Đệ không lo đến thân phận từng người trong hạt của đệ. Không lo được! Người nào có thân thì lo. Đệ chỉ lo việc triều đình, cũng là lo thân của đệ.

- Không ai lo đến thân phận từng người cả à? - ầm Huy hỏi, chàng như ngồi trên đồng lửa.

- Đây là việc của các chú, của chị Xuân Hương. Văn chương mày lo được đấy! - Thặng nháy mắt cười.

ầm Huy chỉ muốn hất cả chén nước cầm tay vào ngay mặt lão.

- Lũ người bé nhỏ chúng ta không thể coi chốn quan trường là nơi để ta tiến hành cách tân này nọ. - Thặng nói. - Quan trường khóa ta vào trong guồng máy con Tạo xoay vần, ta không thoát nổi miệng túi càn khôn đã định....

- Chí của tôi khác... - ông phủ Vĩnh Tường nghiêm nghị. - Quan trường là nơi tôi muốn sử dụng...

- Đệ hiểu quan bác muốn nói gì rồi. - Thặng cười. - Quan trường nó sử dụng bác thì có... Đệ không muốn nói nữa đâu! Đệ biết quan bác và chú Huy đây khinh đệ, chữ nghĩa đệ nông cạn đệ nói thế thôi. - Thặng quay lại chỗ Xuân Hương đang ngồi với lũ trẻ con nhà lão. Nàng đang kể chuyện gì đó và lũ trẻ con cười như nắc nẻ. Lão đứng nhìn mấy đứa con thích thú.

ánh trăng vắng vạc lộng lẫy lạ lùng. Lão bỗng quay lại chỉ ra ngoài trời vẫy gọi ầm Huy:

- Chú hãy lại đây... Tất cả những trò bàn luận của chúng ta đều vô nghĩa hết. Thiên nhiên không hề dối trá!

ầm Huy đi lại cúi đầu chào chị dâu mình.

- Chị vốn công bằng. - Thặng bảo Xuân Hương. - Chú ầm Huy đây lúc này còn muốn gây sự với đệ. Chị bảo đệ đúng hay đệ sai?

- Đừng hỏi chị ấy, - ầm Huy xen ngang câu hỏi, chàng rất trọng chị dâu và không muốn Thặng đẩy bà vào cuộc. - ông đứng một cách khốn kiếp, thế thôi. Tôi cũng công bằng lắm đấy.

- Thế ông anh họ của chú sai à?

ầm Huy dò mặt, máu chàng rần rật trong người. Chàng nuốt nước bọt. Chú tinh tế lắm. - Thặng cười ha hả. - Tôi xin báo trước cho chú: tất cả mọi sự thanh cao hoang tưởng vẫn chết trong cối dung tục như thường!

- Điều ấy vẫn thế, - Xuân Hương tham gia câu chuyện. - Tôi không ngờ ông tri huyện tiên tri cho cả cuộc thế thời nay điều ấy.

ầm Huy bỗng nhăn mặt lại, chàng thấy nhói ở nơi tim, chàng vẫn văng vẳng lời của

Xuân Hương hôm ấy. Đám tang hôm nay tựa như minh chứng cho sự phũ phàng của vòng luân thế. Ông phủ Vĩnh Tường ôm bao dự định tốt lành mà không làm được. Chàng bỗng thấy thương ông quá. Chàng hiểu ra rằng từ đây Xuân Hương sẽ lại bắt đầu chặng đường cay đắng, bao nhiêu là ngọn gió hàn sẽ thốc thổi vào lòng bà. Anh ấy cũng là bé nhỏ với bà nhưng dù bé nhỏ cũng lấp được nỗi cô đơn ít nhiều nào đấy.

Ấm Huy sửa áo rồi lại đi về trước dinh công đường. Trước sân công đường chật ních người. Chàng len vào chỗ mấy người đào huyết đang kể lể gì với tri huyện Thặng:

- Chúng con đào đến ba lần mới được. Lần đầu đào đến nửa chừng thì “cộc” : đụng phải tiểu của người khác. Chúng con đào sang chỗ khác thì lại “thụt” : mai thuổng cứ như đào vào chỗ trống. Hóa ra tổ mối... Chúng con phải sang đến chỗ thứ ba mới được, quan bảo thế có kỳ lạ hay không?

- Thiên di đấy! Thiên di! - Tri huyện Thặng gật đầu. - Không sao cả đâu, thiên di không độc. Bảo với mọi người là không sao cả. Linh hồn ông phủ Vĩnh Tường vẫn còn muốn sống...

Lão chen ra ngoài, người lão chạm vào ấm Huy.

- Này chú, chú đi đâu đấy? Chuẩn bị đưa ma ra đồng rồi đấy! Đâu giờ Mùi rồi! - Lão kéo ấm Huy ra một góc vắng.

- Chú coi chừng chị Xuân Hương! - Lão lấy tay áo lau mồ hôi trán. Lão thờ phì phì, ghé cả cái miệng hôi hám vào mặt ấm Huy. - Mấy quan trên xuống mà bọn khóc thuê và bọn mặc áo xô gai đòi giả thêm tiền.

Ấm Huy tái mặt, tay chàng bấu chặt vào tay của lão:

- Sao khốn nạn thế. Họ hàng bà con đâu cả?

Tri huyện Thặng cúi, lão rít nho nhỏ vào tai của chàng:

- Chú ngu như chó! Ông ấy có cho bà con họ hàng nhờ vả gì đâu... Ông ấy làm quan nên coi mình là người thiên hạ... Trách nhiệm đám tang hôm nay là của triều đình... - Thặng giằng tay ra giận dữ. - Chú cứ mặc tôi! Chị Xuân Hương giao thì tôi lo hết. Tôi có cách xử của tôi. Đáng ra hay chữ như chú thì phải đứng ghi xem chúng nó phúng viếng thế nào, thằng nào phúng sót thì chú bảo tôi. Đằng này chú cứ như người ngoài cuộc... Tôi không nề eh! Xuân Hương quý chú thì tôi cho lính nó cùm chú lại...

Ấm Huy bỗng trào nước mắt. Chàng khóc hu hu. Mọi người xung quanh kinh ngạc nhìn chàng. Tiếng thanh la bỗng vang lên báo hiệu chuẩn bị đưa ma ra đồng, những hàng cờ phướn bắt đầu xếp thành từng hàng ngoài cổng. Ai đó gạt ấm Huy ra nhưng chàng vội vã chen lên phía chiếc quan tài sơn son. Chàng cố chạm vào nâng quan tài lên cùng với bao nhiêu bàn tay khác nữa. Chàng hiểu đây là cơ hội duy nhất trong đời chàng không bỏ được. Đây là trách nhiệm bổn phận của chàng. Chàng hiểu cả tri huyện Thặng, cả chàng, cả ngay ông phủ Vĩnh Tường cũng sẽ chẳng là gì cả, tất cả chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một CON NGƯỜI: nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc, đang nức nở khóc cho nỗi cô đơn mệnh mông của cõi đời...

Truyện thứ ba

Khi đạo diễn giao cho anh sắm vai Chiêu Hồ trong bộ phim viết về Hồ Xuân Hương, quả thật anh bối rối vô cùng. Anh hiểu khó khăn của nghệ thuật. Nghệ thuật đòi hỏi dốc lòng, sự trung thực và nhiều thứ khác. Anh được trang bị đến đâu, thực ra anhững mơ hồ. Việc giao cho anh sắm vai Chiêu Hồ đơn giản như một trò đùa, một trò đùa ác. Anh hỏi đạo diễn:

- Anh giao cho tôi đóng vai Chiêu Hồ vì lý do gì?

- Cậu là thi sĩ. - Đạo diễn trả lời. - Một thi sĩ trẻ có tài. Cậu hiểu vai trò của cậu.

- Thôi đi... - Anh nhăn nhó nói. - Thơ tôi nào có ra gì?

- Ban đầu đa số đều thế.

- Vì lý do khác phải không? - Anh cố gắng hỏi để cho ra nhẽ.

- ừ - Đạo diễn trả lời. - Cậu có dáng dấp một thằng trai điểm. Phụ nữ mê cậu. Trong phim có cảnh Chiêu Hồ bóp vú các cô thôn nữ, cậu vào vai ấy tuyệt vời. Anh tái mặt, cổ họng tắc nghẹn. Đạo diễn bỏ đi lát sau quay lại cầm tập bản thảo và tờ công lệnh.

- Các cụ ngày xưa cũng du côn lắm... Ra chỗ tài vụ lĩnh tiền rồi về nông thôn mà nghỉ. Cậu được ba tháng chuẩn bị để quay chính thức.

Ba tháng trôi qua... Ngày mai anh sẽ trở về thành phố. Anh thấy dứt khoát mình không sắm nổi vai này. Anh đã thuộc lâu kịch bản, một kịch bản khôn nạn, vẫn không ra văn, chữ không ra chữ. Anh thấy xót xa. Hình ảnh trong phim Xuân Hương nhạt nhạt, bị hiểu sai lệch nhớ nhãng. Người ta đắp điểm cho nhiều nhân vật những thứ tư tưởng cao siêu đáng ngờ. Đối thoại đầy rẫy ngôn ngữ hoa mỹ. Diễn viên rất đẹp. Cảnh quay rất khéo. Anh biết chắc chắn sẽ có nhiều đoạn thành công. Cảnh hội làng... Cảnh đám ma... Có khi cả cảnh Xuân Hương “ sáng tác” ... Một thứ hiện thực huyền ảo mung lung.

Anh đi men theo bờ đê, nhìn xuống dòng sông. Bất chợt, anh thấy một con thuyền nhỏ đậu ở ven bờ. Một thiếu phụ hì hục vác những bao tải nặng từ bến xuống thuyền. Sắc chiều mùa đông xám nhạt.

- Tôi muốn giúp chị được không? - Anh bước lại gần con thuyền. Thiếu phụ ngẩng lên nhìn anh. Anh bỗng sửng sờ vì vẻ đẹp lôi cuốn của chị. Vẻ đẹp tự nhiên, không ra ngày thợ, không ra từng trải.

Anh xúc bao tải lên vai và nhận ra bao chứa đầy ngô hạt. Tất cả chừng độ chục bao. Cả hai không nói năng gì. Anh cẩn thận bước trên tấm ván chông chênh và cố gắng giữ để không thờ dốc. Đến bao cuối cùng, anh vấp vào mạn thuyền gỗ làm cho bao ngô tung tóe, tấm ván bắc cầu trượt xuống làm anh ngã ướt nửa người.

Thiếu phụ bật cười.

- Không hề gì. - Anh trèo vào thuyền cố nén cơn đau. - Chị về đâu đấy?

- Tôi về ướm bến Tâm Xuân.

- Cho tôi đi nhờ thuyền với nhé...

- Anh ngồi xuống đi. Cứ để ngô đấy cho tôi. Ngô mua cho lợn, có bản một chút cũng chẳng hề gì.

Thiếu phụ ngồi ở mũi thuyền, khéo léo điều khiển con thuyền trôi theo dòng nước.

Phía bên bờ đê, một đàn chim sẻ bay ào xuống sát mặt sông, qua ngay trên đầu của họ. Họ ngồi như thế một lúc khá lâu, chỉ nghe thấy tiếng mái chèo khè khè. Anh rút một điếu thuốc lá rồi châm lửa hút.

- Chị nghĩ gì thế? - Anh hỏi và thoáng nhìn vào đôi mắt xa xăm của thiếu phụ.

- Anh không phải là người ở đây phải không?

- Tại sao chị biết?

- Trông cách ăn mặc... cách anh vác ngô thì biết.

- Chắc buồn cười ghê lắm phải không?

- Không phải người quen lao động...

Thiếu phụ lặng im vẻ như biết hỏi vì lời nhận xét không đâu. Anh hơi mỉm cười. “ Đôi mắt thật đẹp” Anh nghĩ.

- Anh là thầy giáo phải không?

Cuối cùng sự tò mò đã thắng. - Anh lại nghĩ tiếp: Đôi môi thật đẹp... Cái cổ cũng đẹp...

- Đại để thế... ở đây thích thật. Sông nước sao mà tuyệt thế.

- Cũng bình thường thôi!

- Tại chị quen đấy. Tôi thì tôi thấy cảnh đẹp tuyệt vời. Chị mua ngô về cho gia đình à?

- Cho trại lợn. Tôi ở trại lợn.

- Công việc chắc buồn phải không?

- Sao lại buồn? Tôi chẳng thấy buồn gì cả.

“ ừ tại sao công việc lại buồn? Công việc chỉ cần kết quả. Vui buồn với nó thấy đều vô nghĩa” . Chị có chồng chưa? - Anh đột ngột hỏi.

- Anh thử đoán xem.

- Có! - Anh lưỡng lự. - Không... Chắc là chưa có. Chị hăm tám tuổi phải không?

- Tết này tôi băm hai đấy. - Thiếu phụ nheo mắt và lắc mái tóc. Anh lặng người đi vì vẻ nữ tính giản dị ở cử chỉ ấy. Một sợi tóc mai vương trên đôi môi se khô.

- Tại sao anh nghĩ là tôi chưa chồng?

Nếu chị có chồng thì chồng chị không hiểu chị. - Anh cười nhợt nhạt và cảm thấy đầu gối nhói đau. - Chồng chị là người nông cạn. Anh ấy chỉ tính toán thôi... Có lần anh ấy sắm cho chị cái áo mặc rét thì là áo cũ... Thế là tan vỡ... Chị ra trại lợn và ở một mình trong một căn buồng tập thể có tám mét vuông...

Thiếu phụ cười gượng và tái mặt đi. Cái chỗ chân đau buốt lạ. Anh vén ống quần và hoảng hốt thấy đầu gối tím ngắt và rỉ rỉ máu.

- Anh sao thế?

- Đau...!

- Ôi trời! - Thiếu phụ gác chèo và lại chỗ anh. - Chết thật! Khéo què thì khôn. Thiếu phụ lôi dưới gầm thuyền ra chai dầu hỏa.

- Anh đổ vào đấy rồi bóp cho nó tan ra.

Anh nghe theo, lúng túng làm đổ gần hết chai dầu.

- Không phải thế! - Thiếu phụ bực mình cầm lấy chai dầu đổ từng tí một lên đầu gối anh rồi xoa khe khẽ.

Anh nín thở. Anh nhìn chăm chú vào cái lợn tóc loãn xoắn nơi cổ thiếu phụ rồi thở hắt ra. Anh hơi chạm tay vào bên bờ cổ thiếu phụ nơi có sợi gân nổi lên giòn giãt. Anh cảm thấy được hơi âm lan ra từ đấy và khẽ rùng mình.

- Có đỡ không? - Thiếu phụ hỏi.

- Đỡ lắm...

Một con ong nặng không biết từ đâu cứ thế bất động bay trước mặt anh. Không dằn lòng được, anh đưa tay vuốt từ cái ngán cổ trắng ngần xuống lưng thiếu phụ, cảm thấy gờ chiếc áo lót dưới làn vải mỏng. Thiếu phụ oằn lưng nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt lạnh lùng giận dữ. Anh đỏ mặt. Chị vùng đứng dậy ra chỗ đầu thuyền và gò mái chèo để cho con thuyền khởi trôi ra giữa tim sông.

Họ ngồi yên lặng. Sóng vỗ ở bên mạn thuyền đều đều gây nên cảm giác xa vắng.

- Tôi xin lỗi... - Cuối cùng anh lúng túng nói, mắt nhìn vào bàn tay mình như thể nhận ra ở đấy một vật quái dị ở đâu gắn vào. - Tôi ngu xuẩn quá...

Anh nhìn ra phía bờ sông bên lở. ở đấy có một vạt đất vừa mới sụt xuống rào rào.

- Tôi xin lỗi chị. Tôi đã cư xử thật tồi.

Thiếu phụ hướng mắt nhìn phía bờ sông bên bồi. - Thôi đi... Đàn ông các anh ai mà chẳng thế! Anh giúp tôi mấy bao ngô rồi đòi trả ơn... Đàn ông các anh thế hết.

Anh thấy cổ mình dặng ngắt. Một nỗi tê tái lan truyền ở toàn cơ thể. ở phía chân trời có một cánh vạc đơn lẻ bay về. Họ lại lặng im. Lát sau anh ngượng ngập hỏi:

- Chị không giận chứ?

- Hơi đâu mà giận! - Thiếu phụ trả lời, khóe môi mím lại, đôi mắt nhìn anh không hề khoan nhượng.

- Đàn ông chúng tôi đều đốn mạt hết! - Anh buồn rầu nói rồi bồng cẩu lên. - Chị không tha thứ thì mặc kệ chị! Chúng ta là gì ở thế gian này? Trước sau thì tôi cũng chết! Chị cũng chết! Đàn lợn của chị cũng đều chết ráo!

- Anh buồn cười thật. - Cuối cùng thiếu phụ bắt đầu vui lại. - Lúc nãy anh bảo tôi ở một mình trong phòng tập thể có tám mét vuông là vì sao thế?

- Vì sao ư? Vì chị là người đàn bà rất tốt. - Anh nói hơi thiếu tự tin. - Đàn ông không chịu nổi những người bà rất tốt, tâm hồn của người đàn bà phải hơi nhom nhem thì mới sống được. Bao giờ cũng thế. Khi người đàn ông bất lực, thấy những kẻ khác to lớn hơn mình thì họ gây sự, thế thôi.

Thiếu phụ khe khẽ thở dài.

- Chị có tin lời tôi nói hay không?
 - Không! - Thiếu phụ lắc đầu. - Đàn ông các anh như trẻ con cả! Cũng giống hệt như đàn lợn của tôi. Khi nào được ăn thì phởn... Cả hai cười phá lên. Dòng sông êm ả tuyệt vời.

- Được trò chuyện với chị thật thích! - Anh thành thực nói. - Chị không giận chứ? Thật tôi ân hận quá chừng...
 - Không. - Thiếu phụ trả lời. - Chúng tôi quen rồi. “ Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu...
 Anh nhìn đắm đắm vào những xoáy nước hút bên mạn thuyền rồi nói:
 - Cuộc sống thật buồn. Nhưng nó giản dị và đẹp Chị thấy thế không?
 - Thỉnh thoảng, - thiếu phụ trả lời.
 - Được gặp những người đàn bà như chị thật thích. Tất cả đàn ông chúng tôi đều muốn sống mãi, chúng tôi đều sẽ tốt lên.
 - Anh nói khéo lắm! - Thiếu phụ cười khế, âm thanh giọng cười quyến rũ. - Thế sao lúc này anh bảo nếu tôi có chồng thì chồng tôi sẽ gây sự với tôi?
 - Anh ấy sẽ gây sự... - Anh nói sôi nổi và đầy thuyết phục. - Chắc chắn thế! Anh ấy sẽ đau khổ. Anh ấy sẽ sa ngã, sẽ đánh bạc, sẽ nghiện ngập... Anh ấy đuổi theo những người đàn bà không đáng bằng cái gấu quần của chị. Anh ấy thân tàn ma dại! Cái thằng chó ấy! Nó không biết rằng khi nó mất chị thì nó mất cả cuộc đời!
 Thiếu phụ hoảng hốt nhìn anh rồi bật òa khóc. Anh sợ hãi. Anh nhìn chăm chú vào khuôn mặt đầy nước mắt của thiếu phụ rồi chậm rãi nói:
 - Rồi chị sẽ tha thứ... Phải không... Rồi chị sẽ tha thứ... Mặc dầu chị biết điều ấy cay đắng vô cùng... Anh khẽ thở dài rồi thử cử động cái chân. Cái chân không còn đau nữa.
 - Anh thật tốt quả... - Lát sau chị nói khế.
 - Sắp đến bến rồi...
 “ Văn chương là thứ bỉ ổi bậc nhất! - Anh cay đắng nghĩ. - Nó gây ra sự nhiễu loạn trong cuộc đời thường. Cuộc đời trôi đi đơn giản. Day đi dứt lại làm gì?”
 - Chị tên là gì? - Anh đột ngột hỏi. - Tôi muốn đến thăm liệu có được không? Tìm chị ở đâu?
 - Tôi là Hương. Tôi cập thuyền vào để anh lên nhé. Tôi phải đưa thuyền vào dưới kênh đào.
 Anh gật đầu. Nỗi buồn tràn ngập lòng anh.
 - Chị Hương này! - anh nói khi bước lên bờ. - Ngày xưa có một nữ sĩ tên là Hương đấy. Chị có biết không?
 - Có! - Thiếu phụ gật đầu và vẻ hân hoan ngập tràn trong nắng chiều. - Thế đến bao giờ anh lại thăm tôi?
 Anh bước lên bờ mà chẳng trả lời. “ Không. Tôi chẳng bao giờ đến thăm chị cả. - Anh cay đắng nghĩ. - Nếu thế thì rồi mọi việc sẽ nghiêm trọng mất. Tất cả những gì nghiêm trọng dành cho người khác. Tôi là nhà thơ, tôi cũng đòi một chút quyền... Anh bước một mạch lên trên mặt đê mà không ngoảnh lại. Ngày mai anh về thành phố và sẽ bước vào trường quay trong vai Chiêu Hồ. Có tiếng ai gọi vang trên mặt sông nghe rất xa vời, anh chỉ nghe rõ tiếng “ ơ” .
 Anh dừng lại, chụm tay hướng xuống dòng sông và cũng trả lời hết sức nồng nhiệt.
 - ơ.. ơ!
 Anh vừa thu được và vừa đánh mất một buổi chiều rồi. Có hề gì đâu? Thời gian thật là hào phóng. Nhưng mà hãy vì sự hào phóng ấy ta phải sống cho nhanh lên, có ích. Với cuộc đời này. Không chờ gì cả. Có lẽ ngày xưa chính là Xuân Hương sống thế.